

Tác Giả và Tác Phẩm

Thế Phong (I)

Tiểu sử

Tên thật Đỗ Mạnh Tường.

Tác phẩm

Tác phẩm đủ thể loại: thơ, truyện, phê bình, khảo luận, dịch thuật:
Khu Rác Ngoại Thành, Lý luận phê bình văn học ở đô thị Miền Nam 1954-1975



Mục Lục

Trò chuyện cùng nhà văn Thế Phong – Ban Mai – 2
Hà Nội, nhớ cô gái...Pigalle – 6
Thế Phong và cơn mê dục vọng – Tạ Tỵ - 10
Nhận diện vóc dáng Nguyễn Đức Quỳnh - 30
Thế Phong như tôi biết – Hoàng Hương Trang – 32
Phòng vấn nhà văn Thế Phong - Trần Hữu Lục - 40

Phụ đính:

Hào hoa là linh không quân - Tạ Thành Kinh và nàng T.T.Kh
Bữa ăn cuối cùng với con gái Phán Quan
Đường Bá Bôn - Vợ Phùng Quán đã trở về cát bụi...

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Trò chuyện cùng nhà văn Thế Phong Ban Mai

Lần đầu tiên tôi biết nhà văn Thế Phong cách đây hơn 6 năm khi đọc truyện ngắn “*Thủy và T6*” đăng trên tạp chí Hợp Lưu số 82, năm 2005. Với giọng văn miên man, tình tiết lôi cuốn, truyện ngắn vẽ lại xã hội Sài Gòn những năm trước 1975, tôi đọc một mạch không dứt, cuối truyện tác giả bỏ lửng khi đang hồi gay cấn, với lời ghi chú (...*tạm ngưng nơi đây...*). Tò mò đoạn kết, tôi liên hệ tạp chí Hợp Lưu phần tiếp theo và được trả lời, chỉ thấy có văn bản này từ chồng sách cũ, tạp chí không liên hệ được tác giả, nên không biết Thế Phong đang sống ở đâu... và rồi theo thời gian tôi quên ông.

Tình cờ, tác giả Trần Hoài Anh gửi tặng tôi cuốn “*Lý luận phê bình văn học ở đô thị Miền Nam 1954-1975*” xuất bản năm 2009, cuốn sách viết lại từ luận án tiến sĩ của anh. Tôi thật vui vì biết rằng Văn học Miền Nam “đã không chết” trong các trường học. Hiện nay, đề tài văn học Miền Nam đang là “thời thượng” mà giới nghiên cứu sinh, cao học trong nước ra sức tìm kiếm, thay thế những đề tài quá cũ và sáo mòn. Anh kể tôi nghe quá trình đi tìm tài liệu Văn học Miền Nam để viết luận án, anh được nhà văn Thế Phong cung cấp nhiều tài liệu trước năm 1975. Tôi ngạc nhiên, nhà văn Thế Phong trong “*Thủy và T6*” còn sống sao? Thế là tôi có địa chỉ của Thế Phong và liên lạc với ông... Sau đó, tôi nhận được truyện ngắn của ông gửi qua đường bưu điện, nhưng cuối cùng tôi mới biết thì ra đoạn cuối (...*tạm ngưng nơi đây...*) như vậy là hết...tác giả bỏ lửng không viết tiếp làm người đọc ngộ nhận cứ dài cổ đợi chờ. Tìm lại một nhà văn Miền Nam cũ, có nhiều hiểu biết về giới văn chương Việt Nam trước 1975, với một người “hậu sinh” như tôi là niềm hạnh phúc. Nhà văn Thế Phong rất hào phóng và ưu ái gửi tặng tôi 12 cuốn sách cũ trong tủ sách gia đình ông.

Thế Phong tên thật Đỗ Mạnh Tường, sinh ngày 10-7-1932 tại Yên Bái. Năm 1952 ông in Truyện ngắn đầu tiên “*Đời học sinh*” với bút hiệu Tương Huyền đăng trên nhật báo Tia sáng ở Hà Nội. Truyện dài đầu tiên “*Tình sơn nữ*”, in ở Sài Gòn năm 1954, ngay khi vừa đặt chân vào Nam. Trước đó, ông là cộng tác viên với các Nhật báo ở Hà Nội như: Tia sáng, Giang Sơn, Thân Dân, Dân Chủ, Mạch Sống. Sau 1954 ông cộng tác với các tờ báo ở Sài Gòn: Đời Mới, Nguồn sống mới, Văn nghệ tập san, Văn hóa Á châu, Tân Dân, Tạp chí Sống, Sinh Lực, Tuần báo Đời, Trình bày, Tiền tuyến, Sóng thần, Lý tưởng.v.v...Đăng truyện ngắn *Les Immondices dans la banlieue* trên báo *Le Monde Diplomatique* (Paris 12-1970). Đăng thơ trên tạp chí *Tenggara, Kula Lumpur-Malaysia* (từ 1968-1972).

Thế Phong là nhà văn viết đủ thể loại. Đến nay, ông đã sáng tác trên 50 tác phẩm: thơ, truyện, phê bình, khảo luận, dịch thuật. Bàn về thơ Thế Phong, nhà thơ Bùi Giáng từng viết: “*Thế Phong hùng hậu, ngang tàng, bướng bỉnh, khó tính. Bài thơ đi ào ào, lúc chan hòa tâm sự, lúc cộc lốc phiêu nhiên. Thơ cảm động vô cùng mà cũng lấm phen khiến người ta cười bật thành tiếng. Thơ của ông Thế Phong là chỗ kết tụ của một tâm hồn tế nhị khôn hàn và nổi gàn bướng khó tả. Ông làm giàu cho thi ca hiện đại không phải là ít*”. (NXB Ca Dao, Sài Gòn 1969). Thơ Thế Phong mang chất bất cần đời, đôi lúc số sàng, tàn nhẫn, văn ông ngược lại phóng khoáng, mượt mà, những nhận định về con người trong các tiểu luận đầy chất chiêm nghiệm, có lúc rất độc mang tính võ đoán nhưng thẳng thắn. Ông là một trong những nhà văn Miền Nam kỳ cựu hiện còn sống tại Sài Gòn. Để hiểu rõ sinh hoạt văn chương Miền Nam và tình hình giới văn nghệ trước và sau năm 1975, tôi mời ông trò chuyện.

Ban Mai: *Thưa nhà văn Thế Phong, được biết ông là một trong những nhà văn Miền Nam hiện còn sống ở Sài Gòn và có những khảo cứu công phu về Văn học Việt Nam như những cuốn: Lược sử Văn Nghệ Việt Nam, Tổng luận sáu mươi năm Văn Nghệ Việt Nam 1900-1956, Hiện tình Văn nghệ Miền Nam 1957 – 1962; vậy ông có thể cho biết sinh hoạt văn chương miền Nam*

trước năm 1975 ra sao? Từ các khuynh hướng nghệ thuật chính, đời sống văn nghệ đến kiểm duyệt ?

Thế Phong: - ...Cô Ban Mai ơi , (cứ cho tôi xưng hô thân mật cùng đọc giả, lần đầu gọi điện thoại, hỏi truyện ngắn" *Thủy và Tô*", đăng trên" *Hợp Lưu*" (Hoa Kỳ) hiện còn sống ở Sài Gòn, thật sao?!) ...mới nghe xong, sao nó ngậm ngùi vậy?! Quả tôi đã già thật ,78 tuổi rồi - chứ không còn tự biện bạch" *ta chưa già nhưng đã lớn tuổi*" (nói theo tác giả" Chết Non") đặt câu hỏi vậy- buộc tôi phải giải thích những cuốn sách trên- thực ra chỉ là bốn tập trong bộ" *Lược sử văn nghệ Việt Nam*": a) *Nhà văn tiền chiến: 1930-1945*, b) *Nhà văn kháng chiến chủ lực : 1950-1945 + Nhà văn miền Nam : 1945-1950*, c) *Nhà văn hậu chiến : 1950 -1956*

- Câu hỏi tiếp theo" ...có thể cho biết sinh hoạt văn chương miền Nam trước 1975 ra sao? Từ các khuynh hướng nghệ thuật chính, đời sống văn nghệ đến kiểm duyệt ?

- Rất tình cờ câu hỏi được đặt ra- " hay thì thật là hay.." , nhưng , tôi đã viết hết trong" *Hiện tình văn nghệ miền Nam: 1957-1962*" rồi. Ai" khứng " theo dõi, xin mời vào : <Google/ Search/ nhà văn thế phong >, < Google/ Search/ thế phong>, < Google/ Search/ Thephong writer>. Riêng tôi, hẳn không thể làm thêm" việc bắt voi bỏ giò" một lần nữa. Chỉ nhớ một chi tiết " vấn đề kiểm duyệt" thời Việt nam Cộng hòa- tôi đã là một" *lớn đầu bạc nhất tội đồ*" của Sở Phối Hợp Nghệ Thuật (tức Sở kiểm duyệt) của Bộ Thông Tin VNCH.

Ban Mai: *Vậy cuộc sống của các nhà văn Miền Nam như thế nào trước tình hình chiến sự ngày 30 tháng 4 năm 1975, những ngày sau cùng, và rồi sau tuyên bố đầu hàng của Dương văn Minh, họ có lo lắng và suy nghĩ gì?*

Thế Phong: Tôi chỉ nói riêng về gia đình chúng tôi . Từ Khu Gia binh Không quân ở Tân Sơn Nhất ra ở nhờ chị họ, tại 13 Trần Khắc Chân, Tân Định một tuần; sau chuyển sang căn nhà ở 118/ 12 Trần Khắc Chân Tân Định- Nhà có gác lửng bỏ không , anh Đàm Xuân Cận cho ở nhờ. Bắt đầu, kiếm miếng sống độ nhật - sắm một tủ kiếng nhỏ, mua bánh bông lan về bán lẻ- đầu tiên ngồi trước ngõ 27 Trần Khắc Chân, bán ế, chuyển ra trước chợ Tân Định. Một thời gian sau, tôi đi làm" lo" xe thực thụ, tuyến xe buýt Thủ Đức-Saigon- còn vợ con bán nón, ngồi trước cửa Trường Bà Sơ Thiên Phước (chị nuôi- ca sĩ cổ nhạc Lệ Liễu, trưởng ban cổ nhạc Đài Saigon mua buôn mũ, nón- bỏ mối , bán trước, trả tiền sau theo lối trả " gỏi đầu". Rồi tôi trở thành công nhân viên chức Công ty Xe Khách Thành, từng" kinh qua" phụ xe, nhân viên an toàn giao thông, bảo vệ điều độ- năm 1992 tôi xin" hưu non" , lãnh tiền một lần.

- Mời đọc trích đoạn " *Hồi ký ngoài văn chương*" / *Thế Phong* (Nxb Văn Nghệ- California, USA xb năm 1995) phản ảnh " cuộc sống nhà văn miền Nam" khi ấy.

Ban Mai: *Ông có thể cho biết, sau tháng 4 năm 1975 khi chấm dứt chiến tranh, với chính sách sai lầm "đốt sạch tàn dư chế độ Mỹ-Ngụy" các nhà văn Miền Nam đã có những năm tháng như thế nào? Chuyện gì đã xảy ra đối với ông, bạn bè ông?*

Thế Phong: Đầu tiên, Nhà sách Khai Trí lớn bạc nhất của Saigon, bị đốt sách, sau nhà bị Quân Quản tịch thu. Chủ nhà sách Khai Trí, theo tôi biết, có tới 3 , 4 căn nhà lớn - 2 ở đường Lê Lợi, kho sách ở gần rạp Cathay, một ở trên đường Pasteur vv.. Ông năm chung danh sách" đi học tập cải tạo" , khi được thả về, ông được con bảo lãnh sang Mỹ, lại quay trở về Saigon, đem theo một số sách , báo (khoảng 2000 cuốn)- lại bị tịch thu. Ông in một loại sách vô thưởng vô phạt, thơ tình xưa và nay, vv.. rồi chết tại quê nhà. Tôi cảm phục nhất- ông sống đời sống một người bình thường- không vì tiền của, nhà cửa bị mất mà phát" điên"!

Cô Ban Mai này, cô còn nhớ chuyện Tần Thủy Hoàng đốt sách không - rất quy mô, bạc đãi trí thức có sách vở - rồi cũng chẳng đi tới đâu- đâu cũng vào đấy cả thôi. " Như cô đặt vấn đề" đốt sách tàn dư chế độ Mỹ Ngụy" - nhờ vậy , giúp cho" sách vàng" ," nhạc vàng" sau này được bán ở các tiệm sách cũ, giá ngọt" lười lam". Tôi biết một anh bán sách cũ làm giàu - anh Đức- chủ tiệm" Kỳ Thư"- chỉ bán một bộ tạp chí " Bách Khoa" khoảng trên 168 (?) số (chủ nhiệm Lê Ngô Châu) , cho một nhà sưu tầm Nhật bản, trả đô la, anh kiếm" bộn". Anh có rất nhiều sách cũ, ai hỏi, lập tức đến ngay chỗ đó, đưa ra. trí nhớ anh này thật siêu phàm! Một lần, tôi đi ngang qua Võ Văn Tần (khúc đường tàu xe lửa), có ai "ói" gọi- nhìn lại là anh Đức, nhờ anh , tôi mua được 20 cuốn sách ronéo do Đại nam Văn Hiến xuất bản, sách ký tặng còn nguyên. Anh lấy giá" hữu nghị" (gần 100 usd) - mua xong, tôi đến 160 Nguyễn Đình Chiểu Q.3, leo lên gác 1, xin gặp " chủ nhiệm Bách Khoa"- không phải trách, mà nhờ anh Châu, tôi mới có một số sách làm tư liệu, sau này tái bản.

- Tới vụ cải tạo tư sản 1978, có nhà giàu quá, đã đúc vàng thành sơi " lòi tói" để khóa ngoài cổng , cũng bị khám phá ra. Có người giấu diếm " vàng, đá quý" trong những cục gạch ở tường- chủ vượt biên, hoặc đi" kinh tế mới", nhà bán hoặc sang tên cho" cán bộ"- cán bộ phá nhà xây lại-thợ xây bỗng trở thành chủ giàu sụ. Chính hậu quả' cải tạo tư sản" nảy sinh cảnh vượt biên lớn chưa từng có trong lịch sử " *một nuôi má, hai cá ăn!*

- Một số bạn văn chương được đi" cải tạo dài hạn" (một , hoặc hơn một), tội vượt biên, tội" biệt kích cầm bút"- điều tôi biết-, Nguyễn Thụy Long (1938-2009) - người viết được nhiều đoản thiên, tiểu thuyết về đề tài này: "*Con chó lu bu*" (truyện thật đặc sắc, theo tôi - đã đăng báo, ở hải ngoại chưa in ra), và nhiều tác phẩm đã xuất bản ở hải ngoại: "*Gác bút*", "*Giữa đêm trường*" vv....

Ban Mai: *Được biết ông là một nhà văn xuất thân trong quân chủng Không Quân VNCH, với nhiều bút ký, với tác phẩm nổi tiếng "Nửa đường đi xuống", vậy ông có nhận xét thế nào về tác phẩm của các nhà văn quân đội Miền Bắc như Bảo Ninh, Chu Lai...?*

Thế Phong: ...Tôi rất dị ứng" với "mác" "nhà văn quân đội." Với tôi, chỉ có "nhà văn" , anh có thể làm" lính nghề", " lính quân dịch" (bây giờ: nghĩa vụ). Anh sống trong quân ngũ, được cảm động, anh viết nhân vật sống quân ngũ. Với Bảo Ninh là " Nỗi buồn chiến tranh", tôi đã đọc, và viết cảm nhận trong" Hà Nội 40 năm xa" (sđd.), tác giả viết rất thực về " cuộc chiến xào sáo" . Phải nói đó là cuốn tiểu thuyết" đáng được coi là tiểu thuyết hay". Đã từng được dịch sang ngoại ngữ, phổ biến nhất, là sách anh ngữ, qua tài " *tai thông, mũi thính ngoại nhân*" ! Sau, tôi đọc" *Chuyện kể năm 2000*"(nhờ anh Đắc Sơn về Hà Nội năm 2005, mua trọn bộ hai tập . xem vội ", " mua chui" ở đường Thanh Niên (Hồ Tây) " 300 ngàn đồng" (nhà thơ Đoàn Lam Luyến giàu to!)- tôi thích hơn, đánh giá cao hơn, so " *Nỗi buồn chiến tranh*" đọc từ mấy năm trước. Tác giả kể lại, viết bản thảo xong, cứ gửi "bừa" tới Nxb Thanh Niên ở Hà Nội, và sau được in ra thật . (thời kỳ giám đốc Bùi Văn Ngợi và nhà thơ Đoàn Lam Luyến" bao thầu" in ấn, phát hành). Một bộ tiểu thuyết" thật hay"! sau này, ở hải ngoại một, hai nxb đã in ra, không biết tác giả có nhận được "đồng xu, bạc cắc" bản quyền nào không- so với Tô Hoài- nhà văn" cội" , gốc Hà Nội", ẵm bộn" tác quyền sách in ra từ hải ngoại! Tôi không hề đọc tác phẩm Chu Lai- xin miễn trả lời.

Ban Mai: *Ngày nay, nước nhà đã đổi mới, cuộc sống của ông ra sao, ông có được xuất bản sách trở lại không? Những năm gần đây ông có tiếp tục viết?*

Thế Phong: - Cuốn sách đầu tiên được in ra, phải nhờ" bóng, vía" , nhà thơ Trần Nhật Thu- hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (TW) sống , làm báo ở tp HCM. Năm 1994, tôi và anh Thu (còn được mệnh danh" giám đốc cấp giấy phép của giám đốc". Lúc nào trong cặp , anh cũng sẵn " vại " giấy phép" khổng". Anh bảo tôi" anh viết xong, tôi điền tên tác phẩm vào, đưa nhà in

in ngay" Thế là" *T.T.Kh ., Nàng là ai?*" ra đời (ký Thế Nhật- vì anh Thu viết 2 mẫu ngắn trong sách). In tại nhà in Công ty Văn hóa Quận 11, nơi này phát hành luôn. Chỉ một tuần sách in xong, 10000 ngàn cuốn, đề ở "trang Lưu chiếu" 2000 " thôi. Sách bán chạy quá, cô N.guyệt , phụ trách các quầy, sạp báo, hai cậu em vợ anh Thu làm cho Nhà phát hành Fahasa, sáng sáng" kìn kìn" chớ hết bó này sang bó khác đến Nhà sách Nguyễn Huệ, Nhà sách Saigon, nhà sách Tân Định vv...(..)

Kết quả, 70 bài báo, từ TW (*viết tắt*: trung ương) đến địa phương" , cả hải ngoại phản pháo" tác phẩm" đánh lừa bạn đọc" (Tuổi trẻ) vv. và vv.. nhiều bài viết nhất, là báo Thanh Niên- hình như 2 phóng viên văn hóa tranh luận cãi nhau về cách viết bài" ủng hộ", " đả kích" NÀNG T.T.KH , suýt choảng nhau, chỉ tội" võ "ấm trà thì võ , chén thì bể"!(..)

Đến nay, tôi đã có trên dưới 10 tác phẩm tái bản (nguyên tắc thỏa thuận với người biên tập" các anh có quyền gạch xóa, nhưng không có quyền thêm chữ, dầu là đôi ba." Những cuốn mới viết xuất bản tại Việt Nam:" *Hà Nội 40 năm xa*" (bút ký, nxb Thanh niên 1999, 2006), " *Cuộc đời làm văn, viết báo: Tam Lang-Tôi kéo xe*"(nxb Văn hóa , Hà Nội,1996- nxb Đồng Nai, 2004), " *Chiêu niệm 4 nhà văn Saigon: Vũ Hoàng Chương/ Đình Hùng/ Tam Lang-Vũ Đình Chí / Mai Lâm-Nguyễn Đắc Lộc*" (nxb Đồng Nai 1999), và 2 cuốn xb ở hải ngoại" *Hồi ký ngoài văn chương*" (Đồng văn xb& Nhà sách văn nghệ, Cali, USA phát hành, năm 1995)," *Thư viết ở Sài Gòn*"(Văn Uyển xb, San Jose,Cali, USA 2000).

Bây giờ đã 78- " thời gian nghỉ ngơi" , sau 58 năm "thời gian viết lách"- nay chỉ viết bài ngắn, cho đăng lai rai duy nhất trên web: Newvietart.com của anh Từ Vũ chủ biên ở Pháp mà thôi.

Ban Mai: *Theo ông, Hội nhà văn Việt Nam và văn nghệ sĩ miền Bắc có gì giống và khác so với Hội nhà văn Miền Nam và văn nghệ sĩ Miền Nam trước đây. Nhân cách con người, kiến thức chuyên môn, tâm ảnh hưởng của họ đối với xã hội?*

Thế Phong: - Câu hỏi này "interesting ":và cũng" hắc búa" không kém. Theo tôi, Hội hè của " nhược tiểu dân tộc" đang vươn lên , dầu, có đang trở thành CON RỒNG chẳng nữa - vẫn bị lệ thuộc vào đồng tiền văn hóa " bảo hộ". Ngay một nhà văn Pháp có lần kêu đồng tiền" *le fétichisme de l'argent*" hoặc Lê Văn Trương viết cả một pho tiểu thuyết " *Đồng tiền xiết máu*". Đồng tiền gồm hai mặt , biết sử dụng: ' tên đầy tớ tốt"; ngược lại, ' nó là " tên chủ xấu CỦA kẻ mang " ngân ảnh". Bao nhiêu tạp chí ở miền Nam, từ " Hội Nghiên cứu Liên lạc Văn hóa Á châu"(có tờ tạp chí" Văn hóa Á châu"- chỉ sống được, khi " ngân ảnh" từ Asia Foundation(Mỹ) rót vào- tờ" Hiện Đại" của Nguyễn Sa. được viên Chánh sở (người từng dịch sách) Sở Nghiên cứu Xã hội) gọi nôm na " Mật vụ thời TT. Ngô Đình Diệm) cấp" ngân ảnh Tổng thống Diệm", thì' sống" được trên 10 số. Chánh sở Mật Vụ Trần Kim Tuyến bị lật đổ theo Đệ I Cộng hòa, Nguyễn Sa thẳng lưng nói thật" Mật vụ không cung cấp tiền nữa, báo đành" ngum" thôi!".. Rồi" Sáng tạo" của Mai Thảo, lúc đầu được William Tucker cấp" ngân ảnh", (gài quản lý Đặng Lê Kim làm nội ứng báo cáo) , hết" cấp" ngân ảnh , thì báo " sập tiệm". Và nhiều tờ nữa... Trở ngược về thời tiền chiến, hỏi" chủ nhiệm Phạm Quỳnh" với" Nam Phong"- chủ nhiệm đã ghi tên chánh sở mật thám Marty trên báo, hoặc các bậc tiền bối , như Nguyễn văn Vĩnh, Trương Vĩnh Ký, vv vẫn cần " ngân ảnh bà đầm xòe" phân phát để làm văn hóa đấy thôi!

Hội đoàn văn hóa, văn nghệ miền Bắc- tôi không biết, cả " *nhân cách, con người kiến thức, chuyên môn, tâm ảnh hưởng của họ đối với xã hội ..*" - tôi lại càng không biết gì hơn - vậy thì - không thể trả lời " bừa" điều tôi mù tịt.

Tôi là một quân nhân Không quân trong Quân đội VNCH, nhưng tôi nhất định không ghi danh gia nhập Hội Nhà văn Quân Đội (VNCH). Và tôi tâm đắc với " chân dung nhà văn Thế Phong "được" nữ thiếu tá quân nhân Quân Lực VNCH , còn là một nhà thơ -" bóc" trần trụi , qua ngòi

bút Cao My Nhân (...)

Ban Mai: Ông có theo dõi văn chương của cộng đồng người Việt ở hải ngoại? ông nghĩ gì về họ?

Nhà văn Thế Phong: - ... mới đây thôi trả lời phóng viên *Calitoday.com*, tôi đùa: "văn chương Việt nam nổi dài ư? - vậy thì điều này, tôi nói thật lòng," không có ngày 30/4/1975, sẽ không có một số người trở thành nhà văn hải ngoại được". (...) - một số nhà văn trẻ (nam có, nữ có) sáng tác bằng anh ngữ, tôi không có ý kiến, vì chưa đọc.

Ban Mai: Với tinh thần giao lưu, hội nhập với thế giới mà Nhà nước đang chủ trương, ông có tin ngày càng có nhiều nhà văn người Việt ở hải ngoại về nước xuất bản sách hay không?

Nhà văn Thế Phong: - Có rồi, thí dụ Trần Thiện Hiệp chẳng hạn. Hồ Trường An có nhận xét này: "... Qua ba thi tập "Cây Lá Phận Người," " Mặt Trời Lưu Vong," " Đỉnh Mây Qua, "chúng ta thấy một điều: Trần Thiện Hiệp dù đã từng trải những thảm nạn tai ương trên quê hương, đã từng trải qua bao mệnh nước nổi trôi (...) anh còn giữ được một(....) trái tim nhạy cảm để dựng lên một cõi thơ đẹp muôn về..." ("Tác phẩm đẹp của bạn"/ Hồ Trường An - viết về Vi Khuê, Trần Thiện Hiệp, Cao My Nhân,, v, Cỏ Thơm xb, USA 2000)

Và ngay cả Võ Phiến" ...(...)... mới đây trả lời báo chí "lá (phải) rụng về cội" cơ mà! Vậy là Nghị quyết 34 đã đi vào "hiện thực" từ lâu rồi, cô Ban Mai ạ!

Ban Mai: Cảm ơn nhà văn Thế Phong đã có cuộc trao đổi thẳng thắn như vậy. Mặc dù, vẫn biết "văn trường là chiến trường", thời nào cũng có những "ân oán giang hồ" của giới cầm bút. Bài viết này đã giúp thế hệ chúng tôi hiểu hơn về một thời đã qua. Tuy nhiên, thế hệ tôi muốn vượt thoát những tị hiềm cá nhân, những quan điểm chính trị, để hướng đến một nền văn chương Việt Nam lành mạnh hơn. Trong dòng lịch sử VHVN hiện đại, tôi tin rằng sẽ đến lúc trong giáo trình giảng dạy của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Phần Văn học Miền Nam Việt Nam trước 1975 và Văn học Việt Nam Hải ngoại từ 1975 đến nay sẽ được nghiên cứu nghiêm túc trong các bài viết về Tiến trình phát triển lịch sử Văn học Việt Nam trong thế kỷ XX. Cảm ơn ông về cuộc nói chuyện cởi mở này, chúc ông sức khỏe.

(Ghi chú:

Bài viết này thiên về văn chương nên những thông tin mang tính chất cá nhân mà nhà văn Thế Phong trao đổi, Ban Mai xin phép không đưa vào và đã được sự đồng ý của Thế Phong. Đây là văn bản duy nhất.)

Hà Nội, nhớ cô gái, con chủ nhà hàng Pigalle

Khác với lần trước đến Hà Nội bằng máy bay –đi đường bộ thú vị nhiều, từ Hoà Bình men theo đường 6 tới Xuân Mai, Hà Đông thẳng tới thủ đô. Xe qua Chương Đức, nơi tôi đã đến bằng xe đạp khi là học sinh, cảnh vật chẳng thay đổi bao nhiêu -trừ đổi tên thôn, xã- tên gọi bây giờ Chương Mỹ.

Cũng là nguyên quán Châu, bạn thân từng chung sốt đồng bạc lẻ, ly cà phê xé *chùng* một đồng rưỡi thời ông Diệm trị vì- chúng tôi in tác phẩm *ronéo* chui không giấy phép kiểm duyệt. Sau năm 1975, Châu lấp một đài phát thanh chui bị đưa vào trại cải tạo dài ngày, hình như chỉ sau

30 tháng tư vài ba tháng. Cô vợ trẻ, quen sống đồng lương chồng cung cấp, không thể nuôi con thiếu chồng, mặc dầu căn nhà hai tầng có vườn cây ăn trái bán giá rẻ cho chủ cán bộ. Ít lâu sau, người vợ ngồi sau xe *scooter* ôm eo chặt cứng viên quản lý trị sự báo, xưa kia Châu là chủ bút. Một tay cầm lái, tay kia quàng ra phía sau cầm tay vợ sắp cũ đặt lên trước bụng vỗ về - cười tít mắt.

Châu nằm trong trại cải tạo không dưới mười năm, được trả tự do, về lại Sài Gòn, ăn chực nằm nhờ trong chùa sát cầu Trương Minh Giảng.

Bảy tám năm sau, cả gia đình sang Hoa Kỳ theo chương trình nhân đạo, nhờ sự can thiệp không mệt mỏi của bà Khúc Minh Thơ.

Nhớ Châu cách tình cờ, khi qua Chương Mỹ, và trước khi vợ chồng tôi đi xuyên Việt-Châu báo tin đang đi du lịch châu Âu, qua *Paris, Copenhagen, Amsterdam ...* vv, chỉ vài năm Châu sang *Virginia* đã in được một số tác phẩm văn chương của một số nhà văn quen thuộc. Nguyễn Thụy Long với tác phẩm *-Ma Troi*; Vương Đức Lệ- *Mấy vần thơ còn sót lại*; Mai Trung Tĩnh- *Ngoài vườn địa đàng*; Văn Quang- *Ngã tư hoàng hôn*; Bùi Ngọc Tấn- *Viết về bè bạn*, (tái bản); Tạ Duy Anh – *Đi tìm nhân vật* (tái bản); Dương Hiếu Nghĩa- *Việt Nam quê mẹ oan khiên* (dịch); Trần Phong Vũ- *Giáo hoàng Phao lô II*; Lê Mỹ Hân- *Quê hương ngày trở lại*, vv...

Nhờ Lê Mỹ Hân, tôi đọc và biết có một trại cải tạo sĩ quan Cộng hoà, nằm ở địa danh huyện Phù Yên, ranh giới hai tỉnh Sơn La-Yên Bái. Và nông trại bố mẹ tôi ở xã Thượng Bằng La-một khi muốn qua Phù Yên, chỉ cần theo đường mòn vượt dốc *Pú Khau Phạ* - ngọn núi cao hiểm trở, qua được là tới huyện Phù Yên.

Ngày xưa ở nông trại, mở mắt thức dậy, tôi thường nhìn sang hướng tây, nơi đàn chim yểng mỗi sáng bay về hướng ấy; nơi có một giải trắng ngần từ lưng chừng núi đổ xuống từ ngọn Núi Sừng Giời. Thật kỳ bí, chẳng ai có thể ngờ thời hậu chiến, nơi thâm sơn cùng cốc, đèo cao, gió lộng, rừng thiêng, nước độc, bản làng heo hút; lại có một trại cải tạo được xây dựng bên cạnh đường đèo hung hiểm - đã có lần đoàn quân thất trận Pháp bị Nhật xua đuổi chạy qua đây sang Làng Bửu, ra Ba Khe, qua Nghĩa Lộ, ngược Tú Lệ, Mù Cang Chải, lần đường tỉnh lộ 4 D tới được Sapa-Lào Cai cuối cùng sang Vân Nam nương náu. Phù Yên- nơi bạn tôi, một sĩ quan Cộng hoà sáng tác nhạc, đi học cải tạo dài hạn, gia đình vợ con chỉ liên lạc qua *hòm thư*. Có một lần, vợ một người bạn tôi cho biết: *anh ấy đã qua đời ở Phù Yên, Sơn La*.

Chị ấy hỏi địa danh này ở đâu, có thể đến đó được không? Từ lâu, tôi không nhớ tới Phù Yên nữa, đến khi có người hỏi, mới bật nhớ: *muốn đến Phù Yên phải vượt qua Pú Khau Phạ* (tiếng Thái: *pú*: núi, *khau*: sừng, *Phạ*: Trời).

Giả dụ, một cải tạo viên nào đó có ý muốn vượt trại, nếu không được đặc xá, thì cách duy nhất tồn tại *sống ở thác về* cũng Phù Yên mà thôi.

"N. ơi, có lần vợ mày hỏi Phù Yên ở đâu anh?- em tìm chẳng thấy trong bản đồ hành chính?

Tao không giải thích địa danh này, có nói đi nữa vợ mày cũng không thể tìm được! Nói với vợ mày, tao có một mơ ước nhỏ nhoi thôi, giá có một ngày nào đó được trở về thăm nông trại Làng Bửu, tao sẽ cố vượt đèo Pú Khau Phạ vào Phù Yên tìm cho được mộ mày thì sung sướng biết chừng nào?

Cứ yên nghĩ đi nhé N., hãy đợi, tao mong sẽ có một ngày đến tìm thăm mộ mày!

Càng gần tới thị xã Hà Đông, tôi càng nôn nóng như chờ đợi một cái gì đó! Ô kìa! sao lại có bến đỗ xe khách Nghĩa Lộ- chợt nhớ quê hương Nghĩa Lộ -Yên Bái của tôi; và ở Quảng Ngãi cũng có một phường Nghĩa Lộ. Nhớ một lần, tôi mang mấy bó sách văn học đến ký gửi ở một nhà sách trung tâm, một nữ nhân viên gốc Quảng, cầm *Cô gái Nghĩa Lộ* lên, hỏi: *chú viết chuyện cô gái Nghĩa Lộ ở tỉnh Quảng Ngãi của cháu, phải không?*

Thì ở đây, trên đường tám bảng lớn treo trước cổng, chỉ THÔN NGHĨA LỘ xa hun hút kia, tôi vừa ngạc nhiên vừa thích thú!

Xe ca đến Ngã Tư Sở, tôi chẳng thể nhận ra nữa, phố phường sầm uất, nhà cửa chen chúc mọc lên cao nghều nghệu, ghé mắt nhìn mỗi cỗ chửa nhận diện được tầng chót- xe cộ nườm nượp chẳng có chỗ chen chân cho người sang đường.

Nhìn bằng Phố Lê Duẩn, tôi nhận ra ngay Ga Hàng Cỏ, và Cửa Nam đây rồi , rẽ trái phố Nguyễn Khuyến, xe ca đậu xích thả khách trước khách sạn Volga. Đường nhỏ hẹp, phố chật, nhà đông, tầng lầu san sát, khách Nga nườm nượp đăng ký tại phòng tiếp tân - bảo vệ đứng nghiêm quan sát không nhúc nhích, cứ tưởng *ma-nơ-kanh* dựng trước nhà may. Toà nhà ba tầng lầu thiết kế theo phong cách Á đông gồm 24 phòng đầy đủ tiện nghi, tiêu chuẩn quốc tế hai sao, nằm sát Khu Văn Miếu, Bảo tàng Mỹ thuật, nhà ga tàu hỏa, tiện việc giao dịch trung tâm văn hoá, chính trị, kinh tế, thương mại, ngân hàng, ngoại giao, công sở, các nơi cần tham quan du lịch. Mới đọc tờ rơi; tôi chưa dễ tin ngay, bởi tờ rơi vẫn là hình thức quảng cáo, mà quảng cáo thì cần phải so sánh thực tế đã mới có quyết định sau cùng .

Và thật sự khách sạn này gần khu trung tâm , chú Trang và vợ không cần gọi xe tắc xi, chồng dắt tay vợ cùng nhau đi bộ ra Tràng Tiền ăn kem.

Bây giờ cô Huyền mới trao chìa khóa phòng 306 lầu ba, với câu thông : *cô chú yên tâm nhé, sử dụng thang máy cho khỏe thân*. Ăn xong, lên giường ngả lưng, tiếp tân báo có khách đợi.

Cùng đến một lượt với Kiều Liên Sơn, anh xe ôm chừng bốn mươi đứng trước cửa khách sạn chờ. Nhìn Kiều với sắc mặt lợt lạt, tóc rụng nhiều - có lẽ ung thư phổi thời kỳ cuối - chạy hết thuốc tây đến thuốc nam; cuối cùng chưa thuốc nào trị tiết nọc căn bệnh gần đất xa trời này. *Sinh, bệnh, lão , tử* - thì Kiều đang đến ba nấc thang cuối cùng. Có lẽ chẳng bao giờ Kiều quên được căn nhà nhỏ gác xép khu Nghĩa Tân bị dỡ bỏ, quận giao nền nhà cho một công thần khác nặng ký hơn- trong khi Kiều đang đau ốm - nên càng sốc nặng . Nó nhắc chuyện mười hai năm trước khi ra Hà Nội họp với cùng các nhà văn từ Pháp sang, nó cho ngủ trọ trên gác xép, sáng ra tôi quen đứng phất dậy đung mái u đầu. Bây giờ căn gác thân thương chỉ còn được nhìn thấy trong đôi ba tấm ảnh, và đôi ba dòng chữ ghi vội trong một tập bút ký:

.... Về đến thị trấn Nghĩa Tân, thuộc huyện Từ Liêm, căn nhà Kiều lọt thỏm trong dãy nhà nhiều tầng. Nó dành cho tôi một căn gác xép đung đầu, cứ coi giang sơn nhỏ bé này so sánh với phòng khách sạn, chưa chắc tôi đã quý bằng!

(*THẾ PHONG - HÀ NỘI BỐN MƯƠI NĂM XA- NXB Thanh niên ,1999, 2006*).

Anh xe ôm tên Khánh chở tôi chạy sau theo xe Kiều chở vợ tôi . Nó dẫn giải mỗi khi qua phố nào - *đây Văn Miếu đây chị Khê ạ*- đường đang đi phố Nguyễn Thái Học, xưa kia quen gọi Hàng Dẫy , rẽ tay trái đường đôi Hoàng Diệu, thẳng tới Quảng trường Ba Đình, rẽ đường Cỏ Ngựa sẽ được ngắm Hồ Tây ban đêm, còn đây chùa Trấn Võ, kia Trấn Quốc, kia nữa đền Yên Phụ ;đi quanh vòng đai lại ra thẳng Hồ Gươm.

Buổi tối thật đông vui, hàng quán bày bàn ghế tràn lan trên vỉa hè chật ních cô, cậu đang chen chân tìm một chỗ ngồi giải khát tâm sự chẳng dễ dàng gì. Đêm nay ăn mừng thủ đô được giải phóng, cờ xí ngập phố phường, đèn sáng hơn sao trời lấp lánh.

Qua phố Lý Thái Tổ, anh xe ôm chỉ căn nhà năm tầng mới xây xong đẹp tân kỳ, được báo chí nhắc đến, nhà văn phòng cơ quan bỗng chốc ông phó ký giấy biến thành tư thất thủ trưởng, rồi phá đi xây lại , ngoại kiều mở văn phòng hốt cả đồng đô la bỏ túi ngon ơ. Báo chí làm rùm, dư luận xôn xao, thủ trưởng bày cách hạ nhiệt dư luận- xin được trả nhà lại không có điều kiện nào kèm theo- độc giả đọc báo tưởng thật, thế nào cũng bị mất chức, mất nhà , bị quy tội tham nhũng tư hữu hóa công sản vv.... Nhưng bác cứ chờ xem sẽ *hạ cánh an toàn* thôi , và màn trình diễn ồn ào sẽ chẳng mấy lúc chìm ngấm, đi vào quên lãng .Quả thật,các cụ dạy chớ có sai- muốn an phận đừng *mó dái ngựa- cứ mũ ni che tai* hay nhất đấy bác ạ!

-Đến Hồ Gươm , Nhà Thủy Tạ rồi bà Khê ơi, tôi mời ông bà vào nhà hàng Thủy Tạ ăn kem nhé! *Kiều mời*.

Trước 1954, quán này , xưa Nhà Thông tin thường triển lãm tranh ảnh thời sự, nơi dán *Tuyên ngôn gửi thanh niên quốc gia Việt Nam* , thống tướng *De Lattre De Tassigny* kêu gọi thanh niên Việt nhập ngũ, cầm súng ra trận sát cánh cùng quân đội Liên hiệp Pháp giữ vững bờ cõi.

Chuyện thanh niên Việt thay máu lính tây -mấy chục năm sau lại được tổng thống *Nixon*- Hợp chủng quốc xài lại, mở hội nghị hoà đàm, đẩy binh sĩ Cộng hoà thay máu G.I ngoài mặt trận xem ra giống hệt cách xài binh cũ *thay rượu mới* .

Thời kỳ tôi còn là học sinh - có một buổi sáng nhìn vào cửa hàng bánh kẹo số 45 Hàng Lọng- nhà Vũ Thị Thanh Thúy- bạn học Kiều Liên Sơn, Nguyễn Đăng Khải, Cao Bá Ân, Nguyễn Gia Vinh và tôi ở Trung học chuyên khoa Phan Đình Phùng, bỗng nhiên được thay bằng tên phố *De Lattre DeTassigny*. Vậy ra viên thống tướng từng ký tên trên bản tuyên ngôn hôm nào đã chết rồi sao? Súng vẫn còn nổ, đạn pháo vẫn ùng ùng đêm đêm nghe vọng từ phía bắc lẫn phía nam Hà Nội- và nước Pháp đã đóng góp vào mặt trận Bắc Việt cả hai sinh mạng cha con- đứa con độc nhất , báo tây gọi là *enfant unique* , mang lon trung úy bỏ mạng trên pháo đài chiến trường Ninh Bình –còn cha , tướng năm sao đi thị sát mặt trận Vĩnh Phúc, ban lệnh thả bom tiêu diệt hai bên trực diện ; rồi một phút đột nhiên máy bay C&C (*Command and Control*) quay đầu về hướng Hà Nội. Và cùng năm 1952, thống tướng qua đời ở Paris.

Với tôi, khoảng thời gian ấy, Hà Nội là nơi dung thân buổi đầu làm văn, viết báo đầu đời- nơi tôi đã gặp lại người cô ruột- bà Đỗ Thị Thảo đã nuôi cháu ăn học- nơi ghi lại mối tình học trò tha thiết với Nàng Oanh- nơi tôi có nhiều bạn thân -thằng Khải cựu mang tôi- cho một ngàn đồng mua vé tàu thủy vào Sài Gòn- thằng Kiều Liên Sơn chở tôi đi khắp Hà Nội - thằng Khánh, con nhà *tư sản dân tộc* bộc tuệch, bộc tạc cùng tôi lên rèn luyện thân thể ở *Septo* - thằng Hiến cho ngủ trọ đêm không nhà, giặt lên quần áo khi chưa có tiền trả thợ giặt là - còn bạn học nữ Nguyễn Thị Hoàng đẹp như đầm ,cho tôi biết thể nào về đẹp mầu mực người nữ- và Lê Bá Hùng- Hàm Long đạp xe rủ đi tập đánh bốc lò Vinh Tiên- thằng Duật *mắt trắng-môi thâm*, lá mặt lá trái hại bạn bè xất bắt xang bang - thằng Bách, con thầy Bùi Đắc xin bố cho bạn chịu tiền ăn- vì nó mắt liên lạc với mẹ ở Nghĩa Lộ tháng 11 vừa qua- thằng Chiêu xã Đường Lâm- Sơn Tây ,cho biết thôn Mộc Phụ có một dòng họ Đỗ - gà luộc cúng chiều ba mươi cổ vẫn cất cao như đang tập gáy - *vậy mà có phải dân họ Đỗ -Mộc Phụ không?* vv...

Gọi thức uống thật lâu, ba ly kem cốc được bưng ra – Khánh xe ôm nhất định không chịu vào quán, đậu xe nơi góc phố Lê Thái Tổ chờ -Kiều giải thích xe ôm ở đây là vậy. Lại nhắc đến Vũ Thị Thanh Thúy, Kiều nhớ cô nữ sinh thân hình mỏng tang, rất ư yếu điệu thực nữ , hình như có một thời là bạn gái Khải; còn Oanh, bạn gái Tường - *nói tới đây nó bật cười* - có đúng vậy không? Nói xong,nó nháy mắt nhìn sang phía vợ tôi.

Rủ Kiều, hay chúng ta cùng đến 16 Phố Hàn Thuyên thăm vợ chồng Khải cho chúng nó ngạc nhiên? Cả ba chúng tôi đồng ý , khi tới Phố Hàm Long Kiều định rẽ , thì anh xe ôm ngăn lại, bác ơi rẽ xuống phía dưới mới là phố Hàn Thuyên – tôi thầm nghĩ, xưa nay Dzur được tiếng thổ công - như lần đi đêm xuống nhà vợ chồng Tạ Vũ ở Hoàng Mai, đường đi ngoắt ngoéo , lòng vòng , nó cho xe quẹo trái, rẽ phải, nay giữa phố đường thông thoáng thế này bị lạc ; vậy sức khoẻ và thị lực mắt Kiều có vấn đề thật rồi!

-Phố Hàn Thuyên đây rồi, nhà số chẵn bên tay phải đấy- *lời anh xe ôm*.

Có mấy cái chuông, chuông chủ nhà tầng dưới- chuông chủ nhà tầng một : KHẢI-THÁI –bấm chuông chỉ đợi ít phút đã gặp chị Thái xuống mở cổng. Vợ chồng Khải đã có lần vào Sài Gòn thăm chúng tôi từ mấy năm trước, nên đã biết nhau. Chị mời đi lên cầu thang gỗ, lên nhà sàn gỗ, dấu tích nhà xây dựng từ thời tây. Căn biệt thự hai tầng được chia hai, gia đình anh chị của Khải tầng trệt, còn vợ chồng Khải tầng một và một căn phòng khác ở tầng trệt, Khải cho vợ chồng người Pháp thuê dài hạn. Chúng tôi ngồi trò chuyện, thì Khải bốc điện thoại gọi Vinh- tới ngay đi thằng Tường ở Sài Gòn ra đang ngồi đây . Mà gọi giùm tao nhắc thằng Ân ở Định Công bảo nó đến ngay!

Cao Bá Ân đạo mạo trong bà ba lụa trắng, kiêu lang ta hay mặc- khuôn mặt chữ điền, dáng mập mập, khỏe mạnh, da hồng hào, ăn nói nhỏ nhẹ như 56 năm xưa khi còn là học trò. Thời đi học, ngồi bàn đầu với Khải, hai lục cá nguyệt là hai lần nhất -hạng 1 : Cao Bá Ân 2: Nguyễn Đăng Khải, 3: Đặng Ngọc Oanh... ; còn tôi và Dương Đức Dzur (*Kiều Liên Sơn* sau này) xếp loại trung bình . Dzur ngạc nhiên -xưa nay thằng Tường vẫn nhất môn Pháp văn cơ mà!

Cao Bá Ân kể vanh vách cho vợ chồng Khải, vợ chồng tôi, Vinh, Dzur nghe chuyện gia đình Đặng Ngọc Oanh. Nó kể lại rất tự nhiên , không ngại ngùng , không cần biết liệu vợ tôi có phiền lòng khi nghe chuyện người tình cũ của chồng không?

Vợ tôi trả lời Ân, anh cứ kể, tôi quen nghe chuyện này rồi, không phải chỉ một cô Oanh đâu, mà

còn nhiều cô Oanh khác nữa kia. Ân được mở đường, càng kể mạnh mẽ hơn. Cô Oanh da nhuộm nhuộm, đẹp gái, răng khềnh cười duyên, thân hình đầy đặn, so với tôi khi ấy như người chị từng trải vậy. Cô là con gái bà chủ nhà hàng *Pigalle* phố Đội Cấn, chẳng biết có phải cô thường giao thiệp, ăn nói với tây hay không, nhưng tiếng Pháp lại đứng hạng nhất nhì trong lớp, và đối thủ đáng gờm là chàng Tường này. Chẳng biết hai gia đình quen biết ra sao, ba mẹ tôi hứa hôn với mẹ Oanh thế nào (*hình như ba Oanh mất sớm thì phải?*) - một lần Oanh đến nhà cô tôi phố Mai Hắc Đế gặp tôi nói vậy. Tôi kể lại cho bà cô ruột- so với Oanh- tôi như cậu em bé mọn, vậy bà chị đề cập chuyện này quả không đúng lúc rồi. Sau đợt di cư vào Nam, cô Oanh đi Sài Gòn học nghề y tá, ra trường làm ở Nhà thương Chợ Rẫy thì phải?

Ân quay sang hỏi tôi hỏi, có gặp lại bạn cũ không? Không trả lời thẳng câu hỏi Ân, tôi chỉ gật đầu ghi nhận, không nói gì thêm, và không cho biết chuyện tình dang dở giữa tôi và Oanh – nàng có một đứa con gái với tôi mang họ mẹ. Cao Bá Ân hỏi dồn, không gặp thật sao- tôi chỉ ừ hừ lấy lệ, cố ý đánh trống lảng, hứa sẽ gửi một *copy* tiểu thuyết *Nửa Đường Đi Xuống* đã in ở Sài Gòn từ thập niên sáu mươi cho Ân đọc. Như chỉ muốn thềm nói với bạn: *Con gái tao và Oanh đã 49 xuân sanh; tệt thật, hai bố con cùng ở Sài Gòn bấy nhiêu năm mà chưa hề biết mặt nhau –giờ này có mặt vợ tao, nên chưa phải lúc kể cho mày nghe đó thôi Cao Bá Ân ạ!*

Thế Phong và cơn mê dục vọng Tạ Ty



Le Moi est halssable
(Cái Tôi đáng ghét)
B. Pascal (1632-1662)

... Thuở nhỏ, Thế Phong rất oán giận bố vì hai chuyện, và cho rằng bố không thương mình bằng mẹ. Một lần bố sai đi mua thuốc phiện, đường xa, phải cưỡi ngựa băng qua dòng suối lớn đang mùa nước lũ, bị nước cuốn mất ngựa suýt chết. Khi về, bố chỉ hỏi thuốc phiện mà không hỏi đến sự nguy hiểm của mình. Một lần, muốn cho con học, ông đã nhốt con trên sàn gác, sai người cất thang, dưới chất đầy cành gai, khi nào học thuộc bài mới được xuống...

Trong khuôn khổ sinh hoạt văn nghệ miền Nam, Thế Phong nghênh ngang bước vào, mang theo giông gió làm đổ vỡ bao nhiêu thần tượng cùng với những hần học, bất mãn trước xã hội.

Không giống các văn nhân khác, dùng trí năng soi tỏ con người đối chiếu với sự vật, từ đó, phóng hồn vào khung trời sáng tạo với đầy đủ quyền hành do nghệ thuật trao phó để hình thành tác phẩm. Thế Phong tìm riêng cho mình một tư thế sáng tạo bằng cách mang bản thân ra làm vật thí nghiệm và dùng người thân, bạn hữu, người tình, cuộc sống như những chất liệu

để xây dựng Sơn Nam văn chương. Điều này làm buồn lòng nhiều người. Thế Phong đã bị dư luận anh em oán giận, người tình than trách và sự hiện diện của tác phẩm Thế Phong như những bản cáo trạng kết án tử hình thể hệ mình. Nhà văn biết rõ điều đó, nhưng mọi thứ trên đời, dù ân nghĩa, dù tình yêu, dù phản bội đối với Thế Phong cũng chỉ như những phương tiện thôi, cứu cánh là nghệ thuật. Vì tin tưởng thế, muốn như thế, nên những sự kiện được viết thành văn, nó nằm ở ngoài dự tưởng của lương tâm mỗi con người bình thường.

Trước bước đường tiến tới vinh quang, mỗi nghệ sĩ phải tùy tài, tùy trí để lựa chọn ngã nào thích hợp với khả năng, với ý hướng và cũng ít nguy hiểm nhất để tiến tới ước vọng, vì không một ai có thể đạt được danh vọng trong vài ngày, vài tháng. Nghệ thuật là một công trình, ở đấy, mỗi tài năng đều phải lần lượt kinh qua những cay đắng và gian khổ, để rồi cùng với thời gian mà trưởng thành hoặc tàn lụi đi như một tuyệt vọng vô danh.

Sự thực, cuộc đời Thế Phong đã trải qua quá nhiều cay đắng và hệ lụy do hoàn cảnh đẩy tới với oán hận triền miên. Nhưng đáng lẽ những cay đắng đó chỉ được dùng cho riêng mình trong sáng tác, Thế Phong lại lôi kéo theo những số phận khác cùng gánh chịu để gây nên ngộ nhận. Nhà văn biết, nhưng bất cần, vì nghĩ rằng, bản chất đích danh của sự sống không nằm trong xã hội mà ở mỗi con người nghĩ về sự sống đó với những yếu tố cấu tạo nên nó. Thế Phong, một nhà văn đã dám nói thực, viết thực những gì mình nghĩ, dù cho sự nghĩ đó chỉ nhằm vào mục tiêu đã lựa chọn. Chính vì đã chọn lựa, nên Thế Phong chấp nhận cả tốt lẫn xấu để sử dụng nó với chiều hướng có lợi cho mình, cho văn nghiệp của mình là đủ. Trong nền văn chương thế giới, thiếu gì những tác giả viết về mình, về xã hội và thể hệ mình với những sự việc hiển nhiên vây chặt lấy mỗi số phận như Collette, Marcel Proust, v.v. nhưng các vị đó chỉ dùng những nhân vật chung quanh họ như bằng chứng điển hình cho một tầng lớp xã hội nào đó, chứ không chỉ đích danh, hơn nữa, các vai trò đã được văn-chương-hoá nên không làm phiền lòng người được nói đến. Độc giả cũng chỉ coi như xem cuốn tiểu thuyết với những tình tiết khúc mắc thuộc kỹ thuật dựng truyện mà không có mặc cảm đọc bản án kết tội.

Thế Phong không viết như vậy, nhà văn đi vào từng sự việc và thuật lại y nguyên từng sự việc, tuy ở đôi chỗ có thay tên đổi họ, hoặc nguy tạo bằng danh từ riêng, nhưng những người cùng sinh hoạt chung môi trường, đoán biết ngay nhân vật đó là ai. Bởi vậy, những người được nhắc đến trong tác phẩm của Thế Phong, phần lớn là vật hy sinh, hoặc biến thành những viên gạch lót đường cho người viết đi tới sự nghiệp. Chính vì nhìn rõ cương vị của mình trong cuộc sống, một cuộc sống khổ nạn, tù hãm, bị vây lút bởi hoàn cảnh bất lợi cho riêng mình, nên đi đâu, ở đâu, Thế Phong cũng tự gây nên những sự việc, dù thuộc đời sống hay tình cảm, không nằm trong kích thích cuộc sống thông thường.

Thế Phong, nhà văn bất mãn thường trực, bất mãn với mình, với người, với xã hội. Sinh ra đời trong bối cảnh thanh bình của miền Thượng du, suốt khoảng ấu thơ được nuông chiều trong tay mẹ hiền, cho đến khi vừa đỗ xong Tiểu học thì đất nước cũng bắt đầu rối loạn vì tình hình chính trị và quân sự. Nghĩa Lộ, quê mẹ của nhà văn, là căn cứ địa, là chiến khu của Việt Minh, như chiến khu Bắc Sơn thuở tiền khởi nghĩa. Mùng 9 tháng 3-1945 quân Pháp mất Đông Dương vào tay quân Nhật sau một đêm giao chiến, các toán quân Pháp đóng ở cao nguyên, một phần đã rút theo ngã Nghĩa Lộ qua biên giới Trung Hoa để chống Nhật. Việt Minh cũng chống Nhật nên các toán quân du kích hoạt động tích cực ở khu vực này cho đến ngày Pháp trở lại Việt Nam, và Nghĩa Lộ lại bị cai trị dưới sức mạnh của quân đội Pháp, mới ngày nào lếch thếch, quần áo tả tơi, ăn xin, chạy trốn đoàn quân của Thiên Hoàng. Người dân Nghĩa Lộ qua mấy lần thay đổi chế độ, tan nát cả sự nghiệp cũng như lòng tin tưởng và hy vọng!...

Tất cả những diễn tiến trên, được Thế Phong nói rõ trong phần đầu của tác phẩm tự thuật: *Nửa đường đi xuống* (ấn bản đầu in Ronéo, 1960, sách in năm 1968).

Nhân vật xưng Nguyên trong tác phẩm là tác giả. Thế Phong dùng danh từ đặc hữu này để thay ngôi thứ nhất. Nguyên, cậu bé có tình rất sớm, mới hơn 10 tuổi hể trông thấy gái là mê, cái tật này làm khổ nhà văn suốt cuộc sống, còn làm lụy bao nhiêu đàn bà, con gái nhẹ dạ! Hình ảnh, nào Hương, Trinh, Tiên, Nga, Hải ở lứa tuổi 12, 13, v.v. đều làm cậu bé mơ mộng, muốn chiếm đoạt. Thời gian qua mau, chinh chiến đã phá vỡ tất cả mơ mộng của tuổi thơ. Tây đi, Nhật đến, Việt Minh đánh, rồi Cách mạng tháng Tám bùng nổ trên mọi nẻo đường đất nước. Sự có mặt của đoàn quân Cách mạng tại Nghĩa Lộ với Hồng, Quân, Vũ và Trung đoàn trưởng Sắc.

Trung đoàn trưởng Sắc đóng đô ở nhà một goá phụ, sau này, khi rút lui để lại cho bà một đứa con. Anh Trung đoàn trưởng tuy đã có tuổi, sắc mặt lầm lì, nghiêm khắc nhưng vẫn không lột bỏ hết quá khứ tình dục bông cháy, vì Cộng sản cũng chỉ là người với tất cả thú tính của nó. Quân đội Cách mạng không giữ được Nghĩa Lộ lâu, đám tàn quân Pháp chạy qua Tàu bừa bọ, quay về với trận chiến ác liệt, buộc quân Cách mạng phải triệt thoái. Nguyên làm bí thư cho Sắc nhưng không rút cùng quân Cách mạng, lại theo gia đình tản cư sâu trong rừng núi. Rồi ông Giáo, bố Nguyên, bị nghi ngờ theo Tây, bị bắt mang đi đâu không biết. Mẹ Nguyên nhất định trở về Nghĩa Lộ, về lại căn nhà thân yêu của mình với đồn điền và của cải chôn giấu. Nguyên cũng về theo mẹ. Căn nhà xưa, nay quân Pháp đóng, nhờ Nguyên biết tiếng Pháp nên công việc thu xếp cũng xong. Viên Thiếu tá Pháp Chỉ huy trưởng, thấy Nguyên thông minh nên muốn xin cho Nguyên sang Pháp học, Nguyên là con một, nên bà cụ không chịu.

Louis, tên Pháp lai Thái, khi Pháp mất quyền, chạy theo quân Cách mạng, lúc nghe tin Pháp về, trốn theo quân Pháp, bây giờ được phục hồi cấp Thiếu úy, giữ chức vụ Trưởng đồn. Louis mời Nguyên giúp việc. Thoạt đầu Louis còn tử tế, sau cũng làm bậy, cho lệnh giết trâu bò của dân làng. Một buổi Louis đem quân ra đồng bắn trâu bò thì đồn bị tấn công. Nguyên chạy vào lô-cốt, một thương binh Pháp bảo Nguyên: *"Anh bắn đi, tôi sợ!... Việt Minh nhiều lắm!..."* Nguyên bắn thật. Nhờ khẩu trung liên đó mà đẩy lui quân địch. Nguyên được tuyên dương.

Đời Nguyên còn qua nhiều giai đoạn vui buồn ở Nghĩa Lộ. Trung úy Guilleminot về chỉ huy căn cứ, yêu quý Nguyên vô cùng. Ông ta giúp đỡ Nguyên chẳng những ở Nghĩa Lộ, còn ở Hà Nội sau này. Một hôm Nguyên nhận được lá thư của Sắc, người Trung đoàn trưởng Việt Minh – gửi với lời báo tin ông Giáo vẫn khoẻ mạnh và Sắc đã thu xếp cho Nguyên đi Mạc Tư Khoa học. Chính vì bức thư này mà "petit Adjudant" Nguyên suýt bị tù do sự tố cáo bởi thù oán của đội Hồ. Sở dĩ Hồ có được lá thư vì lấy trộm của Nguyên trong lần đi tắm suối. Hồ giữ thư đó để làm áp lực với gia đình Nguyên trong vấn đề hấn định hỏi Bích, chị Nguyên làm vợ, không được. Sau cũng vì một tối đánh phé với Nguyên, Hồ thua cay nên ức, trình lá thư cho Trưởng đồn. Chuyện đó được giải quyết bằng cách quân đội Pháp chỉ cho Nguyên nghỉ phép dài hạn.

Cuộc đời Nguyên từ đó rong chơi bạc bài, lấy tiền mua hàng của mẹ đánh thua hết, rồi vay nợ, ăn cắp tiền bỏ ống của đứa em họ, đánh đập tàn nhẫn em gái mỗi lần nó không vay được tiền.

Tất cả những kỷ niệm, dù vui tươi hay cay đắng, Thế Phong đều viết ra, viết rất chân tình không úp mở:

... Nguyên đợi Ny về, hăm hỏi hỏi:

"Có tiền không?"

"Không ạ, bác bảo..."

"Tại sao?"

"Bác bảo anh đến mà lấy".

"Sao?..."

"Bác bảo..."

Ny muốn kéo dài để tránh anh thúc trả lời và những cái tát đả hào quang con người. Không bao giờ Ny về không có tiền mà không bị anh đánh. Nguyên đánh em rất vũ phu. Tiếng khóc lịm đi cho đến bao giờ chị Cửu can thiệp, Nguyên mới thôi.

Trong quãng đời bị ốm và đau khổ đối với em gái, Nguyên không thể quên được! ...

(Nửa đường đi xuống, trang 157)

Chắc Nguyên không bao giờ quên được, chẳng những đối với Ny qua từng trận đòn tàn bạo mà còn bao nhiêu chuyện khác, trong đó có nỗi đau khổ của người mẹ thương xót đứa con duy nhất với nhiều hy vọng về tương lai, nay nó như vậy! Những ngày dài nối tiếp đi qua khung trời Nghĩa Lộ. Nguyên vì thương mẹ, không đánh bạc nữa, bắt đầu làm lại cuộc đời trai trẻ của mình, bằng cách đốt rẫy làm ruộng. Nhưng có lẽ, định mệnh đã sắp đặt sẵn cho Nguyên những điều kiện để đi vào từng sự việc, dù may mắn hay rủi ro. Vì chuyện làm ruộng Nguyên gặp Quán, cô gái quê thuộc thôn Đông cách xa nhà Nguyên độ mười cây số. Quán, con nhà thường dân, nghèo hèn nhưng trời phú cho sắc đẹp mặn mà với dáng điệu quý phái (?). Quán đã có chồng chưa cưới tên Hời (lính Partisan), một hôm đi hành quân lục soát bắt gặp Quán trong cót thóc rồi mê nàng, bắt buộc gia đình Quán phải gả cho hắn. Hời già và nghèo, nên hắn dự định giết chết những ai nhiều tiền của, để có phương tiện cưới vợ. Quán không yêu Hời, lẽ đương nhiên. Chuyện Nguyên gặp Quán là kết thúc một ước mơ và cũng để giải tỏa trong lòng niềm oán hận đời!...

Cuộc tình rất thơ mộng của đôi trẻ cứ men theo những lối mòn, trên bờ nương, bên rừng cỏ cháy, trong từng đêm dài.

... Những đêm tàn dần theo nhau, bao giờ đôi trẻ ấy cũng mong thế. Khi yên giấc, là lúc cơ hội yêu đương sống động...

(Nửa đường đi xuống, trang 176)

Câu chuyện này làm gia đình Nguyên rất đau khổ. Quán, con nhà nghèo lại có chồng dù chưa cưới. Nhưng tuổi trẻ Nguyên đâu cần biết cái đó, cứ nhắm mắt theo tình yêu dẫn lối. Nhưng cuối cùng, Nguyên vẫn phải xa Quán, vì sợ bị tù theo đơn thừa, cũng do thù oán. Nguyên buộc lòng phải rời Nghĩa Lộ. Thế Phong đã viết những dòng thực sống và cảm động khi bị giam ở lô-cốt một đêm.

... Bước xuống hầm mùi tanh hôi xông lên, khi thấy anh vào, một tù binh nhếch mép cười gượng rồi im lặng. Nguyên không để ý đến sự có mặt của người bạn xấu số kia. Nguyên còn lợi dụng những giây phút còn ánh sáng, nhìn qua lỗ hồng lô-cốt, tìm hình bóng Quán, Nguyên cần rằng như muốn phá tan tù ngục và sự có mặt của thép gai xích sắt, tường vôi. Vô hiệu, chẳng tìm thấy Quán mà bóng đêm ập xuống. Xuống quá nhanh và phủ phàng!

Muối bắt đầu dạo nhạc. Người bạn tù bảo Nguyên:

"Tôi là Hoàng Văn Định. Tối nay tôi bị chúng xử bắn. Tôi yêu nước và đã mang bom ba càng ném vào chúng. Nhưng anh ơi! Bao giờ tôi mới thấy lại mẹ già, vợ và con thơ tôi. Tôi quê ở Hà Đông, Tiểu đoàn 12, Trung đoàn 97.

... Anh làm sao mà gặp gia đình tôi, để nói rằng trong cuộc kháng chiến, tôi đã chết bên anh, trong một miền hẻo lánh, để sau này kháng chiến thành công, gia đình tôi khỏi phải mong đợi..."

(Nửa đường đi xuống, trang 182)

Sự thực, trong cuộc kháng chiến chống Pháp chẳng phải chỉ có một mình Hoàng Văn Định chịu cảnh tù tội, bị đem xử bắn mà còn rất nhiều tấm gương anh hùng vì hai chữ Việt Nam dám hy sinh hết không tiếc nuối. Trường hợp Định với lời than van, chỉ chứng tỏ được cái tình người chứ chưa biểu lộ được cái quyết tâm của mỗi con người quốc gia yêu nước vào những năm 1946 đến 1954.

Vì may mắn và cũng do bà mẹ, Nguyên đi Hà Nội học để tránh cái không khí ngột thở của Nghĩa Lộ. Nguyên đâu có ngờ, chuyến đi này là mãi mãi, không một lần trở lại thăm thôn cũ quê xưa. Ngồi trên máy bay Nguyên nhìn xuống phi trường để tìm hình ảnh Quán, người yêu, người đã cho mình những ân ái mặn nồng của tuổi thơ, người đã khắc sâu vào tâm khảm mình những kỷ niệm đến chết chẳng hề phai nhạt. Trong khi đó, Quán đến muộn, nàng không kịp nắm chặt lấy hình hài Nguyên để tỏ bày đôi câu già từ. Nàng đứng ngơ ngẩn ở sân bay như con chim nhỏ lạc đàn. Khi máy bay sắp cất cánh, Nguyên mới chợt nhận ra vóc dáng thân yêu:

... Cánh quạt bắt đầu quay. Cánh cửa đóng lại. Bây giờ Nguyên mới hoàn hồn nhìn lại. Nghĩa Lộ từ già mình bằng một sự yên lặng cô đơn. Bỗng Nguyên giật mình. Người đàn bà kia là nàng. Phải, đúng là Quán. Nguyên dùng bàn tay đập vào cửa kính. Và càng mạnh, khiến người chiêu đãi viên đi lại hỏi. Nhưng anh không kịp trả lời. "Tại sao ông đập cửa kính?" Vẫn đập nữa, mãi sau họ bảo:

"Ông có quên gì, thì chúng tôi sẽ gửi về sau cho ông". Nguyên thờ thẫn. Quán bây giờ chỉ còn là một dấu đen nhỏ. Anh gục đầu xuống đôi cánh tay..."

(Nửa đường đi xuống, trang 185)

Trên đây, những dòng cuối của phần đầu cuốn sách. Khung trời Nghĩa Lộ trở về sau, được Thế Phong nhắc đến như một kỷ niệm đan xen những vui buồn và giọt máu Nguyên để lại trong thân thể Quán cũng làm nhà văn băn khoăn không ít ở những trang nối tiếp.

Thế Phong vì còn trẻ và quá tự tin nên luôn luôn đề cao mình về trí thông minh và lòng can đảm ngay từ thuở nhỏ. Điều này có thể đúng, nhưng có lẽ, khi viết nhà văn quá chủ quan, hơn nữa, Thế Phong thực hiện cuốn sách vào năm gần 30 tuổi, nên chỉ viết theo sự chỉ dẫn của tiềm thức, do đó, thể văn hỏi tưởng nếu có tác động đến tâm thức tác giả, cũng do sự tán tụng mình ở trong khuôn thức nào đấy để tự thỏa mãn!

Nhưng phải xác nhận, qua những sự việc thuộc phần đầu cuốn *Nửa đường đi xuống*, Thế Phong phải dùng hết khả năng và sự lanh lẹ của mình để đối phó với nhiều trường hợp dù thuận, dù không. Từ một đứa bé được nuông chiều, bước sang cuộc đời đầy khốn khó, tác giả đã dùng trí năng để kinh qua được rất nhiều trở ngại, chỉ riêng vấn đề tình ái, tuy tuổi còn nhỏ mà đã biết đam mê như gã thanh niên trưởng thành, nhất là giai đoạn 1945, khi nếp sống xã

hội Việt Nam nói chung, vẫn chưa có gì đáng khích lệ trong vấn đề luyện ái. Ngay cả đoạn nói về vai trò của Sắc – người Trung đoàn trưởng Việt Minh – qua sự phân tích tâm lý, với nhận xét về mặt tình cảm của nhân vật, làm những trang sách trở nên nghi vấn. Vì ở cái tuổi 13, 14 dù thông minh cách nào đi nữa, cũng chẳng thể đoán biết một cách minh bạch về hành động của người Cộng sản đã chiến đấu cho Đảng, vì Đảng, đã hy sinh tình nghĩa bạn bè, tình nghĩa gói chân cho Cách mạng. Người đọc tin chắc phần này được viết ra với suy luận, sau hơn 10 năm ngấm ngĩ, đã sống, đã từng trải qua nhiều vui buồn thế cuộc!

Phần II của cuốn *Nửa đường đi xuống* (hay quyển truyện thứ hai) mở đầu bằng lá thư gửi một nữ y tá, người yêu. Mỗi phần sách, một phần đời của tác giả. Vì là tự thuật, nên tất cả mọi sự việc đều được viết ra có lớp lang, tuần tự theo thời gian. Nội dung lá thư chứa chấp nhiều cay đắng, hờn hận. Nó là lời chào vĩnh biệt. Nó là cơn đau vò xé nội tâm người trong cuộc. Tình yêu, ôi tình yêu, đứng trước nó, con người trở nên hèn mọn và sẵn sàng chấp nhận khổ đau một cách tự hào!...

... Cách đây hai năm, anh đã viết cho em nhiều thư lắm. Nhưng chưa bao giờ gửi, mặc dù em cùng sống với anh trong một thành phố đang quen, cùng một bầu không khí lành lạnh buổi sáng, nóng bỏng càng tăng lúc non và già trưa. Hẳn là em ngạc nhiên, lẽ tất nhiên rồi, vì anh muốn đoạn tuyệt với quá vãng. Song anh làm sao có thể là một con người như bao xưa nữa tuyên bố trước mặt mọi người: Tôi lột xác và bỏ ngày qua, để nhìn rõ hiện tại, như thế là xây dựng cho ngày mai. Gần mười năm phục vụ, gần sáu năm thực tập cái lễ lối, cái nếp sống bề ngoài thơn thớt nói cười để mà nham hiểm giết người không dao. Rồi anh chợt nhớ, nhớ quá lắm! Có những đêm, anh chấp tay vào má, trước ngọn đèn dầu ở xóm Chùa, bên bờ sông Tân Định, suy nghĩ mông lung, sau khi đã tự tử dần bằng những ly cà phê sánh đượm...

(*Nửa đường đi xuống*, trang 189-190)

Qua những dòng thư, người đọc đoán biết tâm trạng của tác giả. Cuộc đời đã quất những chiếc roi da ngang mặt, làm nổi hẳn từng đau đớn qua chứng tích văn chương. Tác giả đã nói thực cho người yêu biết đừng tin tưởng vào bề ngoài mà xét đoán cái phong lưu bên trong, vì bề ngoài chỉ là chiếc mè-day giả đầy thôi. Cả hai mặt đều khác hẳn từng nét xấu xa! Cuộc đời đã dạy cho Thế Phong nhiều bài học, nhưng không bao giờ nhà văn oán trách sự xấu nếu có đến với mình và cả sự tốt của người đời, cũng chỉ để giúp cho tác giả biết đứng trên hai thứ đó mà nhận diện cuộc sống đích danh.

Tác giả cũng chẳng cần che đậy, giấu giếm sự nghèo túng. Bạn mời đi ăn cưới, ăn mặc thật "luých", cúc *manchette* hình *tareau* đẹp bậc nhất của Paris mà thiếu 5 đồng tiền taxi phải nhờ chú rể hỏi vay một, trong những cô gái có mặt ở tiệc cưới. Đi từ lá thư vào truyện không cần qua đoạn chuyển tiếp thông thường của kỹ thuật hành văn, Thế Phong đưa được người đọc trở lui quá khứ, trở về khung trời Hà Nội, khi Nguyễn vừa góp mặt, sau một chuyến bay. Từ đó, Nguyễn ôm Hà Nội vào lòng với đam mê và tội lỗi.

Đến đâu, ở đâu, bóng dáng tình yêu cũng như bầy ma quái quẩn riết lấy thân phận Nguyễn để làm khuất chìm mọi ước vọng khác. Nguyễn không ở đâu yên chỗ vì tính tình bừa bãi, phóng túng không chịu ép mình dưới khuôn thức nào của nếp sống, nên sự đi, ở, đói, khát là những gần gũi nhất, trong một đời sống đã được điểm danh. Nhà ông Đội, một gia đình phong kiến rôm rỏi với kẻ hầu người hạ, với sự khinh bạc trong cách xưng hô làm Nguyễn hờn giận, nên chỉ là những ngày tạm bợ. Rồi đến quán Mai Hương, vừa ở trọ vừa làm bồi bàn nhưng lòng vẫn nhớ Kiều, người bạn gái Tàu lai quen từ khi còn ở Nghĩa Lộ. Mấy tháng sau lại vào ở ký túc xá Phan Đình Phùng, phố hàng Đẫy, rồi lại tìm Kiều với mối tình dang dở, nhưng nàng đã lấy chồng Pháp để cứu gia đình lâm nạn. U hoài bắt đầu đến và Nguyễn xin gió lạnh ở đâu, hãy về

gác trọ thật nhiều để làm bạn với cô đơn!

Nguyên đi học, nổi tiếng là học sinh quậy nghịch đã mấy lần suýt bị đuổi, tuy có khiếu về sinh ngữ. Tuổi học sinh vốn vô tư, hồn nhiên, nhưng vì vào đời quá sớm nên Nguyên đã có những nhận định và phong cách của một tráng niên. Trong mấy năm học, thi không bao giờ đậu vì ngoài môn sinh ngữ, môn nào cũng bết. Hình ảnh Thương, người nữ sinh cùng trường đã làm đẹp tuổi niên thiếu bằng những ước mơ hoa bướm. Một niên khoá qua đi rất nhanh.

Một buổi, người cô ruột của Nguyên đến ký túc xá bảo Nguyên về nhà ở. Nguyên mừng quá vì đang lo Nghĩa Lộ mất về quân kháng chiến sẽ không có tiền theo học, may gặp người cô giàu, thì dù cho Nghĩa Lộ có tan nát vì chiến trận, Nguyên cũng chẳng cần. Nhưng bài học đầu tiên đến với Nguyên là hành động của bà cô ruột, thái một lô quần áo cũ của chồng cho cháu. Nguyên bị chạm tự ái cho mình là con nhà giàu, mặc hàng Dormeuil đi học, đâu thềm mặc thừa. Giữa lúc cần tiền, một phong thư và chiếc "măng-đa" từ Nghĩa Lộ báo tin Quán, cô gái quê xứ Thái, đã sinh con gái. Trong khi đó mối tình cô nữ sinh tên Thương và Nguyên vẫn đi đều nhịp. Cách đó ít lâu, nhận được tin mẹ ốm nặng, Nguyên cũng không trở lên Nghĩa Lộ được vì mặt trận Thu Đông đang dìm cả vùng rừng núi vào biển lửa. Người mẹ rất mực thương chiều con, không một lần nhìn lại mặt Nguyên, từ buổi tiễn đưa đến lúc nhắm mắt lia đời. Cả người cha bị bắt đi mất tích, sống chết ngày nào cũng chẳng ai hay biết!...

Nguyên bắt đầu viết văn. Từ đây, những đêm dài... Một nhận xét, Thế Phong quá tham lam trong vấn đề chọn lựa sự kiện đưa vào tác phẩm. Có nhiều việc thừa, hoặc không mấy cần thiết cho kỹ thuật dựng truyện, vẫn được viết tới, làm tâm trí người đọc bị phân tán, không gây nên tác động mãnh liệt vào một chủ điểm nào đó, được coi như chính yếu. *Nửa đường đi xuống* giống cái cây quá nhiều lá, đứng nhìn, người ta chỉ thấy một màu xanh nặng nề bao phủ mà không nom rõ cái "thế" vững chãi của thân cây với những nhánh, cành đang vươn cao sức sống. Có lẽ, vì nói tới mình, nên tất cả những gì "thuộc về mình" khó lòng gỡ bỏ, dù cho vì nó, tác phẩm có mất đi một phần hiệu năng truyền cảm. Chủ quan bao giờ cũng nguy hiểm, nhất là đối với văn chương, chúng ta không thể bắt chước G. Duhamel với ý nghĩ thâm kín: ôm ấp những cái gì thuộc giai cấp mình, chung quanh mình mà thôi.

Tội lỗi và tội lỗi, ở đâu, Nguyên cũng tạo ra cho mình chiếc "vực thẳm của Pascal". Mỗi lần phạm tội, Nguyên đều tìm nguyên do để khoả lấp, như trường hợp với Bảy, cô cháu họ của ông chú rể:

... Ở Hà Nội, những chiếc xe bọ hung màu xám chạy qua phố. Trên xe là những bộ mặt sát khí của các chú lính Pháp. Nguyên cảm thấy rằng sinh mạng con người chỉ là sợi tơ nhện chằng vào đêm giông tố. Nguyên thèm khát những bộ ngực nở nang...

Cái gì đến phải đến, Nguyên đã bị dục tình quật ngã, rồi Bảy mang thai sau hơn một trăm lần "ghi sô". Chuyện này lúc đầu mọi người đều nghi cho chồng cô Thảo vô luân, đã ăn nằm với cháu gái. Nguyên càng tỏ ra mình vô can trước dư luận, nhưng sau mọi người đều biết là Nguyên. Bảy phải bỏ nhà ra đi với cái thai hơn 7 tháng. Nguyên đưa Bảy số tiền nhỏ còn lại, để nàng chi dụng, từ đó là hết. Đau thay thân phận đàn bà!...

Nguyên vừa đi học vừa tập viết văn, gửi đăng ở các nhật báo. Cái sự nghiệp văn học, Nguyên thường nhìn qua vóc dáng Nguyễn Công Hoan, Lê Văn Trương, Tô Hoài, v.v. còn xa lắm! Nguyên ở nhà bà cô cũng chẳng yên ấm gì. Vì không chịu được nếp sống của Nguyên, nên hai cô cháu gây gỗ. Bà cô mắng rủa và đánh Nguyên. Tuổi trẻ không dần được, Nguyên đâm lại bà cô sưng vù mắt. Sau đó, Nguyên bắt đầu lang thang với câu thề: *Không bao giờ mình trở lại cái nhà này nữa.*

Nguyên đến ở nhờ nhà bạn miệt chùa Vua. Buổi tối đang đánh phé với 3 bạn khác, có vụ Cảnh sát xét nhà. Lẽ dĩ nhiên, Nguyên không có tên trong sổ gia đình, phải về nằm bót. Khung cảnh cuộc thẩm vấn, được Thế Phong viết lại vô cùng xác thực, đã nói lên cái không khí nghẹn thở của Hà Nội, trong thời gian Pháp tạm chiếm thành phố:

... Trưởng ban Điều tra chứng chặc hỏi:

"Tên cậu là gì?"

"Thưa ông, Tạ Mạnh Nguyên".

"Làm báo?"

"Vâng".

Một lát sau, hình như hiểu ra điều gì, Trưởng ban "rờ-sẹt" gọi một thanh niên trẻ lại:

"Xem sổ có tên này không?"

Nguyên mừng thầm. Đến khi ông Trưởng ban quay phắt lại gọi:

"Hoàng ơi, affaire đây rồi. Nhà báo, c'est lui." Nguyên bắt đầu hơi lo, nhưng chưa biết chuyện gì. Nhớ lại lúc gần tảng sáng, anh nhìn sang khe cửa bên kia. Nhân viên điều tra thay phiên nhau đánh đập, đàn bà có, đàn ông có, choai choai có... Những tiếng khóc thét lên, im bật tiếng van lạy như tể sao: Con đau quá!... vắng vắng trong tiềm thức anh.

"Tên mày là gì?"

"..."

"Mày buôn lậu Aspirine, Quinine, Streptomycine đem đâu? Tiếp tế cho Việt Minh, khai đi, đúng rồi, lại Quinines jaunes..."

"Con lạy quan, con trót đại buôn lấy tiền nuôi gia đình..."

"Lớn có thể để con hàng mấy đũa, còn trót đại... Thằng gì... đâu, đánh cho nó khai. Allez..."

"Dạ..."

"Này gia đình này, không khai này, này không khai này, đ.m. chúng mày. Ông đánh cho bằng chết, có chữa này, thì... thòi ra con này... Kh...ai...k...h...a...i hay không?"

Tiếng người đàn bà ban nãy, bây giờ chỉ còn giã giũa vang từ trong căn phòng điều tra ra. Nguyên nhìn Hiến, cùng thấy cảnh loài người hành hạ lẫn nhau. Họ không nói, nhưng cả hai biết rằng, người đàn bà có đôi mắt đẹp lúc nãy, chỉ còn là một thân xác lửa thể bị dày vò. Hiến chương Liên Hiệp Quốc! Hiến chương Liên Hiệp Quốc bảo vệ nhân quyền...

"Đánh cho bỏ mẹ nó đi", một người ra lệnh, "dí điện vào "số ta" nó!"

"Trời ơi! Con lạy quan, con chết, chết mất..."

"Chết đâu dễ thế, khai đi, nhanh lên quan tha, Marie hay Jacqueline, Ngọc, Tuyết, Nhung ai là Trưởng ban dịch vận của các con. Khai đi... quan tha, ngoan lên nào. Má đồ thế kia, da trắng thế kia, hoài của... khai để mà sống chứ? Khai đi..."

"Con chết mất, xin quan chớ... hại đời con là con gái... con khai, con khai, quan tha con... trời ơi... trời ơi!"

(Nửa đường đi xuống, trang 267-268)

Đoạn văn đã vẽ lại trước mắt người đọc một pha tra tấn thường xảy ra ở bất cứ quận Cảnh sát nào dưới thời Pháp chiếm lại Hà Nội, sau khi đã đẩy lui Trung đoàn Thủ Đô qua bên kia bờ Hồng Hà và đi xa nữa!...

Nguyên đã thấy chán nghề viết báo, có ý định vô Sài Gòn làm cuộc phiêu lưu. Nguyên xuống Hải Phòng, lên tàu Ville de Sài Gòn vào Nam với số tiền do mưu mẹo của Hiền người bạn tốt. Vào Nam, Nguyên không quen ai, ngoài hành lý tùy thân và đôi lời gửi gắm của bạn bè, với lá thiếp của Minh (nhà văn Nguyễn Minh Lang) giới thiệu người bạn làm báo ở Sài Gòn.

Trong suốt phần II của *Nửa đường đi xuống*, sự thật cũng chẳng có dữ kiện nào đặc biệt để mà nói, ngoài chuyện quấy phá, nghịch ngợm của tuổi trẻ, với vài lỗi lầm nặng nhẹ về dục vọng. Nhưng vì tác giả muốn trình bày sự diễn tiến của một đời người dán thân vào trong văn chương, với những mốc vui buồn của nó, một cách trung thực, nên sự việc được nói tới, viết ra, đều ở ngoài văn chương. Phải qua đến phần III (quyển truyện thứ ba), Thế Phong mới thực sự đi vào môi trường dự định. Từng khuôn mặt anh em, bạn bè, người tình đã mất đi vĩnh viễn hay còn sống cùng kích thích không gian Sài Gòn, đều được vẽ lại với những hận thù và tiếc thương đậm thắm. Sóng gió bắt đầu thổi từng cơn giận dữ.

Những ngày đầu ở miền Nam trôi đi trong khốn khó. Đêm khách sạn cô đơn và lo ngại ngày mai, đến nỗi từ chối cả đàn bà mời vui. Nơi đây Nguyên gặp Hồ Hán Sơn, người chuyên viết lý thuyết Cách mạng, sau cũng vì Cách mạng, chết tối tăm!... Rồi cuộc đời đầy drama, vì có viết mấy cuốn sách về chính trị, Nguyên được giới thiệu để giữ chức vụ Ủy viên Báo chí kiêm Bí thư của Tổng trưởng Thông tin Phạm Xuân Thái. Nhưng miếng đỉnh chung này cũng chẳng hưởng được bao lâu. Sau câu chuyện xích mích, Nguyên xin thôi, để sau này phải thốt lên lời oán trách gay gắt, khi bị Phạm Tổng Trưởng từ chối không cho mượn tiền:

... Thuê nhà được hơn một tháng, Nguyên bắt đầu thất nghiệp. Chính anh tự bỏ việc làm. Nguyên biết ngày mai mình chẳng còn gì để bầu vịu, nhưng anh đành bỏ. Ban đầu anh còn tiền ăn, dần dần không xoay sở vào đâu được, anh đến nhà một họa sĩ ăn nhờ. Tân ngạc nhiên khi thấy bạn không còn bút Parker treo ở túi áo như mọi bận:

"Sao bút đâu? Bán rồi sao?"

"Tất nhiên. Nếu tao không cầm quần áo toàn diện, bút máy, đồng hồ, không có tiền thuê nhà. Tao vay Phạm Tổng Trưởng, nhưng lão ta kêu không có. Chúng nó làm chính trị chỉ cần mình khi chúng cần. Nên kinh nghiệm dạy cho biết, khi chúng với mình đến, phải cắt cổ chúng mà lấy tiền. Nếu không nắm cơ hội ấy, đừng có hòng moi tiền được của chúng..."

(Nửa đường đi xuống, trang 305-306)

Câu chuyện túng thiếu, chuyện thường xuyên đối với hầu hết những người làm văn nghệ,

nhưng sự túng thiếu đối với Nguyên, một phần do tính hào phóng, lúc có tiền ăn chơi cho đã, ngày mai xét sau, lúc xét được, đã muộn! Biết bao nhiêu lần lỡ đà, quá trớn về tiền bạc cũng như tình ái, chẳng lần nào giúp cho Nguyên được may mắn kinh nghiệm để vượt thoát. Trên thực tế, Nguyên có thể kiếm ra tiền bằng nhiều cách, khi làm Ủy viên Báo chí, nhưng tuổi trẻ, còn nhìn đời qua lăng kính lý tưởng, Nguyên đã để lỡ, chắc không bao giờ tìm thấy lại cơ hội đó nữa!

Cái nghề viết văn, có gì đâu mà nhiều người ham mê vì nó, chịu khổ cực cả một đời. Có lẽ, nó là cái nghiệp! Sách viết xong mang bán, đi rạc căng, không chắc đã bán nổi, dù bán với giá tiền chết đói:

... Bằng hẹn với anh đã nhiều lần lắm. Không còn xe đạp anh đi bộ vào Chợ Quán. Nhưng phải đi làm sao cho đỡ mệt, đầu tiên anh đi bộ đến nhà Tấn, hy vọng có tiền uống nước mía. Tấn đi vắng, anh nhìn con đường dài rồi trở bộ. Đến nơi Bằng lại lỡ hẹn với anh, mặc dầu cuốn sách in được mấy chục trang. Mỗi mắt đợi, ông quản lý của nhà xuất bản thương hại bảo:

"Tôi chưa thấy ai chịu khó hơn anh!"

Mười lần đến nhà xuất bản là mười lần không gặp. Đừng buồn, cố rán thì sau này sẽ nổi tiếng, đỡ cực hơn!

Ông ta đưa cho Nguyên mười đồng, biết rằng Nguyên hết nhẫn tiền. Trở lại nhà bạn, mong đúng bữa, với bát cơm nóng ấm bụng vào buổi chiều. Nguyên nghĩ đến mùi thơm phức của cơm bốc lên, quả là khoan khoái, thèm muốn. Nguyên nhịn đói là thường. Nhiều buổi hết tiền, anh nằm ngủ hay cựa mình để nhớ đến mùi thơm xưa kia, ở túp quán xa hoa. Ngày ở xóm Chùa, Nguyên đã không chỉ nhờ những bà hàng xôi cho chịu mỗi sáng, mà còn nhờ bà bán bánh chưng buổi chiều. Lỡ hôm nào, họ đau ốm hay không qua đây, Nguyên chờ đói...

(Nửa đường đi xuống, trang 308)

Cứ như thế, nhà văn kéo dài cuộc sống trong khốn quẫn triền miên hỏi làm sao không cảm giận cuộc đời? Tác phẩm bán đắt, bán rẻ quanh quẩn tiêu cũng hết, trong khi đó, vẫn phải ăn, phải thuê nhà, phải tiêu một vạn thứ linh tinh, làm gì còn tinh thần mà ca tụng cuộc sống.

Trích Nhật ký của Nguyên, tháng 1 đến 12-1957:

... Lại hết tiền rồi. Bắt đầu chịu tiền cơm. Chưa biết ngày mai phiêu diêu rồi định đoạt cuộc sống ra sao?

Chị chủ nhà giục tiền quá. Ba tháng rồi. Xuống nhà bạn xoay tiền không ra. Anh ta đưa mình lên quán Văn Sửu, định giao cho mình trông nom một loại sách văn nghệ, in nửa tháng một kỳ. Cuốn đầu tiên là của mình. Rồi công việc không đi đến đâu, lại ngưng. Trong khi ấy nợ chủ quán hai nghìn.

...

Thằng Vân đưa về nhà nó, nuôi mình gần một tháng viết tiếp cuốn sách. Và sửa soạn ra thăm bà cô để vay tiền trả nợ. Vẫn xem bói bài Tây cho mình, bảo chuyển đi xa có tiền. Minh chẳng tin bao giờ, sao lần này mình lại hy vọng có tiền như quỷ dạ là ở bà cô chẳng? Nhân tiện ra thăm anh bạn văn nghệ gửi thư cho mình, ngày phát hành một cuốn sách nhỏ. Anh ta mời nhà

văn ra chơi ăn bí-tết, vì trong thư anh viết theo giọng châm biếm: ngày xưa Vũ Trọng Phụng khi chết, than không có bí-tết. Tôi rất kính trọng và xin nói thật vậy. Lời của anh ở cuối thư.

Người bạn văn nghệ quý tài Nguyên mời ra ăn bí-tết, ai ngờ lại bị Nguyên lấy mất số tiền mười ngàn đồng do nhà triệu phú Trần Hoài dành dụm. Sau, trong cuốn *Thế Phong, tác phẩm và cuộc đời*, tác giả có viết lại lần nữa việc này.

Ăn cắp, hai chữ đó xấu lắm, một người biết tự trọng và có chút lương tâm, dù đói khổ cách mấy cũng không làm. Thế Phong đã làm vì quá túng thiếu, nợ nần, nào tiền nhà, tiền cơm, tiền cà phê, thuốc lá quá nhiều, đến nỗi người chồng nghi vợ có tình với Nguyên nên không đòi. Nguyên cần phải sống để viết, để hoàn thành dự ước: *trở thành nhà văn nổi tiếng*. Việc làm bất chính nay đã giải thoát cho Nguyên một thời gian ngắn trong vấn đề sống, nhưng những dằn vặt, lo sợ tù tội vẫn hằng đêm lớn vờn trong tâm trí và làm khổ Nguyên không ít.

Những người xung quanh đối với Nguyên không hoàn toàn xấu cả, còn có chị Năm Hường vẫn thỉnh thoảng phần cho Nguyên những thức ăn như xôi chè hoặc quả chuối. Chị Năm Hường, số phần lận đận qua mấy câu chồng con. Những ý nghĩ đen tối về xác thịt bắt đầu nhen nhúm để đốt cháy lương tri Nguyên trong thềm khát dục tình. Nguyên thức khuya viết, những dòng chữ nào xuống mặt giấy vì đuôi con mắt và nụ cười của chị Năm như mời mọc ân ái. Chính vì muốn xâm chiếm chị Năm, Nguyên đã để ý cách thức mở cửa sao cho êm và chui vào mùng chị bằng cách nào? Đêm khuya, chờ cho anh chị chủ nhà ngủ kỹ, Nguyên thi hành dự định.

Mọi việc được giải quyết một cách suông sẻ. Sáng hôm sau, hàng xóm nghe tiếng chị Năm Hường nói như phân bua với chị Hai Nụ, chủ nhà Nguyên: *Con mẹ ngủ nhờ đêm qua lười như hũ, ai lại giận chồng con mà nằm lì ở nhà mình*. Nguyên cười trong chăn. Nhưng rồi, khốn khổ thay người đàn bà ấy, một mầm sống đã hình thành trong bụng, để rồi sau này, khi sinh nở, chỉ nhận được một hộp Hépatrol, thuốc bổ máu, giá hơn trăm bạc!

Thế Phong đã gieo vào cuộc đời vài mầm sống với dăm người đàn bà gặp gỡ trong các hoàn cảnh đặc biệt. Những đứa trẻ không may này, nếu trời để làm người lớn lên, không biết chúng có đọc lời nhắn trong cuốn sách để tìm thấy bố? Chúng sẽ nghĩ gì về trường hợp khốn nạn, ở đó, chúng góp mặt! Nguyên không hoàn toàn bất nhẫn đối với đàn bà cả đâu, Nguyên đã dám từ chối tình yêu cô Năm, người đàn bà cùng xóm gửi tặng. Cô Năm cũng lỡ dở đường chồng con, chỉ vì nghĩ đến chị Năm Hường với cái bào thai, đã mấy lần dùng thuốc phá không được, hối hận và hối hận!...

Đời sống cứ thất dần từng nút, từng nút như sợi dây oan nghiệt đang xiết từ từ vào cuống họng kẻ chán đời. Nguyên đã cố gắng đến cùng, vẫn không giải quyết được vấn đề cơm áo. Cuốn sổ ghi nợ cứ chồng chất những con số nặng nề làm Nguyên muốn gục xuống. Một chiều, chị Hai Nụ nói:

"Cậu Nguyên, chiều hôm nay, không thể nào nấu cơm cho cậu ăn nữa. Chị đưa tay lên lau mắt. Anh Hai tôi nói thế này, có khổ tôi không? Bảo tôi với cậu có tình ý với nhau, tôi sợ không đòi cậu!..."

(Nửa đường đi xuống, trang 349)

Qua phần IV của *Nửa đường đi xuống* (quyển truyện thứ tư), Nguyên đành rời bỏ Sài Gòn đi Rạch Giá để kiếm sống bằng nghề dạy học. Cũng chẳng được bao lâu, lại trở cánh quay về thành phố, như con thiêu thân không xa rời được ánh sáng. Những kỷ niệm đau đớn hay oán hận đều được nhắc nhở mình bạch, kể cả chuyện bị bệnh phong tình do cô gái làng chơi gửi

tặng. Nhiều người cho rằng Thế Phong "cynique", nhưng đó là bản chất của Thế Phong, nhà văn không nguy tạo, nếu khác thế, chẳng còn Thế Phong hôm nay.

Những ngày vô định tiếp nối kéo lê trong phiêu bạt, tối nằm ngủ sợ ngày mai chóng sáng, phải nhìn thấy thực chất cuộc đời với những khuôn mặt chủ nợ.

Nguyên bút đi khỏi xóm Chùa bằng cách bỏ trốn, để lại tất cả sách vở và đồ nhật dụng. Các tập bản thảo đã được lên lút mang dần ra khỏi nhà từ mấy bữa trước. Một cuộc sống tay ba: Tô, Thảo, Nguyên: những người trai bị đời hắt hủi, được tổ chức trong một khuôn khổ không mấy khích lệ, vì luôn luôn họ bị ám ảnh, bị mặc cảm qua ý kiến của Tô:

"Mày bảo tao không chán chường sao được. Khi tuổi thanh niên của bọn mình đã chết một cách bất đắc dĩ. Chỉ còn sa ngã vào tình yêu, dù truy lạc, dù chà đạp lên luân lý..."

(Nửa đường đi xuống, trang 373)

Vì vững tin như vậy, nên họ tạo một lối sống riêng và Nguyên có leo qua vách để làm tình với mẹ me Tây về già trong đêm nào đó, cũng là chuyện thường. Khổ thay, người đàn bà đã lọc lõi ở đời về đường tình ái, vẫn bị thằng con trai đáng tuổi em út mình lừa dối!

Trong hoàn cảnh khốn khó như thế, những người ở xa Nguyên, không nhìn thấy sự thực, nên vẫn mơ mộng trong từng cánh thư gửi từ Hương Cảng. Nói rằng yêu, chưa đúng vì chẳng có lời yêu đương nào được ghi nhận, nói không yêu cũng sai, vì nội dung lá thư có hàm chứa những ý tình. Thế Phong đã viết rõ chuyện này trong cuốn tự truyện: *Thế Phong, tác phẩm và cuộc đời* (Đại Ngã tái bản, 1970) với những ray rứt, đứt nối ở mỗi dòng, mỗi chữ.

Trong suốt phần IV của tác phẩm, dành để nói về mối tình trên với vài hình bóng con gái khác cùng những dang dở.

Phần V, cũng là phần chót của *Nửa đường đi xuống*, được viết với tâm trạng vô cùng bi đát. Tình yêu cũng chỉ là hư ảnh. Nghệ thuật còn xa vời vợi, chân trời vẫn nặng trĩu mây mù. Cuộc sống nối tiếp trong thiếu thốn trường kỳ. Với tình yêu, không phải bao giờ Nguyên cũng là kẻ chiến thắng, dù rằng, có người con gái đã viết cho nhà văn, những dòng chữ đầm thắm, chân tình:

"Ông Nguyên ơi! Ông phải nhớ rằng, giả thử xã hội này tất cả đều ruồng bỏ ông, ông hãy tự hào sung sướng có một người bao giờ cũng tìm ông..."

(Nửa đường đi xuống, trang 490)

Nhưng đau thay, cũng có giọng khinh bạc đến với Nguyên, qua câu chuyện được thuật lại cùng trong thư đó:

"...

"Thưa cô, tôi trông cô quen lắm".

"Thưa cô, có phải cô là cô Lam không ạ?"

"Thưa cô, cô có nhận được báo của tôi gửi tặng chưa ạ?"

"Thưa cô, cô còn nhớ tôi không?"

"Thưa ông, tôi không còn nhớ ông là ai, tôi có quen một anh quét đường cùng ở xóm Chùa với tôi, mỗi lần tôi đi học về anh ta hay đón. Nhưng lâu nay, tôi không gặp nữa, vì xóm Chùa không còn rác nên anh ta thất nghiệp..."

(*Nửa đường đi xuống*, trang 491)

Hình ảnh những cái rũi luôn luôn chờ đợi, rình rập xung quanh Nguyên, đợi dịp thuận tiện xông ra đẩy Nguyên xuống bùn đen. Đã không tiền, không nơi ở, lại còn gặp nhiều điều không như ý, nên có lời nào viết về bạn hữu – trừ một vài người vì quá tốt hay may mắn – đều bị tác giả ném vào mặt những lời sỗ sàng, tàn bạo. Mỗi khuôn mặt trong trang sách đều mang theo vết chém của Nguyên. Nào thi sĩ Đạm, nào T.T. Hoàng, v.v. trong đoạn kết của cuốn sách với những cái tát cuối cùng và những lời sỉ nhục quá đáng! Thế Phong đã dùng hết sức mình để công phá lần chót, trả thù đời! Khi viết lại thân phận qua những gian truân, oán hận, Thế Phong không dẫn được cái "váng nổi của ý thức" khi còn trẻ nên đã nói hết, viết hết những gì chứa chấp trong tâm tư, mặc kệ hậu quả. Câu mà thi sĩ Đạm nói ra: "*Tất cả đều sợ anh*" trong buổi tối Nguyên đánh Hoàng vì đã nói xấu mình khi vắng mặt, là như thế đó!

Cuốn sách tạm ngưng với vài lời cảm ơn bạn bè, dù tốt dù phản phúc, nhưng họ đã cho nhà văn cái vốn sống để hoàn thành sự nghiệp.

Thế Phong luôn luôn khát vọng và mơ ước mình sẽ trở thành một Maxime Gorki Việt Nam [Maxime Gorki (1968-1936), sinh tại Nijni-Novgorod, một thành phố nằm ở ngã ba sông Volga và Oka. Thành phố có bến tàu lớn, cũng là trung tâm kỹ nghệ thép, xe hơi và cơ xưởng lọc dầu. Những tác phẩm nổi tiếng hoàn cầu như *Tuổi thơ ấu của tôi (Ma vie d'enfant)*, *Những kẻ lang thang (Les vagabonds)*, *Người mẹ (La mère)*, v.v. đều được phiên dịch ra nhiều thứ tiếng và nhà nước miền Bắc cũng đã dịch ra Việt ngữ]. Thân thế và cuộc đời của Gorki cũng đã gánh chịu vô vàn tủi nhục, hận thù giai cấp tư bản, phong kiến, nên ông dấn thân vào Cách mạng Vô sản, dùng văn chương để trình bày cái xấu xa của xã hội thoái hoá, bóc lột, đề cao những tấm lòng vàng trong manh áo rách. Gorki đã khích động căm thù và dương danh vai trò vô sản trong mọi tác phẩm. Ông cũng đóng góp rất nhiều cho cuộc Cách mạng Nga tháng 10-1917. Do đó, ông được Nhà nước Liên Xô tôn xưng là đại anh hùng văn nghệ vô sản. Hoàn cảnh Việt Nam khác, dĩ nhiên, ước mơ lại càng khác nữa!

Thế Phong, tác phẩm và cuộc đời là sự nối tiếp những trang đời của tác giả. Ở *Nửa đường đi xuống*, Thế Phong còn nguy tạo danh tính các nhân vật được đề cập tới, nhưng ở cuốn *Thế Phong, tác phẩm và cuộc đời*, nhà văn đã cho người đọc biết tên thật của mỗi vai trò. Có nhiều chuyện được nhắc lại trong *Nửa đường đi xuống* với nhiều chi tiết hơn, những chi tiết nhức nhối làm chết sững lòng người.

Người con gái làm thơ: Cao My Nhân, đã cho Thế Phong nguồn đam mê tình ái và làm khổ nhà văn không ít trong suy nghĩ. Cuộc tình dang dở, có lẽ sâu đậm nhất, sau mối tình vô vọng với nữ sĩ Linh Bảo. Tất cả nguồn cảm hứng sáng tạo trong thời gian này dành cho Cao My Nhân. Cuộc sống của Thế Phong vẫn chưa tìm thấy chân trời. Nhà xuất bản Đại Nam Văn Hiến in ronéo, lấy số kiểm duyệt mà vẫn ra đời với nợ nần và thiếu thốn. Trong khi đó sách bán rất chạy dù in lèm nhèm vì kỹ thuật ấn loát kém.

Vừa lo sống, vừa lo công việc nghệ thuật, vừa lo yêu, lúc nào ngàn ấy thứ cũng đeo đẳng vào số phận nhà văn để hành hạ. Anh em, người này đi, người khác đến, cả những khuôn mặt đàn

bà cũng vậy, như nàng Oanh - người tình cũ, gặp lại ở một trường hợp đặc biệt. Oanh đã tự tử không chết, bỏ chồng. Oanh đòi làm lại cuộc đời với Thế Phong, trong khi đó tình yêu với Cao My Nhân đang nồng nàn. Nhưng Thế Phong vẫn cùng Oanh đi Vũng Tàu, rồi những trận tình làm Oanh mang bầu. Nhà văn trốn tránh trách nhiệm bằng cách đổi chỗ ở. Đến Tết gặp nhau, Thế Phong đã chán, xô nàng xuống đường!...

Thế Phong viết lại rất lạnh lùng, tàn nhẫn. Mỗi dữ kiện được nhắc tới bao giờ cũng gói ghém trọn vẹn hai chữ: thù hận, không phải với cá nhân mà với cuộc đời. Thế Phong mê mải làm việc, có thể ngồi cả tháng trước máy chữ, đánh bản thảo trên giấy sáp để in ronéo. Sự thực, trong dòng sông, Thế Phong cũng có một chuyện tình chua xót với một người đàn bà goá gập gỡ giữa đường. Người con gái này đã có con gái lớn, và hết lòng chung thủy với người chết, nhưng đóm lửa nên duyên, để rồi ân hận đến khi nhắm mắt! Trong đêm vắng, Thế Phong muốn thử xem người đàn bà bốn mươi, đáng tuổi chị mình đó, thờ chồng đến mức nào? Nhưng hỡi ơi! Con người đâu phải thần thánh, làm sao chống nổi được với đam mê thân xác, bên cạnh một chàng trai khỏe mạnh. Thế rồi sau đêm hoan lạc đó, bà ta ở luôn. Biết cần phải có chồng mới sống chung được, bà bảo tác giả đưa tiền mua cỗ bài tây, để bà hành nghề bói bài kiếm ăn. Thế Phong đi vay tiền cho bà. Từ đó ngày ngày bà kiếm tiền nuôi hai miệng ăn bằng cỗ bài. Nhưng một buổi, bà không quay về nữa, tác giả biết bà bị cảnh sát bắt vì một tội gì đó, nên đã xúc động sáng tác bài thơ *Cửa mở đón em về*:

... *Nửa đêm anh ôm suốt vòng lưng tưởng tượng,
Đêm không đèn mở cửa đón em về...*
(Sai biệt)

Rồi một tối, bà trở lại cho biết, bị giam ở khám Chí Hoà, báo tin mình đã mang thai, mang thai sau bao năm thờ chồng! Nhà văn sợ quá, chợt nghĩ đến chị Năm Hường với hộp Hépato, bèn tìm cách tháo chạy. Chạy bà goá chữa xong, nàng Oanh lại sinh nở. Tác giả muốn giúp Oanh có chút tiền nằm ổ, biết vay không được, lại ăn cắp của bạn cùng nhà đem cho Oanh ở bệnh viện Hùng Vương. Chuyện vỡ lở, Thế Phong lên đường tìm chỗ khác trú ngụ. Chuyện ăn cắp còn đến với người bạn tốt, thấy nhà văn không có chỗ ngủ, mời đến nhà mình. Nửa đêm, nhà văn móc túi quần, mở ví lấy hết tiền rồi chuồn sớm, cũng chỉ vì quá túng quẫn.

Tất cả tác phẩm in Ronéo trong những năm 60, 61, 62 và 63 đều có ý hướng chống chính quyền, nhất là tập *Mây Hà Nội* của Nhị Nhu, hay tập *Vô cùng* của Đào Minh Lượng. Rồi đến chuyện gây gổ với Nguyên Sa, Hoàng Trọng Miên, Mặc Đỗ, Đỗ Tấn, Nguyễn Văn Trung, Vũ Khắc Khoan, v.v. Thế Phong đã nói hết trong tác phẩm này (*Thế Phong, tác phẩm và cuộc đời*). Nhưng chưa hết, còn nhiều khuôn mặt nữa, toàn những khuôn mặt anh em và đôi ba người tuy không làm văn nghệ nhưng dùng văn nghệ để phục vụ cho mình như Phạm Xuân Thái, Lý Trung Dung – Chủ tịch Mặt trận Bảo vệ Tự do Văn hoá. Ngay cả khuôn mặt Nguyễn Đức Quỳnh thuộc nhóm Hàn Thuyên, Hà Nội, người chủ trương Đàm Trường Viễn Kiến mà Thế Phong đã nhiều lần tham dự cũng bị kết tội làm mất thám cho Pháp, trong cuốn *Nhận diện vóc dáng Nguyễn Đức Quỳnh*. Còn nhiều, nhiều nữa, cả đàn bà lẫn đàn ông, mỗi người được Thế Phong đeo cho chiếc thẻ bài với dòng chữ số!... Mỗi tình Cao My Nhân tuy cuối cùng cũng tan vỡ, nhưng có lẽ, mối tình đẹp nhất đời, nên Thế Phong đã làm nhiều thơ vì nàng.

Để tỏ bày lập trường văn nghệ và cũng để kiên trì thái độ, Thế Phong viết:

... *Những ngày có dấu chân của chàng kỵ mã văn nghệ là tôi đây, quang cảnh miền Nam đã thay đổi. Tôi như là mũi tên không tha thứ một tên nào, dù có quyền hành móc sau đời sống văn nghệ, tôi cũng lao những mũi tên tẩm thuốc độc cảnh cáo hoặc khử trừ. Những tên làm xấu văn nghệ, đạo văn, mặt vụ, chúng phải nghĩ tới đối tượng tôi, trước khi bắt tay vào việc. Có thể*

ghét bỏ tôi, nhưng chung quy phải nể và kính trọng tôi. Tôi đòi phải thừa nhận lỗi lầm, như nhóm của họ, mới có căn để tránh và sửa chữa tội lỗi...

(*Thế Phong, tác phẩm và cuộc đời*, trang 199)

Những dòng trên, có chủ quan lắm không? Với tuổi trẻ cái gì cũng có thể đúng, ngay cả mặt trời kia, nếu nổ vỡ và nhiệt độ rớt xuống có làm cháy tan trái đất này, họ cũng coi như chuyện thường, vì họ không có gì để mất, ngoài tự ái! Nhưng rồi thời gian và tuổi đời chín dần, họ mới thấy, mới nhận biết, văn nghệ hay gì gì nữa cũng là thừa cả trước vũ trụ. Lão Tử đã nhìn rõ, nên mới cất lên hai chữ: Vô Vi.

Phải nhận rằng, Thế Phong rất yêu nghề, nguyện sống chết với nghiệp. Dù gặp bao nhiêu khó khăn, dù đói cơm rách áo, dù tình yêu tội lỗi quây chặt tâm hồn, dù đời có phụ rẫy, dù bạn bè tốt xấu, dù mình có hư đốn, nhưng không bao giờ Thế Phong xao lãng văn nghệ, thứ "văn nghệ đáng" không nuôi sống mình. Thế Phong viết ra những cái xấu của bản thân, của xã hội để ghi dấu khoảng đời, chuỗi thời gian góp mặt. Công việc nghĩ rằng dễ, nhưng thực khó.

Đã có lúc, nhà văn muốn tự huỷ đời sống của mình trong những ngày ở Tân Sa Châu vì quá tuyệt vọng! Nhưng với tuổi trẻ và được trời phú cho sức chịu đựng, Thế Phong đã vượt thoát, dù vượt thoát với ngàn vạn cay đắng, nhục nhằn!...

Ngoài hai tác phẩm tự-sự-kê: *Nửa đường đi xuống*, *Thế Phong, tác phẩm và cuộc đời*, được ghi nhận như những bài học đắt giá của đời sống văn nghệ, Thế Phong còn dùng văn chương để nói về đời sống tình cảm của một nữ văn sĩ nổi tiếng từ thời tiền chiến. Để tránh những khó khăn về kỹ thuật dựng nhân-vật-truyện, Thế Phong phải dùng lời nói đầu trong cuốn: *Truyện của người tình phụ* (1963) như sau:

Đây chỉ là một thể hiện cuộc đời qua tiểu thuyết mà xã hội còn con ấy không liên hệ gì, hoặc xa, gần với đời sống một cá nhân nào trong xã hội thực. Nói như thế, tác giả không trách nhiệm, biện giải, khi có ai muốn thể hiện tiểu thuyết này là có sự liên hệ đến họ.

Câu trên, thực tình, viết ra để có viết mà chẳng viết gì cả. Câu chuyện tình của người đàn bà có chút học vấn, vì gia đình hay duyên nợ (?) phải lấy anh chồng nhà quê không ưng ý, gặp người đàn ông hơn thế, mê liền, bỏ chồng đi theo, để rồi lại mê nữa, người thứ ba, thứ tư... Sự mê đắm một phần do nhục thể, một phần vì những hào quang sự nghiệp văn hoá và chính trị do người đàn ông toả ra. Cái tâm trạng đứng núi này trông núi nọ, rất cuộc, ngọn núi nào lúc đến gần cũng gần ấy thứ xấu xa, ghê tởm làm cả cuộc đời tan nát trong đam mê, ước vọng! Toàn bộ cuốn truyện không mấy xuất sắc, vì tình tiết cũng như cốt truyện không nằm ở môi trường chung của mọi thành phần xã hội, nó là ngoại lệ, nên chỉ có thể gây xúc động ở một vài tâm sự đồng cảnh ngộ nào đó. Hơn nữa, các sự kiện nói tới, được tiểu-thuyết-hoá quá độ trở thành giả tạo. Nghệ thuật một khi giả tạo, khó gây ảnh hưởng sâu đậm trong lòng người đọc.

Thế Phong, nhà văn có khuynh hướng xã hội. Những cảnh sống khốn cùng của một lớp người chỉ trông vào "đồ thừa" của quân đội Mỹ thải ra, cũng đủ nuôi sống một cách phong lưu cả gia đình. Những thân phận con người ngoại ô. Những thảm trạng xã hội, ở đây, chỉ vì chút lợi lộc, con người có thể căm thù nhau mãi kiếp, có thể hy sinh luôn danh dự cũng như thể xác để đánh đổi lấy quyền lợi, dù quyền lợi nằm trong đồng rác như bản, thối tha. Truyện *Khu rác ngoại thành* được viết bằng nước mắt, bằng nỗi nghẹn ngào, trong mỗi trạng huống được đề cập tới. Phải xác nhận, từ ngày có sự hiện diện của quân đội Mỹ ở Việt Nam, sinh hoạt của thành phố đã thay đổi theo mức độ đáng ngại. Các "bar" mọc lên tua tủa và ổ mại dâm lan tràn trong mọi ngõ ngách, ngay cả trung tâm thành phố. Giá sinh hoạt tăng vùn vụt, do đó, muốn

sống còn, bắt buộc mỗi cá nhân, mỗi gia đình phải kiếm thêm bằng mọi cách. Truyện *Khu rác ngoại thành* với đồng rác cao như núi, với những ti tiện, bỉ ổi trong vấn đề giành mỗi lợi, cái mỗi lợi do quân đội Mỹ vứt đi được viết ra với những tình tiết vô cùng cảm động. Hình ảnh người lính không quân tên Tiết với những anh "di-ai" Mỹ và vợ Tiết, gái điếm hoàn lương cùng nhiều vóc dáng khác quay tròn xung quanh đồng tiền làm người đọc chóng mặt:

... Tôi nhớ lại, những buổi tối mấy người Mỹ đến nhà Tiết chơi. Mỗi lần nhìn thấy taxi đậu trước cửa, vợ Tiết sai thằng con đem tiền ra trả, cho rằng cứ chỉ đó là một thái độ chiều chuộng. Sau đó chị thường đem chuyện người Mỹ đến nhà chị chơi ra sao kể lại với hàng xóm, coi như đó là một vinh dự và lên mặt với mọi người. Năm gian nhà khu chúng tôi không rào giậu gì, bếp nước chung nhau một gian phụ nằm dài sau dãy nhà chính. Giầy má, rác rưởi vút lung tung. Một buổi tối đun nước, vợ giầy nhóm bếp, thấy có bản nháp một lá thư viết bằng tiếng Anh. Tò mò tôi đọc. Nội dung lá thư đại khái như thế này:

Bạn không phải mua quà tặng vợ tôi làm gì. Tôi chỉ muốn phiền bạn mua giúp tôi 50 tút Pall Mall, Lucky, Salem và 20 hộp thuốc pip 79. Noel năm nay tôi sẽ dẫn bạn tới một chỗ tuyệt thú. Con gái Việt Nam đẹp lắm!

*Tối nay chờ bạn ở nhà tôi.
Thân kính
Tiết*

(Khu rác ngoại thành, trang 20)

Tiết tuy làm lính nhưng ăn mặc "luých" như một thứ công tử miền Nam giàu có. Trong nhà có đủ thứ sang trọng của một gia đình sung túc, nào nho, cam, đào hộp, thịt bò, bánh, kem, kẹo, cà phê, chocolate, xà bông bột, v.v. Nhưng vì miếng ăn, cái "đồng rác" ấy lục đục với nhau:

... Xe ngoại kiều càng ngày càng đổ nhiều vỏ đạn rốc-kết, những thùng đạn đôi khi còn nguyên. Bọn Tàu đi mua đạn để lấy đồng với giá rẻ mạt. Bác Chánh bắt đầu làm đơn khiếu nại nhưng không cho tôi biết, khác hẳn với mọi lần, mỗi khi làm việc gì bác cũng thăm dò ý kiến tôi trước. Chủ căn nhà A (tức bác Chánh) khiếu nại rằng, đổ rác làm mất vệ sinh. Tôi chắc Trần có đóng góp vào việc thảo lá đơn này. Trong khi đó, ở một mặt khác, tôi được biết Trần cũng làm đơn tố cáo với Toà Đại Sứ, cơ quan quân sự Mỹ về việc xe ngoại kiều đi đổ rác được Tiết ve vãn, cho tiền, dẫn gái, nên đem đi đổ toàn những đồ nhà binh còn dùng được.

Tôi thấy không cần phải đóng góp thêm một ý kiến nào.

(Khu rác ngoại thành, trang 26)

Rồi cũng quanh đồng rác, người ta chửi nhau, đánh nhau, thưa kiện để giết chết nguồn sống của nhau. Tiết đã bị quân cảnh bắt giữ vì dính líu vào vụ rác Mỹ. Trong khi Tiết bị hoạn nạn, ở nhà vợ Tiết lao đầu vào tội lỗi:

... Bây giờ không phải là mùa xuân nữa, mặc dầu chưa hết tháng Hai âm lịch. Thằng bé càng hát lớn, con bé càng khóc to hơn. Rồi thằng bé lại hát bài quốc ca để ru cháu nữa. Nhịp đi hùng mạnh của đoàn quân hình như đã không thể làm cho đứa bé hài lòng. Gần sáng mẹ nó mới trở về. Xóm lao động ở bìa rừng cao su, anh Bầy loan tin về chuyện thực xảy ra đêm qua trong rừng "ái ân":

"Vợ thằng Tiết đêm qua cặp kè với ngoại kiều suốt sáng ở chiếc mả cũ trong rừng. Đ.m. thằng

chồng mới bị bắt có ít bữa mà làm vậy rồi. Đồ chó điếm mà, bọn bay! Con đó trước làm điếm ở xóm Lăng, gái chơi bời mà!"

(*Khu rác ngoại thành*, trang 36)

Vợ Tiết, người đàn bà lai Tàu đã dày dạn tình đời, bướng bỉnh thừa nhận:

"... Đ.m. tụi bay. Tao không có tiền, tao nghèo, tao "đi" cho Mỹ. Bọn bay thối miệng học làm chi đây. Đ.m. tụi bay, chồng tao bị bắt tụi bay sướng ghê!"

Đời sống cứ tiếp tục chiều quay của nó. Những vui buồn cũng trở thành tầm thường như mưa nắng. Tác giả vẫn phải nhìn ngằn ấy sự việc trong khuôn khổ đồng rác và sự tàn nhẫn của chính mình khi không thích con chó khôn ngoan, yêu quý, đi lang thang kiếm ăn, tìm được. Con vật bé mọn, bị quất một cây gậy lớn đến truy thai. Từ đó, nó ốm đau lê lét. Tác giả muốn mua thuốc cho nó mà không tiền vì thân mình còn phải ăn nhờ bác Chánh nên đã bi phẫn than rằng: *Đời sống khốn nạn này không cho phép tôi làm để tự kiếm đủ miếng sống cho chính bản thân và một con chó! ...*

Trong tầng trời hoàn cảnh và trường hợp nào, hể Thế Phong dấn thân vào đều bị bao phủ bởi những oán thù, bất mãn. Oán thù những luật lệ xã hội và bất mãn với thân phận làm người.

Tập truyện *Khu rác ngoại thành* gồm 3 truyện ngắn, mỗi truyện đều khuấy động tự đáy tâm tư những dằn vặt, đau đớn chẳng phải cho bản thân tác giả mà còn cho xã hội. Từ khuôn mặt Thu, người đàn bà xứ Huế, vợ bạn, đã nhiều đêm nhà văn muốn mở cửa ngang lên sang buồng nàng để tỏ tình, trong lúc người chồng đi làm xa, đến người đàn bà xứ Quảng lặn lội vào Sài Gòn tìm việc làm tôi tớ, việc không tìm được, lại tìm đúng anh thanh niên lãng tử, để *Một đêm dài tình ái* xảy ra. Người đàn bà xứ Quảng cũng thuộc nỗi tình, nên "điều ấy" được nói ra một cách bình thản: *"Có thiệt chi đâu anh, tôi và anh đều buồn về cuộc đời cả mà. Ngủ với nhau nói chuyện cho vui. Nhất là đêm nay trời lại mưa lâm râm..."* Câu nói như đưa Thế Phong vào khung trời ước muốn, như kẻ đang đi giữa sa mạc gặp hồ nước, gục đầu uống no nê. Tuy cái hồ nước ấy đã có người uống trước, nhưng đây không phải điều hệ trọng, cái hệ trọng là người đàn bà đã biết rõ cuộc tình này chỉ là chuyện tạm bợ, nên vui vẻ chia tay, chỉ xin được địa chỉ thật, để có mang thai, sinh con trai sẽ báo tin chung sống lâu dài, nếu hoàn cảnh cho phép.

Trong những câu chuyện nhà văn kể ra, viết ra, đều ẩn nấp trong đó những ý nghĩ chống đối, những chua chát nào nề dù đã được nguy trang bằng đam mê nhục dục. Những chữ, những câu dùng để tự sỉ vả, buồn thay, nó lại là những lời nguyên rủa một xã hội, một chế độ, một thể hệ vì những thứ ấy đã tạo cho tác giả trở nên như thế, trở thành như thế!

Thế Phong viết rất nhiều truyện ngắn. Mỗi truyện trình bày một nhức mỏi về cuộc đời, dù ân tình hay thất vọng. Từng vết roi do cuộc đời quất vào mặt, Thế Phong nghiêng rãnh chịu đựng rồi trả thù bằng ngôn ngữ. Nhà văn không tạo ra cuộc sống hoặc dùng cuộc sống như điểm tựa, nhưng đích thực, Thế Phong đã ném vào cuộc sống những vốc bùn vì cuộc sống, đối với nhà văn như một địa ngục. Đi suốt cả một đời thanh niên, tìm không thấy lý tưởng, Thế Phong uất hận viết thành thơ:

... Chợt nhớ rằng tổ quốc tôi đang lâm than nên trời Sài Gòn quanh năm không cần áo ấm, kiếm miếng sống đợi chờ trong đồng rác ngoại nhân. Tôi đứng bên tiếm thức Ngã Tư Bảy Hiền, thấy trẻ con lớn lên bằng những miếng bánh mì còn sót và quà đưa anh tặng em, miếng sô-cô-la lượm...

(*Thế Phong, tác phẩm và cuộc đời*, trang 360)

Bị ám ảnh, vây hãm quá lâu trong túng thiếu, cảm phẫn nên mỗi dòng, dù thơ hay văn cũng gói ghém trọn vẹn những đối kháng tự thâm tâm của một con người đã có quá khứ.

Tác phẩm của Thế Phong còn được dịch sang Anh ngữ, phổ biến ở ngoại quốc và đăng tải trong tờ *Tenggara* (Mã Lai) như: *Viet Nam Under Fire and Flames* (Việt Nam trong khói lửa, thơ); *South Viet Nam, The Baby in the Arms of the American Nurse* (Miền Nam, đứa nhỏ trong tay cô y tá Mỹ, thơ); *Thế Phong by Thế Phong* (tự sự kể), *Asian Morning Western Music* (Sáng, Á Đông, Nhạc Tây phương, thơ), với lời tựa của Giáo sư Llyood Fernando.

Phải chăng, Thế Phong đã mang hình ảnh một Don Quichotte, chàng hiệp sĩ lang thang có gương mặt trầm buồn, đánh nhau điên cuồng với những chiếc cối xay gió trên khắp nẻo đường phiêu bạt, nhân vật điển hình trong *Don Quichotte de la Manche*, cuốn tiểu thuyết triết lý và châm biếm bất hủ của đại văn hào Tây Ban Nha, Miguel de Cervantès (1547-1614). Nhưng tiếc thay, không có Sancho Panca tượng trưng cho ý thức, hiện diện ở đằng sau hay bên cạnh.

Trích văn Thế Phong

... *Tiếng sóng biển đưa vào bờ, chim kêu từ phía sau đòi dộng lại. Đường tối của rừng nhìn ra, trước tầm mắt là biển, phía sau là đồi núi.*

Nằm trong một quán nhỏ bên lề đường Nước Ngọt, dưới ánh lửa lại hoà hợp với ánh đèn le lói, anh nằm thả khói nghĩ đến chuyện tình của Diệu. Nguyên nhận thấy nàng tinh tế vô cùng. Những tấm ảnh gửi cho anh đều không có chữ. Cho đến tấm thứ ba, mở đầu bằng dăm ba chữ: cô áo đen tặng anh Nguyên. Chẳng là như trong thư gửi trước, nàng hứa chụp một bức ảnh mặc quốc phục. Và tấm ảnh ấy, nàng chụp với một người đàn bà nữa.

Nguyên cười một mình như thoả mãn với ý nghĩ của mình vừa qua.

"Em mới ở Sài Gòn ra hờ, ủa, em lại qua Vũng Tàu rồi mới tới đây? Cảm ơn em đã đem rượu ra cho lão".

Ông già rót rượu đưa lên nốc, con mèo quanh quẩn lấy chân. Màu đen xẫm nắng bao trùm lấy thân lão. Nguyên bỗng nảy ra ý kiến so sánh với cuộc sống người nguyên thủy. Chiếc quần đùi dài quá đầu gối, chiến lợi phẩm của quân đội Pháp trao làm kỷ niệm. Chiếc dây thừng thay chiếc thắt lưng. Nguyên nhớ đến ông già kể cho nghe rằng, lão vào Nam hơn hai mươi năm trời, làm bồi cho chính phủ Pháp, chính phủ Nhật, chính phủ Tây Thuộc, và bây giờ người ta gọi lão nấu bếp cho mấy sĩ quan Hoa Kỳ ra nghỉ mát ở Long Hải. Chẳng là lão nổi tiếng nấu bếp khéo nhất vùng này.

Lão bảo với anh là lão từ chối. Lão tự cho rằng đời lão đã làm bồi lâu lắm rồi. Giàu có cũng chẳng còn đến với tuổi này, xây dựng lâu đài trên mặt cát cũng bị sóng thủy triều đập đổ. Tham vọng càng nhiều càng chuốc thêm sầu não. Ăn uống càng say thì càng lụy đến chiếc dạ dày! Từ già cả đứa con trai duy nhất có danh chức trong làng, chỉ một ý thích, lão không muốn nhờ vả ai. Lão muốn sống cô độc với nghề bốc thuốc Nam và gánh củi ra phố bán vào buổi sáng. Cho đến khi chiều tà, chim bay về núi, lão quẩy cút rượu tòng teng trên vai về mạn Nước Ngọt, lách mình vào quán hẹp độc ẩm. Con mèo dưới mương ngóc đầu lên đón chủ. Nhà lão không khoá bao giờ, cho nên Nguyên đến đây đốt lửa, ung dung ngồi đợi lão.

Lão chỉ còn con mèo. Con mèo là bạn đường của lão. Nguyên quen lão vì lần trước qua Nước

Ngọt, vào xin lão hớp nước. Thấy con mèo, Nguyên ôm lấy ve vuốt. Con mèo theo Nguyên dễ dàng. Cho nên giờ đây, con mèo vòng quanh chân Nguyên, chân lão, mũi mèo thương cảm chủ bằng cách thở hơi phụp phụp, chiếc đuôi cong lên, an ủi tuổi già sáu mươi của lão. Chẳng ai biết tên thật lão là gì? Cho đến cả quá vắng của lão. Người ta gọi lão là lão Hai.

Lão Hai quý Nguyên, vì lão thấy con mèo quý anh. Lão thường tin bạn loài vật để xem người. Lão tin là Nguyên tốt, vì có thể loài vật mới chóng làm quen. Lão hỏi Nguyên về cuộc đời. Tại sao Nguyên ra đây lại đến thăm lão, vì lão hiểu anh có nhà quen, nhưng cứ đến ngủ với lão. Vậy thì anh hãy kể cho lão nghe. Lão Hai im lặng, bùi ngùi. Nhưng Nguyên không tỏ thái độ về cuộc sống gần nhất của anh cho lão biết, hay nói khác đi, đoạn đường đang đi bước xuống của mình. Có những bữa cơm ngon lành ở nhà bà cô, Nguyên lại lo cho những bữa khác. Với Tô và Thảo ở xóm Đoàn Thị Điểm. Nguyên quên làm sao được những bữa cơm bốn đồng ở quán lao động đường Bà Huyện Thanh Quan. Nguyên được chứng kiến câu chuyện của người lao động. Một anh lao động trước kia là quân nhân, hình như anh ta mắc bệnh lao, cho nên mỗi lần anh ra quán, cô chủ lại xua đuổi như ruồi. Anh chỉ tay vào thân mình Nguyên:

"Ngày xưa tôi cũng khoẻ như anh. Sau mấy năm dài kháng chiến, rồi đầu hàng Pháp, đi lính cho ông Tâm, Hữu, bây giờ mãn lính ra, chuốc vào mình bệnh lao!"

Anh ta ho. Anh ta bảo Nguyên còn tiền cho anh ta được xin ăn một quả chuối dessert thì sung sướng lắm! Bỗng anh ta đưa mắt nhìn những người lính trai tráng đang nô đùa ngoài công lộ với gái, anh cười chua chát, nói như không cần cho ai nghe:

"Chúng nó mới nghĩ có đi lên, mà chưa đến lúc nghĩ đến ngày tàn tạ như tôi bây giờ".

Tất cả... Nguyên đều không kể cho lão nghe. Cả đến những bộ quần áo mà Nguyên đang mặc là của em Hoài. Khi Phúc ở Hoa Kỳ về, anh đã lấy công khai, rồi đưa cho ông chủ thợ giặt Lý Thái Tổ sửa lại. Nguyên chưa bao giờ thấy ông chủ thợ giặt hiểu mình bằng:

"Nhà văn có lúc nghèo, lúc giàu. Nổi tiếng như Vũ Trọng Phụng cũng vậy, sở dĩ tôi biết là có ông Quý đây, bạn của nhà văn khi còn sinh thời".

Nguyên không kể cho lão nghe. Nguyên chỉ nói là mến lão và muốn an ủi cảnh già của lão. Thế thôi. Câu cuối, Nguyên đáp:

"Cháu không còn gia đình thân thích nữa lão ơi!"

Nguyên không nhớ gia đình nữa. Mười năm rồi còn gì! Biền biệt những cô đơn, chán ngán. Cả ngay đến cuộc đời anh khi còn mẹ, khi theo cha, khi ở nhà vắng cha, khi từ giã cha mẹ sang quê người. Cuộc đời của Nguyên phải chẳng sinh ra là cô độc, rồi thân lập thân đối với đời. Và như thế chỉ còn có tình yêu và tình bạn. Nên những chiều đẹp nhất Sài Gòn là chiều ẩm đạm của anh. Sài Gòn vào những ngày thứ Bảy, Chủ nhật, vui nườm nượp. Người nào kẻ ấy có đôi, có tình thương, dầu là giả tạo đi nữa. Dầu cuộc sống của họ là những thanh niên chưa vợ, họ cũng còn có cha mẹ, anh em, họ hàng họp nhau trong những bữa cơm gia đình để trò chuyện. Nguyên không tin rằng một số bạn bè của anh có gia đình và họ chán chường với gia đình. Nguyên thêm đổi lấy một chút đầm ấm ấy rồi sau này phải chuốc vào một công việc nặng nề, anh không ta thán một lời nhỏ.

Khi yêu Diệu, con người mà anh cho rằng trải qua nhiều mật đắng, qua phút hân hoan, đứng trên xấu và tốt, anh tin rằng họ sẽ đem lại cho anh lòng tin và an ủi. Nguyên hiểu Diệu là từ chối đấy, nhưng yêu đấy, điều cần thiết là Nguyên có tránh được mũi dùi dư luận không? Hơn nữa là

phải có một công việc làm để bảo đảm hạnh phúc.

Bông lão khuyên anh nên lập gia đình cho có bầu có bạn, cho những phút tẻ nhạt của cuộc đời còn có người an ủi vỗ về. Lão bảo Nguyên, chiều chiều chim ở biển bay về núi, ít con không có đôi, dầu nếu không nữa, chúng có đàn bao bọc. Nguyên gật đầu tán thành, nhưng chỉ là làm vui lão. Nguyên trong tình trạng nghĩ về cuộc sống. Anh còn mất nhiều thì giờ để vượt đặng, của một hồi Maxime Gorki thân lập thân tạo một sức mạnh vũ bão. Nhưng Nguyên còn thiếu một Natacha, qua truyện một đêm thu khi gặp gỡ người đàn bà bị hắt hủi, rồi nàng đã áp ủ cho bản thân ông một đêm. Qua một đêm truyền hơi lạnh cho nhau, để sau này ông tạo cho mình một lòng tin, sức mạnh vũ bão. Kề ân nhân kia, ngay sáng hôm sau và trọn cuộc đời ông tìm kiếm không bao giờ còn gặp mặt!

Nguyên và lão đang đi trên mặt bãi cát Nước Ngọt. Sóng ngoài khơi vẫn xô lấp vào bờ cao ngất. Anh đi tận mãi xa mong chờ gió lùa thật mạnh vào lồng ngực mình. Âm hưởng của một khoảng trời xa xôi đưa lại, đã qua bao nhiêu lớp lọc biển khơi. Rồi trên vầng trán thanh niên hẳn lại những đường nếp nhăn của suy tư. Đời vẫn còn thiếu một Natacha, của một lần trong đời thôi, mà chưa có. Sóng gió ngoài khơi vẫn găm thét quay cuồng như làm chuyển động cả một sự náo nùng. Tiếng gió ru bất khuất. Nhưng làm sao có phương kế xoa dịu lòng mình như mặt biển sóng bằng!

*

Tám ảnh khiến cho Nguyên say mê điên dại, cuồng loạn, nhất là tám ảnh Diệu gửi cho anh vào những ngày gần cuối năm. Tám lưới chụp phủ lên mái tóc, làn da, khuôn mặt có đôi mắt đa tình ấy. Và còn một bông huệ trắng cài. Và còn nữa, những dòng chữ ân tình cao đẹp: "Ảnh chụp tại phi trường Kaitak, 11 tháng 5 ở Cảng Thơm. Thời gian qua, người càng già, càng xấu và càng dễ ghét".

Nguyên đã tự thưởng mình bằng cách lên phố mua thuốc lá thơm, mua sách, mua tám kính lồng vào khung tám ảnh kia đặt trên bàn viết. Với số tiền ba trăm định để dành cho công việc gì đó mà anh cũng chưa biết. Nhưng anh tiêu vào kỷ niệm ấy cho lòng mình giải thoát, cảm ơn đời đã cho mình một kỷ niệm đẹp vô cùng. Nguyên còn vào thư viện để thỏa lòng yêu Diệu, thì anh gặp một cô bạn học cũ ngày xưa. Mỏng manh, vì đây là lần thứ nhì gặp gỡ. Nguyên được biết nàng có cảm tình với nhà văn. Sau này, Nguyên viết một truyện ngắn lưu niệm một mối tình của nơi đây qua một tiêu đề "Người kỳ nữ sông Kỳ Cùng". Nguyên trở về nhà trọ. Anh đã dọn nhà về xóm Đạo, sau khi Hoài phải đổi lên Pleiku. Sở dĩ có tiền do nhà xuất bản Lê Thoan đưa trả anh một số đặt trước cho tác phẩm.

Nguyên nhớ lần trước, anh viết thư trả lời Diệu hơi ác ý và trích thượng đối với tình yêu. Nghĩa là sau khi đọc những thư của nàng, Nguyên biết nàng có cảm tình với mình. Anh hạ bút:

"Trong đời nhà văn của mình, chưa bao giờ có chìa khoá để tả một cặp thất tình. Và quả là vẫn chưa có cơ hội Diệu ạ. Muốn tả lại tình tiết của nhân vật bị tình yêu cho ăn vọt, hẳn rằng tôi thiếu phải có cơ hội sống, rồi từ đấy mới tưởng tượng được. Phải không Diệu?"

Nguyên ray rứt bồn chồn. Mình yêu nàng vẫn trích thượng như bao nhiêu mối tình khác. Nhưng Diệu đã hơn họ là mình ngộ tình yêu trước. Không hiểu sao lần này anh lại biên thư cho nàng, hỏi về truyện hai đứa cho kia có phải gái không? Anh hỏi hộp mong rằng tin đưa lại đúng như mình nghĩ. Nguyên đọc lại "Sống nhờ" của Mạnh Phú Tứ để giải quyết về mối tình kia cho có phần ổn thoả. Nhân vật Dần trong "Sống nhờ" lần này cảm thông với anh sâu xa. Nguyên thú thật để mà nói với Diệu rằng, vai Dần làm anh thương xót. Anh phải có một chính sách để đối với hai đứa con nàng cho gia đình êm thấm. Nhưng ý nghĩ ấy mới hình thành trong "Nhật ký" chưa gửi cho Diệu bằng thư. Rồi anh lại kể, so sánh mối tình đẹp như Zadsekine và Prétovich

của Tourgueniev trong "Mối tình đầu". Rồi lại gạt đi vì cho rằng mối tình kia có đẹp chẳng nữa, thì họ có lấy được nhau đâu? Anh lại đem mối tình ấy ví với A. Musset và George Sand, sau Nguyễn lại kết luận rằng Chopin là người được G. Sand yêu hơn và cuối cùng nàng vẫn thương con hơn hết...

Thường thường vào những ngày thứ Sáu trong tuần, anh nhận được thư Diệu. Cho nên với anh ngày ấy, anh cho là thứ Sáu ban ân lành, dọn mình để nhận thư từ phương xa đưa lại...

(Trích *Nửa đường đi xuống*, từ trang 403-410)

Nhận diện vóc giáng Nguyễn Đức Quỳnh

"... Ngoài 40 tuổi, ăn vận bộ bà ba nâu hoặc trắng, khuôn mặt gầy, đôi mắt sáng rực lửa, ngồi ghế xích đu; bên cạnh chiếc ghế đầu, trên có đôi ba cuốn sách, tờ báo nào đó gấp lại đang đọc dở dang, một hộp diêm, một bao Bát-tô xanh, có điều bẻ nửa, nửa gắn trên môi sáng lấp lờ..."

(Truyện hoa đào năm ngoái / Thế Phong).

Thời kỳ chàng còn tại thế, nhà ở hẻm chùa Từ Quang- trên đường Phan Thanh Giản, Saigon 10 - thập niên 60. Rồi mười mấy năm sau, thay đổi địa chỉ đôi ba lần, căn nhà ở hẻm 611 Phan Thanh Giản, đi thẳng vào gặp Từ đường họ Đỗ (cụu tổng đốc Đỗ Hữu Phương), đi sâu vào phía trong, căn nhà mang số hai mấy hoặc ba mấy ..lê- nơi chàng giã từ cuộc sống đúng ngày 06 tháng 6 năm 1974. Chỉ một tạp chí *Văn* dành nhiều trang viết về Nguyễn Đức Quỳnh.. còn mang bút danh Hà Việt Phương, Vương Thương Thương, Đặng Tâm Thanh, Cung Phúc Chung, vv... và ký Hoài Đồng Vọng (tác giả tâm bút *Ai có qua cầu* , Quan điểm, Saigon 1957))...

"*Cảm tưởng trước cái tang lớn của văn học*" tạp chí *Văn*, (chủ nhiệm, Nguyễn Đình Vượng, Mai Thảo, thư ký tòa soạn) chiều niệm lãnh tụ văn nghệ *Đàm trường viễn kiến* , nguyên chủ soái nhóm *Hàn Thuyên* tiền chiến qua đời .

Một cậu chạy vặt tin văn chương trên báo (không biết Trần Tĩnh hay Gia Tuấn(?) ba chân bốn cẳng ,leo lên xe gắn máy ,đến từng nơi , gặp từng cây bút xin số bài viết về chàng lãnh tụ. Có cây bút quen biết, không chỉ gặp một lần, đọc văn nhiều trang- có kẻ chẳng biết mặt bao giờ, chẳng hề đọc tên lần nào, được mời phát biểu cảm tưởng- thì cũng hì hục bóp trán suy tưởng: *Nguyễn Đức Quỳnh là ai?* có phải nhạc sĩ Đức Quỳnh từng luyện nữ ca sĩ, sau chủ phòng trà trên đường Cao Thắng? Nhân thân chàng nhạc sĩ từng tưng tưng này, hao hao giống chàng lãnh tụ Hà Việt Phương, trán hơi cao, hói tí ti, thân người thâm thấp, gầy đét tựa cá khô , miệng nhỏ líu lo đánh nhịp, đôi mắt chớp nhanh, huyền thuyên với trò gái học nhạ. Cũng có một chàng trẻ tuổi , có lẽ là Đặng Trần Huân (soạn giả *Truyện cảm cưỡi*) nghe tin Nguyễn Đức Quỳnh qua đời, bèn hỏi: " *Quỳnh nào vậy cà?* " vv..

Phan Lạc Phúc, *tự* ký giả Lô Răng phong tước ông Trùm (Nguyễn Đức Quỳnh), tựa Marlon Brando trong vai Corleon phim *The God Father* ; ông Bó già của giới văn học, chính trị, sân khấu, kịch trường, thương mại, cả giới linh mục, thượng tọa. Cũng vẫn văn phong tả lãnh tụ văn học Nguyễn Đức Quỳnh có hấp lực một chủ soái, càng hơn so Corleon, dầu nhắm mắt vẫn làm cho kẻ thù run sợ. Sợ vì khối óc, tư tưởng, ông Quỳnh là cuốn từ điển Bách khoa thể giới , ông Trùm chủ soái văn chương, chính trị ...

Trần Phóng (sức danh Duyên Anh gọi Trần Phong Giao), cảm điện thoại gọi í ới phe cánh , làm ra vẻ quan trọng, nào chủ soái Hàn Thuyên mới qua đời, phe cánh ta phải viết chiêu niệm: Vũ Khắc Khoan, Người Sông Thương, Mặc Đỗ, Thanh Nam và mẹ vợ Túy Hồng , vv... Nữ văn sĩ được ới viết bài " ăn theo phe cánh" ; được hỏi có cảm tưởng gì về cái chết lãnh tụ , ông Trùm Quỳnh? Bà đọc cuốn nào chưa? Có lần nào được điện kiến ? Nữ sĩ vênh váo , trả lời kênh kiệu , sách ta chưa đọc một dòng, cả mặt chưa lần nào thấy đầu ngang, mũi dọc ra sao. Vậy ông Trùm là cái khí khô gì mà nhắc tên, chiêu niệm, làm văn giới chần động. Chồng ta, ta chẳng nhớ, mà có nhớ chẳng, ta chỉ nhớ mặt mũi một ông về hồi chánh quốc gia từng là *cán bộ văn chương ở khu* , có khuôn mặt *nhơn nhơn* , đôi mắt *hấp háy* chớp

chớp , cùng ta hưởng *đêm xuân trắng* sáng trên Cao nguyên Lâm Viên. Ta phục phụ nhân nhà văn ấy không ghen! Giả dụ chàng kếp qua đời, ta đã tình nhắm mắt cũng viết được pho truyện ly kỳ mùi mẫn , có thể được ghi vào sử sách văn chương hiện đại việt nam cũng nên!

Nhạc sĩ Phạm Duy chiêu niệm cái chết ông Trùm, người anh lớn trong gia đình, hơn cả thạc sĩ văn phạm Phạm Duy Khiêm- tôn ông Trùm như chất xúc tác cần thiết nền văn chương hậu chiến tiến bộ. Lại chưa thêm tiếng tây cho chúng sợ: *élément catalyseur*, (*élément* chỉ người, vậy nhạc sĩ coi ông Trùm ngang hàng tinh vật sao?).

Tới một chàng văn sĩ trẻ, tên thật ghi trong cuốn VU'OT là Phí Ích Nghiễm, (Dương Nghiễm Mậu) thường lui tới *Đàm trường viễn kiến* nhiều lần, hý hoáy: "...*Lúc anh Quỳnh còn sống đã có người viết về anh, nhưng ai viết về anh cũng hết sức khó khăn, cho dầu là người thân nhất...*" Câu này thật chính xác!

"...*Ông Quỳnh mất là chấm dứt một thế hệ người theo đuổi những mộng tưởng vĩ đại. Nhưng thế hệ sau, khi đứng trước những vấn đề thực tế quá dữ dội, không còn biết đến những giấc mơ vĩ đại như thế nữa..*" đó là chữ viết Nguyễn Mạnh Côn đối với ông thầy mà Nguyễn Mạnh Côn đã " *từng chờ bài tựa cuốn Đem tâm tình viết lịch sử, đợi chờ hoài , thầy Quỳnh không viết, lại cho trường nam Duy Sinh viết thế cha, đưa đăng trên tuần báo Năng Sớm , với hàng chữ " Bài này dùng làm TỰA Đem tâm tình viết lịch sử Nguyễn Kiên Trung*". Chỉ cần dựa hơi thầy Quỳnh, Nguyễn Kiên Trung vẫn được nhận giải khảo luận Tổng thống Việt nam Cộng hòa.(1957) . Đời một vĩ nhân đi nữa, hoàn thành *một* mộng tưởng vĩ đại đã là khó, với Nguyễn Kiên Trung (Nguyễn Mạnh Côn) xài hoang phí chữ *những* tới hai lần trong một câu đối với thầy Quỳnh , đó là chuyện không tưởng; hoặc là ,chàng văn sĩ *già* không biết *xài ngữ* và *nghĩa* trong văn chương *trẻ* hiện đại chẳng?

"...*Cái chết của anh Nguyễn Đức Quỳnh là một thiệt hại lớn cho những người mới làm văn nghệ và cho những người làm văn nghệ thất bại...*" Thái Tuấn, một trong môn sinh văn chương lớn tuổi nhất (1918), trên cả Vũ Khắc Khoan (1918), Mạc Đỗ (1920), Mai Thảo (1927) v.v.. Câu này của Thái Tuấn rất ý nghĩa, bàn theo *quốc văn ba lối*- thì ,trên thực tế ,áp dụng rất chính xác đối với ngay bản thân, sự nghiệp Thái Tuấn. Bờ lê 1954, Thái Tuấn theo làn sóng di cư vào Nam, anh mới chỉ là một anh thợ vẽ kê thuê bằng hiệu ở 23 đường Tự Do Saigon 1. Năm 1955 , nhật báo *Quốc Gia* (Cao Đài Liên minh, Nhị Lang chủ bút) mượn người trang trí báo, Thái Tuấn được tuyển dụng.. Năm 1956 ,cộng tác với *Sáng tạo* , bắt đầu viết lý luận hội họa, sau tập hợp in thành sách (*Cảo Thơm* Saigon xuất bản) , danh tiếng bắt đầu nổi lên ,có chỗ đứng từ đây. Có danh rồi, tựa mẹ nhà quê miền bắc, tung váy, vỗ đóm đóp vô ơn!

"...*Tôi rất xúc động. Với riêng tôi, Anh Quỳnh nằm xuống hơi sớm. Được tin anh đau nặng, tôi đang định đến thăm anh, như năm 1970, anh đã đến thăm tôi trên giường bệnh. Tôi chưa kịp đi, anh đã vĩnh biệt mọi người...*" (Vũ Hoàng Chương).

"...*Từ 25 năm nay, vợ chồng tôi lúc nào cũng coi anh Quỳnh như một người anh ruột. Chính anh làm mối chúng tôi lấy nhau. Biết anh đau, đã phải mổ nhiều lần, chờ chết, nên cái chết của anh không làm tôi ngạc nhiên. Chúng ta khó có được một người như Nguyễn Đức Quỳnh. Anh có tình với mọi người, chịu đựng hết thảy anh em. Anh là chất xúc tác cần thiết (élément catalyseur) để những người văn nghệ gần nhau. Anh mất, cái đáng tiếc nhất là điểm đó..*"(Phạm Duy) :

... *Tôi chưa đọc ông Nguyễn Đức Quỳnh. Cũng như chưa hề thấy mặt ông. Cái chết của ông gây chấn động trong văn giới đến thế sao?"* (nữ văn sĩ Túy Hồng, vợ nhà văn Thanh Nam).

"...*Đối với tôi, hình ảnh Nguyễn Đức Quỳnh bao giờ cũng là hình ảnh của "Thằng Kinh". Bây giờ "Thằng Kinh" đã nằm xuống mà trận đá banh lại vẫn còn tiếp tục..*"(Vũ Khắc Khoan) . Một bình bút có lời phẩm bình văn chương thật sắc bén!

"... *Tôi nghĩ mỗi cuộc đời chúng ta là một truyện cổ tích. Nhưng truyện cổ tích của anh Quỳnh thật đẹp, như một truyện cổ tích điển hình nhất, thống nhất, tròn trịa. Ngày oái tiển đưa anh một lần cuối cùng, cùng bằng hữu, ngắm những dòng khẩu hiệu, gia nhập dòng người tiễn đưa, tôi đã nghĩ vậy; thực là một truyện cổ tích thuần hậu, thống nhất, tròn trịa nhất..*"(Doãn Quốc Sỹ).

".. *Nguyễn Đức Quỳnh nằm xuống cũng phần nào giống như cái chết của ông trùm Vito Corleone (Godfather) . Trong đám tang đưa tiễn ông Trùm, có giới văn học, giới chính trị, giới sân khấu, giới thương mại, giới linh mục, giới đại đức v.v.. Hấp lực của Nguyễn Đức Quỳnh đến lúc chết vẫn còn mạnh mẽ cũng như Vito Corleone đến lúc nhắm mắt cũng vẫn làm cho kẻ thù run sợ... Sự quảng giao của Nguyễn Đức Quỳnh cũng giống như cái đĩa điện của cuộc đời "godfather." Khác nhau chẳng là " Godfather" nặng về*

mặt kinh doanh. Nguyễn Đức Quỳnh năng về tư tưởng. Một bộ óc bách khoa của Việt Nam đa mắt, một ông Trùm từ giả cuộc đời...(Phan Lạc Phúc, tức Ký giả Lô Răng).

"... Hay tin anh Quỳnh mất tôi lại nghĩ như nhiều lần khác khi có những bạn già quy tiên ; mất thêm một người Việt Nam có gốc Việt chắc chắn, và có kiến thức rộng hơn vòng chân trời Việt Nam. Bây giờ nền quốc học vội vã dựng nên đã tạo một số đông chỉ biết rất rõ (chưa chắc) cái giống Việt Nam và một số khác đi học ở ngoài về, và chẳng hiểu chi về đất nước.. (Mặc Đỗ) .

"...Được tin anh Quỳnh mất, tôi không có cảm giác về một cái gì đã chấm dứt vĩnh viễn . Trái lại, cái chết tạo ra một cái gì mới, khác đi. cái đó mới chỉ bắt đầu và còn mở rộng đến vô cùng.." (Văn Quang) . Một lối viết kiểu nghe hơi nôi chõ!

.. Tôi hay tin này khi tình cờ đọc tờ báo "Sáng tạo "ở phòng làm việc. Buông báo xuống, quay sang phía ĐTH tôi nói:" Ông Quỳnh chết". ĐTH hỏi lại " Quỳnh nào?" tác giả "Thăng Cu So", "Thăng Phương", "Thăng Kinh" không khí chợt đặc lại rồi loãng ra. Vài tiếng xì xào ở chung quanh...(Du Tử Lê) .

"...Mỗi lần nghĩ đến anh Quỳnh, tôi nhớ lần đầu tiên được gặp anh. Đó là đầu năm 1953 tại Hà Nội. Hồi đó anh Quỳnh mới về. Tôi và Nguyễn Minh Lang được anh Nguyễn Văn Hối, giám đốc nhà xuất bản Thế Giới đưa đến gặp anh Quỳnh. Nguyễn Minh Lang vừa cho xuất bản cuốn tiểu thuyết "Tình tuyệt vọng". Còn tôi... nhà "Á châu" cũng vừa cho phát hành cuốn tiểu thuyết "Cuộc đời một thiếu nữ". Khi gặp anh, tôi không hề nghĩ là anh đã đọc văn của mình, cũng không dám nói chuyện văn chương với anh. Nhưng chúng tôi không khỏi sửng sốt khi thấy anh Quỳnh đề cập 2 cuốn tiểu thuyết kia, và nói từng chi tiết một, chứ không phải là nói phớt qua để lấy lòng hai đứa em. Anh đưa cuốn sách ra, và chỉ cho tôi thấy từng đoạn viết sai, viết láo của tôi. Chưa bao giờ tôi thấy xúc động trước một nhà văn đàn anh như lần đó..."(Thanh Nam). "Lời nói phải củ cải cũng nghe"(Thanh Nam)

Nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh (1909-1974 Sài Gòn)

Sinh năm 1909 ở Trà Bồi, tỉnh Hưng Yên (Bắc Bộ). Thuở nhỏ học ở nước ngoài. Sau đậu kỹ sư điện học.

Tác phẩm đầu tay: *Sống và Yêu* , *Bốn biển không nhà* viết về đời sống quân đội Lê dương ở Pháp, Bắc Phi, Trung đông.. Tập thơ *Minh với Ta* tả đời sống chiến sĩ đối lập ở Xiêm La (Thái Lan bây giờ) Sau về nước chủ trương *Khoa học tạp chí* (1931-32) với Nguyễn Công Tiểu.

Từ 1934 đến 45 chủ trương *Tiếng Trẻ*, *Thời Thế*, *Quốc Gia* và tạp chí *Văn Mới* .

Năm 1945: chiến sĩ văn hóa kháng chiến cùng các nhà văn nhóm Hàn Thuyên: Nguyễn Đình Lạp, Trương Tửu-Nguyễn Bách Khoa, Đặng Thái Mai , Phạm Ngọc Khuê, Nguyễn Tuân

Năm 1952 về Thành Hà Nội, sau vào Huế, Saigon . Viết cho tuần báo *Đời Mới* (Trần Văn Ân chủ nhiệm). Từ đây ông ký bút danh mới:*Hà Việt Phương*, *Hoài Đồng Vọng* , *Vương Thương Thương*, *Hoài Nam Hoài*, *Cung Phúc Chung* vv.

Cuốn tâm bút sau cùng mà ông cho xuất bản tại Sài Gòn : *Ai có qua cầu* (ký Hoài Đồng Vọng) (Nxb Quan điểm loại mới Saigon 1957).

Ông qua đời vào ngày 6 tháng 6 năm 1974 ở Saigon

Thế Phong như tôi biết Hoàng Hương Trang

Trong thời gian gần đây, một loạt sách do ông **Đỗ Mạnh Tường** tức nhà văn **Thế Phong** chủ trương in ấn, phát hành, dưới tên nhà xuất bản **Đồng Nai** , **Thanh Niên** v.v...

Ông Thế Phong, một cái tên khá quen thuộc đối với giới văn nghệ miền Nam trước 1975. Hồi

đó, ông rất *ngang tàng*, rất đao to búa lớn, nhiều người yếu *bóng vía* rất hãi ông; tuy nhiên vẫn không ít người là bạn bè của ông. Hồi đó, ông được người ta nhắc đến, không phải vì ông tài ba, xuất chúng gì; mà chỉ vì một mình ông dưới gầm trời miền Nam dám tự ra mắt sách của mình bằng cách *quay rô-nê-ô*, ví như ông **tướng Vĩnh Lộc** dám đóng khổ miền Thượng đi duyệt binh giữa thành phố Sài Gòn hồi ấy vậy. Tất nhiên cách *quay rô-nê-ô* thì rất hạn chế số lượng, chỉ vì từ vài chục đến 100 bản là cùng, cũng không thể chen lấn lộn xộn vài quầy sách, báo được; chỉ dùng để *giao lưu miễn phí* là chính, coi như một dạng *đờ-mi lai cảo*, chờ có dịp thì in ấn chính quy.

Tuy vậy, cũng có nhiều người biết, do đọc trực tiếp hay nghe truyền khẩu, vì **Thế Phong** là một *đề tài sôi nổi ở chốn chợ văn làng báo* - bởi ông viết *bạt mạng*, viết cho đã tay, viết hùng hục, xô bồ như cách nói của ông thường ngày; người ta gọi là *văn nói*. **Đôi khi trúng trật bất cần, ông bất cần đời, bất cần cả chính ông, bất cần mọi người lung tung, như cái máy ném đá, trúng ai nấy chịu**. Có người trúng cục đá sỏi, chỉ khó chịu chút ít rồi cũng bỏ qua. Có người bị trúng đá tảng to, nóng rát như núi đá lửa, làm cháy rụi cả một cuộc đời, phải ngậm đắng nuốt cay.

C hẳng hạn, ông phô trương **Nhà văn, Tác phẩm, Cuộc đời** của chính ông, kể lẽ không cần che giấu những gì của ông thời trai trẻ với một nhà thơ nữ. Thời điểm ông viết, cô ta đã có chồng và chính chồng cô đọc được cuốn sách trên, thế là vợ chồng tan rã, bố mẹ chồng chì chiết, chỉ vì ông viết cho đã tay mà thiếu chữ *tâm*. Ông không nề hà gì mà không kể tỉ mỉ cả thuở thiếu niên hư đốn, mới 14 tuổi đã biết *quấy rối tình dục* những cô sơn nữ ở quê ông; lớn lên lưu lạc vào Nam, cũng không nề hà gì o bế *những chị em ta* cỡ **Lệ Liễu phỏng ca nhạc để được cơm no bò cưỡi**. Nhưng đấy là thời ông còn trẻ, ông có nhiều giai thoại khủng khiếp, loại không nên phơi bày, vì hơi *hoang đàng*, không có lợi cho ai; mà chỉ được đời tặng cho ông những mỹ hiệu *cao bồi văn nghệ*, hoặc *du côn văn nghệ*; mặc dầu ông vẫn vui vẻ thoải mái nhận những mỹ hiệu đó, chứ không tỏ ra khó chịu gì, điều đó **ông rất lý và đáng phục (1)**. Sau này may mắn ông đã có vợ đẹp, con khôn, có công ăn việc làm, núp bóng **binh (sic) chủng Không Quân Sài Gòn**, đã nên nhà nên cửa; mọi người đều mừng cho ông.

Sau 1975, ai cũng mừng khi thấy ông đã *nhận lời Chúa gọi*, đã khá thay đổi tính nết, uyển chuyển, chín chắn; ít tranh luận, không ồn ào sôi nổi nữa; mọi người rất mừng hết lời khen ngợi. Có những người *rất hãi ông* trước kia cung đấn đo trở lại giao thiệp với ông bình thường.

Đùng một cái, gần đây ông lại *dở chứng*, lại viết lung tung, vung vít như cái máy ném đá, **trúng ai nấy u đầu; dường như không liên quan gì tới ông**. Lại có thêm một *đồng minh* cũng vung vít như ông - đó là ông **Hoàng Tấn**, còn có bút hiệu **Hồ Tăng Ân**, ráp lại làm **một cặp song kiếm**, khiến cho nhiều người khiếp hãi!

Nơi đây, xin được hạn chế trao đổi với 2 ông vài ba cuốn sách gần đây thôi, như **Hà Nội 40 năm xa** (Nxb Thanh Niên), **Chiêu niệm 4 nhà văn Sài Gòn** (Nxb Đồng Nai - 2 cuốn này ký **Thế Phong**), **Nguyễn Bình, một vì sao sáng** (ký tên **Hoàng Tấn**, nxb Đồng Nai), và xa hơn một chút là **T.T. Kh., Nàng là Ai?** (ký tên **Thế Nhật** cũng là **Thế Phong**).

Trong **Hà Nội 40 năm xa**, ông khoe đi phó hội, một cái hội nghị về sách tiếng Pháp gì đó ở Hà Nội, do đấy ông có dịp gặp lại Hà Nội đã xa cách 40 năm. Thôi cũng được, có gì khoe nấy, mặc dù đọc cuốn này lắm người thấy ngượng, vì ông khoe khoang hơi lố.

Lại có người bất bình, vì ông đem một nhà văn nữ trẻ ra làm bìa đỡ đạn cho ông, trong cái trò

ném đá , kiêu ngạo tâng của ông . Có người hỏi, liệu sau khi đọc cuốn sách trên . nhà văn nữ ấy có bị chồng cho mấy quả đấm hay là lôi nhau ra tòa ? Câu hỏi này đã được chuyển tới ông , ông đồng dạc (hay trơ tráo) trả lời : " **C ô ấy có chồng ' đéch' đầu mà bị đánh ! "** .

Vậy cô ấy liệu có ai dám nhòm ngó, sau khi được ông ưu ái viết về cô ấy như trong **Hà Nội 40 năm xa** ? Dù sao xã hội ta , cũng vẫn chưa phải là xã hội tây phương, nên nhà văn ta vẫn phải nên biết hạn chế ngòi bút một chút cho thiên hạ nhờ !

Trong cuốn **T.T.KH., Nàng là Ai ?** đã mấy năm làm xôn xao dư luận . Ông chụp mũ (một cái mũ quá rộng) cho một nữ sĩ có chồng con khá danh giá , tự nhiên ông gán cho bà là **T.T.KH., - bồng không, tảng đá từ trên trời rơi xuống trúng ngay bà. Xét ra hoàn toàn sai lầm !** Bà là một thành viên trong **Quyển Dao Thi Xã** của Sài Gòn cũ , chồng bà một luật sư nổi tiếng, từng làm Bộ trưởng, làm Đại sứ tại Luân Đôn ; họ sống với nhau rất tâm đầu ý hợp, rất trí thức; trong làng thơ thường gọi họ là **đôi uyên ương thi sĩ**, con cái học hành thành đạt nên người. Cuộc hôn nhân toàn vẹn, tốt đẹp cho tới bạc đầu, ông bà chỉ chênh nhau 8 tuổi, điều ấy quá bình thường - có khi chênh nhau đến một con giáp cũng là việc thường thấy trong các đôi vợ chồng - nhất là ngày xưa, như thế làm sao có thể gắn vào câu thơ :

" Bên cạnh chồng nghiêm luống tuổi rồi " (?) .

Họ lấy nhau lúc còn trẻ , suốt đời đi đâu có nhau, sống đầm ấm hạnh phúc , có sao lại gán ghép vào những câu thơ hoàn toàn xa lạ với cuộc đời của họ :

*Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời
Ái ân hờ hững củq chồng tôi
Mà từng Thu chết từng Thu chết !
Vẫn giấu trong tim một bóng người ! (?)*

Cuốn sách gán ghép của **Thế Nhật (Thế Phong)** đã làm bà ta, con cái và gia đình đau khổ, bạn bè phẫn nộ, hơn nữa cuốn sách được in ra trong thời điểm bà mới chịu tang chồng được ít lâu. Gia đình đã ở nước ngoài, bà chỉ có khả năng làm thơ Đường luật, xướng họa thư nhàn, không thể viết một bài cải chính tràn giang đại hải trên báo, để đánh tan cái dư luận sai lạc kia, nên đành ngậm đắng nuốt cay với cuốn sách dã man ấy. May thay, bạn bè quen biết xưa nay đều hiểu cho bà, đều biết sự sai lầm tai hại của cuốn sách trên. Ông Thế Phong chỉ viết bừa bãi cho đã tay, không cần tài liệu trung thực, nhằm sao sách bán chạy, thu được lợi nhuận là đạt được mục đích của ông .

Với cái đà đã sử dụng tài liệu bừa bãi ấy, ông thừa thắng xông lên, in tiếp cuốn **Chiêu niệm 4 nhà văn Sài Gòn** . Bốn nhà văn Sài Gòn ấy là :

Vũ Hoàng Chương (nhà thơ)
Đình Hùng (nhà thơ)
Tam Lang (nhà văn)
Nguyễn Đắc Lộc (nhà văn)

Ông đánh vào tâm lý tò mò của mọi người, không có giá trị biên khảo mấy.

Vũ Hoàng Chương, một nhà thơ thuần túy không thể gọi khác đi là nhà văn được. **Đình Hùng** cũng là một nhà thơ thuần túy, nếu muốn gọi là nhà văn thì phải gọi là **Hoài Diệp Thứ Lang** . Ngoài việc sắp xếp không đúng chỗ như thế, ông còn chứng tỏ việc sưu tra, biên khảo tùy tiện; chỉ nghe qua những người không có liên hệ gì với tác giả; thậm chí họ cho tư

liệu *dòm*, với ý đồ ganh ghét, muốn hạ bệ bôi nhọ tác giả.

Trong đoạn viết về **Vũ Hoàng Chương**, ông **Thế Phong** đã hợp tác cùng ông **Hoàng Tấn** cố tình bóp méo sự thật hết sức lố bịch. *Thơ trích sai lung tung, tiểu sử không đúng, thơ ghép bài nọ xọ bài kia, bịa đặt ra giai thoại không hề có.* Sau khi sách phát hành, một số người biết rõ và thuộc nhiều thơ Vũ Hoàng Chương đã tỏ rất bất bình. (*Thơ Vũ Hoàng Chương đã đã in hàng chục cuốn và được đưa vào chương trình giáo khoa cấp trung và đại học ở miền Nam trước 1975, nên những ai đã họ qua đều nhớ*).

Tôi đã thận trọng đến hỏi thẳng bà **Vũ Hoàng Chương** (*hiện bà quả phụ Vũ Hoàng Chương*) và con trai (*nuôi*) *vẫn sinh sống tại Sài Gòn*) cho được 2 năm rõ 10, được bà đưa ra cho coi cuốn **Chiêu niệm 4 nhà văn Sài Gòn** do ông **Thế Phong** tặng bà.

Sách bà ghi chi chít, dày đặc những lỗi ngoài lề bằng mực bút bi, chỗ chỗ không thể ghi nổi, bà phải viết ra một tờ giấy khác dán ghép vào. Bà buồn rầu nói:
"...Chồng mình là một nhà thơ đã quá cố, mình nghèo quá không có điều kiện tái bản sách của ông ấy, nên ai tái bản hay viết về ông ấy là mình rất vui mừng và biết ơn, vì đó là một cách làm sống lại tên tuổi ông ấy. Nhưng viết như ông Thế Phong thì thà đừng viết còn hơn! Đáng buồn quá..."

Mà đáng buồn thật, ông **Thế Phong** và ông **Hoàng Tấn**, một người đã ở cái tuổi gần 70, một người đã ăn mừng tuổi 80 từ vài năm; cả 2 đều tự hào nhà văn, nhà thơ, cầm bút suốt cuộc đời; há lại không hiểu rằng viết về một người nào cần nhất là phải trung thực ư? Nghĩ thật khó hiểu, khi 2 ông cố tình bịa đặt những chuyện không đầu không đuôi về họ Vũ, liệu độc giả có thể hiểu 2 ông ganh ghét gì đó chăng? Xét cho cùng nhà ông **Thế Phong** ở vùng Tân Định, Quận 1; nhà **bà Vũ Hoàng Chương** ở đường Xô Viết-Nghệ Tĩnh, Thị Nghè; đối diện **Viện Dưỡng Lão**, tại sao ông (*ta*) không đến bà Vũ Hoàng Chương để lấy tư liệu về Vũ Hoàng Chương, có phải chính đáng, trung thực hơn không? Thế mà ông (*ta*) lại cất công leo lên tận 3 tầng lầu Cư xá Thanh Đa- con đường xa gấp 3 lần để lấy tài liệu từ ông **Hoàng Tấn**, một người không biết gì mấy về họ Vũ, không hề có trong tay một tác phẩm nào của Vũ Hoàng Chương, không hề gặp gỡ thân thiết gì; bởi 2 ông ở 2 miền Nam, Bắc suốt mấy chục năm, chưa hề quen nhau.

Sau 1975, ông **Hoàng Tấn** vào Nam, thì ông **Vũ Hoàng Chương** đã chết rồi, làm sao ông biết gì về họ Vũ? Ấy thế mà ông (*Hoàng Tấn*) lại gian dối đưa cho ông **Thế Phong** một bài thơ *lắp ghép lung tung*, râu ông nọ cắm cằm bà kia, không đầu không đuôi gì, **lại chụp mũ là của họ Vũ**: một trong 12 bài di cao. **đặc biệt tặng bà Quách Thị Hồ (5)**. Thử xét lại bài thơ đó xem (*Chiêu niệm nhà văn Sài Gòn*, tr. 17). Đoạn đầu là 4 câu cất từ 1 bài 8 câu (*bài 'Vịnh tranh gà lợn', tết năm Thìn, 1976*), cất 4 câu mà cũng sai cả nguyên bản. Ông **Hoàng Tấn** cung cấp cho ông **Thế Phong**:

*Sáng chưa sáng hẳn tối chưa đành
Gà lợn om xòm một bức tranh
Nhạc đã có tai thơ có họa
Biết chẳng ai đỏ mắt ai xanh ?*

Nguyên văn bài thơ của Vũ Hoàng Chương là:

*Sáng chưa sáng hẳn tối không đành
Gà lợn om sòm rồi bức tranh
Rằng vách có tai thơ có họa*

*Biết lòng ai đỏ mắt ai xanh
Mắt gà huynh đệ bao lần quáng
Lòng lợn âm dương một tác thành
Cục tác nữa chi, ngừng ủn ỉn
Nghe Ròng ngâm vang khúc tân thanh
(Bính Thìn, 1976)*

Đoạn ông lấy từ một bài đã in 1965 (*Tâm tình người đẹp*) trên nhiều báo miền Nam trước 1975, được nhà thơ nữ người Bỉ, **Simone Krunen de Coeuillerie** dịch ra pháp ngữ (1965) và giáo sư **Nguyễn Khang** dịch ra anh ngữ (1967). Đã xuất bản cả 3 thứ tiếng trong tập **Tâm tình người đẹp**, vậy mà ông ghi sai cả nguyên bản của tác giả. Bài của ông **Hoàng Tấn** cung cấp :

*Dấu hỏi xoay quanh một cuộc đời
Sên bò trong óc máu thầ (sic) rơi
Chiều nay một dấu than buồng lửng
Đanh đóng vào xăng tiếng trẫm lời*

Nguyên bản của ông **Vũ Hoàng Chương** là :

*Dấu hỏi vây quanh trọn kiếp người
Sên bò nát óc máu thẳm rơi
Chiều nay một dấu than buồng xuống
Đinh đóng vào săng tiếng trả lời !*

Ở nhiều đoạn khác đều què cụt như thế, có cả những câu ngớ ngẩn của ông **Hoàng Tấn** ghép vào, không phải thơ họ **Vũ**, như :

Đàn mang trơ đáy mà không đáy

Họ **Vũ** không thể tả cái đàn đáy ngô nghê đến thế. Hoặc câu :

*Hơi ca nông đã tan thành tuyết
Để tiếp vào cho nó đỡ xanh*

Đó là thơ **Hoàng Tấn** lộn sòng, bởi họ **Vũ** đâu có ngây ngô đến độ viết *tan thành tuyết*, chỉ *đông thành tuyết*, hoặc *tan thành nước* thôi. Họ **Vũ** cũng không thể viết *cho nó đỡ xanh*, chỉ có thơ thiếu nhi của ông **Hoàng Tấn** may ra mới có được. Ông (**TP ?**) còn tự tạo rất dối trá rằng:

"... Một trong 12 bài di cảo của Vũ Hoàng Chương thu thập được, từ Hoàng Tấn cho chép lại. Cũng vẫn theo Hoàng Tấn, tác giả Vũ Hoàng Chương làm tặng Quách Thị Hồ, người Việt Nam hát ca trù hay nhất, từng là bạn cố tri của Vũ Hoàng Chương. Hát ca trù có đàn đáy, do đó nội dung bài thơ đầy ắp tứ thơ, hát từ cô đầu cũng tiếng sinh phách âm thanh ..." (sđ d, tr. 17) .

Như trên đã trình bày, một đoạn xen từ bài *Vịnh tranh gà lợn* không dây dưa gì đến hát ca trù. Một đoạn trích trong cuốn *Tâm tình người đẹp* cũng chẳng phải sinh phách âm thanh, cũng chẳng phải để tặng bà **Quách Thị Hồ**. Bà **Quách Thị Hồ** mãi mấy năm sau mới vào thăm Sài Gòn. lúc ấy bà ngoài 50, còn khỏe mạnh, dạy ca trù ở Hà Nội và đi trình diễn khắp nơi ; vậy hà cớ gì họ **Vũ** lại rủa bà ta :

*Chiều nay một dấu than buồn xuống
Đinh đóng vào săng tiếng trả lời !*

Lúc bà Quách Thị Hồ vào Sài Gòn thì nhà thơ họ Vũ đã ra người thiên cổ, hỏi làm sao ông tặng bà ta được ? Rõ ràng lộ sự ấu trĩ không trung thực ở đây. **Về điểm ông Hoàng Tấn tự cho rằng ông có 12 bài di cảo của họ Vũ là một đối trá to lớn.** Ngay bài xáo trộn âm ở mới đề cập *tới* (sic) đó đã không phải là một trong số 12 bài di cảo của họ Vũ. Sự thật, vào đầu năm 1976, họ Vũ và một số văn nghệ sĩ có tên tuổi ở miền Nam được tập trung học tập đường lối mới của **văn nghệ cách mạng**. Trong trại, **Vũ Hoàng Chương** già yếu, thiếu thuốc phiện, sức khỏe và tinh thần xuống rất thấp, vô cùng thê thảm. Ông sáng tác (*nói cho đúng, sáng tác chứ không phải viết ra giấy*) 12 bài thơ cuối cùng, mang chung một nhan đề ' **Đọc lại người xưa** ', mỗi bài lấy tiêu đề từ 2 câu thơ nổi tiếng của các danh gia như **Đỗ Phủ, Lý Bạch, Đỗ Thu Nương, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, (Nguyễn) Thị Lộ, Bà Huyện Thanh Quan, Đoàn Thị Điểm** v. v ... không liên quan gì đến bà Quách Thị Hồ ca trù cả. Trước Trung thu 1976, ông được thả về nhà ít lâu thì mất, tại nhà của bà Đinh Hùng ở quận 4 Sài Gòn . (**Đinh Hùng là vợ của Vũ Hoàng Chương, mất 1967 tại Bệnh viện Bình Dân, Sài Gòn, vì bệnh ung thư dạ dày**). Trước 1975, gia đình Vũ Hoàng Chương ở trên lầu ngôi biệt thự **Úc Viên** của **Đông Hồ - Mộng Tuyết**.

Sau 30-4-1975, **bà Mộng Tuyết đuổi đi không cho ở, đuổi thật sự**, chứ không phải dán câu thơ: " **Lên gác không được vịn vào thành cầu thang** ". Vì câu viết như thế mà dám cả gan cho là thơ Mộng Tuyết thì thật oan, có lẽ khi hạ bút viết bởi cao hứng, ông Thế Phong đã sáng tác " **câu thơ** " này chăng ?

Do bị đuổi nhà nên họ Vũ phải sang tá túc nhà **bà Đinh Hùng**, 15 năm sau ngày Vũ Hoàng Chương qua đời, gia đình ông mới mua được một ngôi nhà nhỏ ở Thị Nghè, quận Bình Thạnh. Khi từ trại tập trung về, **Vũ Hoàng Chương** đã định lại viết lại, vì trong trại ông chỉ thuộc lòng 12 bài. **'Đọc lại người xưa'** giao lại cho họa sĩ

Văn Thanh giữ và bảo :

"... Hoàng không còn sống được mấy ngày nữa đâu, đây là 12 bài thơ cuối cùng của Hoàng, vì một lý do riêng, không giao cho vợ con giữ được, nhờ bạn Văn Thanh giữ hộ. Nếu vì lý do gì mà Văn Thanh không giữ được thì xin trao cho Hoàng Hương Trang giữ ..."

Sau khi họ Vũ mất được ít lâu, thì họa sĩ Văn Thanh cũng bị bệnh cao huyết áp ngày càng nặng, biết mình sẽ bị tai biến mạch máu não bất ngờ, hoặc nhồi máu cơ tim đột ngột, Văn Thanh đã giao cho tôi, ngậm ngùi đọc lại câu thơ của Vũ Hoàng Chương tặng tôi :

*Biết đâu Hoàng lại gặp lại Hoàng chiều nay
(cảm đề bài **Túy ca** của **Hoàng Hương Trang** năm 1972).*

Từ đó 12 bài di cảo ấy được nằm trong tư liệu văn học của tôi chưa hề công bố, chưa cho ai in ấn, sao chép; vậy làm sao ông Hoàng Tấn có được ? Rõ ràng có một sự đối trá lừa gạt người đọc, do ông **Thế Phong** ngây thơ cả tin hay cùng ý đó đánh lừa mọi người mà cho in vào cuốn **Chiêu niệm 4 nhà văn Sài Gòn** (Nxb Đồng Nai, 1999). **

Hai ông tung ra một bài thơ lắp ghép vớ vẩn để đánh tráo vàng thau. Ngoài 12 bài thơ trên, họ Vũ còn có một bài khác mang tựa đề **Nước chảy qua cầu**. Bài này gồm 12 câu, Vũ Hoàng Chương viết thành 6 lần, mỗi lần 2 câu trên một mảnh giấy vò nát, dùng để gói quà thăm nuôi của người nhà gửi vào trại tập trung và họ Vũ trả giỏ ra, sau này **bà Vũ Hoàng Chương** đã ghép những mảnh giấy rời đó thành một bài thơ nguyên vẹn. Như vậy là có 13 bài, nếu

cộng cả bài *Vịnh tranh gà lợn* là bài thơ dự chi tiết cuối cùng, trước khi vào trại học tập; tổng cộng thành 14 bài di cảo của họ Vũ chưa hề công bố, in ấn, tính cho đến nay .

Như thế, rõ ràng ông Hoàng Tấn dối trá , còn ông Thế Phong biên khảo một cách tùy tiện, bừa bãi. Cả hai ông đã đánh lừa người đọc . Những người đương thời còn biết rõ Vũ Hoàng Chương, còn nhận ra đâu là đúng, sai; thử hỏi những thế hệ sau, nếu họ tin vào tài liệu của 2 ông, sẽ sai lạc tai hại chừng nào ? Rõ ràng 2 ông không trung thực, không tự trọng, không tôn trọng người khác. Đây là một tội lớn với văn học ! Cái đà huyền hoang lừa dối không biết ngưng đã đẩy ông Hoàng Tấn làm nhiều việc hết sức sai trái.

Tôi nhớ trong một buổi họp thơ ở nhà bác sĩ Tuấn ở phường 25 quận Bình Thạnh, cách đây 15 năm, ông Hoàng Tấn đã từng *hoa (sic) tay*, cao giọng đọc một bài thơ của Đồ Phồn (bài ' *Cái bánh bao* ' , *Đồ Phồn gheo Xuân Diệu*) mà ông khoe của chính ông. Sau này người viết có dịp gặp nhiều người văn nghệ sĩ ở Hà Nội mới biết rõ sự thật. Cũng như thế, trong cuốn hồi ký văn học của ông mới cho in ít lâu nay, *Nguyễn Bính, một vì sao sáng* (Nxb Đồng Nai, 1999, do Thế Phong bao thầu in ấn) .

Đọc cuốn này cũng thấy đầy dẫy những khoa trương rất kịch cỡm, ông dùng Nguyễn Bính làm bàn đạp để khoe cái ta sánh ngang bằng với nhà thơ này (!). Trích thơ Nguyễn Bính sai lung tung, thậm chí còn sửa cả thơ của nhà thơ này và vo tròn bóp méo sự thật những giai thoại về Nguyễn Bính mà ai nấy đều biết. Điền hình 4 câu thơ của Nguyễn Bính :

*Trọc phú ti toe bàn thế sự
Đĩ già tập tễnh nói văn chương
Đã coi đồng bạc to hơn núi
Lại học đòi theo thói Mạnh Thường .*

Nếu có dịp đọc những bài biên khảo của *Nhóm Nghiên cứu Văn học Nam Hà* , quê hương của Nguyễn Bính , sẽ thấy Nguyễn Bính muốn ám chỉ ai ? Ở đâu ? Thời điểm nào ? Có gốc có ngọn, có sự việc hẳn hoi, chứ không phải Nguyễn Bính muốn *đề cập đến (sic)* một người vô danh tiểu tốt nào như Hoàng Tấn đã viết.

Trong một đoạn khác ông Hoàng Tấn viết về ca sĩ Quốc Hương, chi vì ca sĩ này đã từng hát bài *Tiểu đoàn 307*, một bản nhạc phổ từ thơ Nguyễn Bính rất thành công , mọi người đều nhớ. Ông Hoàng Tấn cao hứng quá đà, kể lể rằng Quốc Hương ốm nặng, gần mất, nằm ở Bệnh viện Thống Nhất Sài Gòn, ông Hoàng Tấn vào thăm; Quốc Hương cao hứng và quí (!) ông quá đỗi, nên đã hát bài rất hào hùng, lớn tiếng bằng thứ giọng ô-pê-ra bài *Tiểu đoàn 307* để riêng tặng cho ông. Quốc Hương hát cao giọng quá đỗi , đến nỗi cả bệnh viện vang lên lời ca khiến mọi người, kể cả bác sĩ, y tá đều ồ ào phòng Quốc Hương để nghe. (*sđd*, tr. 103) . Ôi ! đáng thương cho cái tật dối trá và cường điệu. Sự thật ca sĩ Quốc Hương bị ung thư cuống họng, không nói năng, ăn uống được, phải thở bằng bình dưỡng khí, dùng ống cao-su chuyển thức ăn uống vào lòng dạ dày. Việc này mọi người đều biết qua báo chí , đặc biệt từ *Điểm Phím* , cơ quan ngôn luận của bà Thu An là vợ Quốc Hương, thế mà ông Hoàng Tấn đang tâm bắt Quốc Hương hiện ốm nặng như thế phải hát ô-pê-ra cho ông nghe ! Thật là một sự cường điệu sẽ đáng ghi vào sách *ghi-nét* thế giới ! Nhắc đến chuyện cường điệu và lừa dối thì không thể không nhắc tới tuyển tập *Thơ tình chọn lọc VN và thế giới* ông Khai Trí biên soạn. Ông Hoàng Tấn đánh lừa ông Khai Trí, đưa vào một bài thơ *Ngân Hà ơi !* . Ông Khai Trí định ninh đây là một cô, một bà Ngân Hà nào đó mà ông yêu đương hết mực, ai dè đâu đó là họa sĩ *Ngân Hà* , bạn của Thy Thy Tống Ngọc . Khi thấy ra sự thật, ông Khai Trí chỉ còn lắc đầu ngao ngán, mất một cuốn sách tặng dày 1500 trang, giá 150.000 VN đồng, vì một tình yêu *dorm* .

Tôi nhớ có một bài ông cho in trên báo *Văn* khoảng năm 1989 mang tựa đề *Thăm lại ngôi nhà xưa của kịch tác gia Vi Huyền Đắc*, ông đã lấy bài thơ *Uống rượu bên mồi*. Thực ra bài này của tôi viết bên mộ Nhất Linh ở Nghĩa trang Gò Vấp năm 1965, đã in trên nhiều tờ báo xuất bản ở Sài Gòn. Nó còn có mặt trong tuyển tập *Thơ Đông phương* (Kim Lai, 1967). Không rõ ông Hoàng Tấn vì lẽ gì lại viết là *'Uống rượu bên mồi Vi Huyền Đắc'*. Vi Huyền Đắc mãi tới 1976 mới mất ở Hà Nội làm sao ông làm lần thế được?

Trở lại cuộc sống của vợ chồng họ Vũ, người ta còn thấy một chi tiết bịa đặt trong sách của Thế Phong, khi xa xưa 2 người mới thành hôn ở Hà Nội. Bà VHChương khi đọc xong sách đó, đã tâm sự với tôi cho đỡ buồn; vì không biết nói với ai. Bà nói:

".. Thuở ấy ông Chương là con quan, mẹ có cửa hàng gạo ở Nam Định. Nhà khá giả mới có thể cho con học tới Tú tài Pháp chứ! Bản thân ông Chương cũng đi dạy học, có lương bổng đàng hoàng. Gia đình tôi cũng con ông Phán, đâu đến nỗi tệ hại, thế thảm, rách rưới như ông Thế Phong viết. Cho đến lúc vào Nam, ông Chương dạy ở trường Chu Văn An, và trường Văn Lang, dù ông có hút tởn kém đấy, nhưng thuở ấy tiền thuốc rẻ lắm, chẳng hiểu ông Thế Phong viết bêu riếu thế để làm gì? Dẫu rằng nghèo cũng không phải là cái gì đáng xấu hổ, nhưng viết thế không đúng sự thật ..."

(trích *'Buổi chuyện trò với bà Đinh Thị Thục Oanh'* tại tư gia, hẻm 60 đường Xô Viết-Nghệ Tĩnh, quận Bình Thạnh, Sài Gòn).

... Và vì muốn những thế hệ sau không đánh giá lầm lẫn, khi đọc những cuốn sách như của 2 ông Thế Phong và Hoàng Tấn, dù biết *đôi điều trao đổi* này không tránh khỏi mất lòng 2 ông, xin được có lời xin lỗi trước và mong 2 ông hỷ xả. Chỉ mong sau này sẽ được đọc những tác phẩm tiếp theo của 2 ông trung thực hơn. Thời đại ta đang sống đã đầy dẫy hàng gian hàng giả, kể cả chốn văn chương cũng đạo tặc, mà cái tuổi của ta sắp sửa về thiên cổ, của *dorm* ta không thể mang theo, còn của thật thì dùng làm tài sản cho thế hệ con cháu, chắc lớp già ta hiểu điều này hơn ai hết.

CHÚNG TA MẤT HẾT CHỈ CÒN NHAU

*Sáng chưa tối hẳn tối chưa đành
Gà lợn om sò cả bức tranh
Rằng vách có tai thơ có họa
Biết lòng ai đỏ mắt ai xanh*

*Dấu hỏi xoay quanh trọn kiếp người
Sên bò nát óc máu thấm rơi
Chiều nay một dấu than bùng dứt
Đanh đóng vào xăng tiếng trả lời*

*Chúng ta mất hết cả rồi sao ?
Cả đến âm thanh một hờ nào
Da trống tơ đàn ôi trúc phách
Đều khổ như khúc hát gầy hao*

*Đàn mang tiếng đày mà không đày
Mất hết rồi sao sợi nhớ thương
Tay phách từ lâu nay lạc phách
Không còn đựng mãi bến Tầm Dương*

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Phỏng vấn nhà văn Thế Phong Trần Hữu Lục

Thế Phong lên Đà Lạt tìm tôi vào một buổi tối. Vào lúc bấy giờ mùa trăng thật đầy, bát ngát và lạnh lẽo. Vào nhà chưa kịp ngồi là đã rối rít gọi đi uống rượu. Tôi nói khỏi phải đi đâu cả, nhà có sẵn rượu, mình ở lại nói chuyện ấm hơn. Thế Phong cười nhìn quanh và hoài nghi. Anh thấy cái kệ sách, cái bàn viết trống lỵ tách rời nhắc lại ý kiến lúc nãy. Thế Phong vẫn thế, ồn ào và vui vẻ. mái tóc ngắn khoẻ mạnh, nét mặt đấng tử và nụ cười "ngoan đồng:" làm cho anh có cái nét nghệ sĩ thật lạ! Con người nhà văn của anh, tôi vẫn thường thân mật đùa là một lão ngoan đồng Châu Bá Thông trong văn nghệ.

Nhận xét này đối với tôi sau khi đọc anh khá nhiều, nhất là trong các cuốn tự sự "Nửa đường đi xuống", "Nhà văn tác phẩm cuộc đời"... Thế Phong là một nghệ sĩ thành thật với mình và với đời:"... Mười năm rồi và chỉ cần đối bóng với chính tôi thôi, tôi là kẻ dám làm. Nếu tôi không là Thế Phong tôi cũng hết chịu nổi tôi nữa.."("Mười năm văn nghệ của Thế Phong," Đại Nam văn hiến 1963). Chính vì cái "type" nghệ sĩ thành thực đó, Thế Phong đã đến với tôi hết sức cởi mở, thân tình của một người bạn văn và của một người có đời sống phù trầm trong tình cảnh cực đoan này. Tôi hỏi anh là có ý kiến chi về cái thư của tôi khi ngờ ý muốn được gặp anh để thực hiện cuộc phỏng vấn. Anh cười:

- Cách đây hai hôm có gặp L.m.Nguyễn Ngọc Lan ở NXB Trình Bày, tôi có nói với anh ấy là Lục định thực hiện cuộc phỏng vấn nhà văn thơ về một số đề tài. Lục nó nói đúng, là để cho tôi vượt khỏi tầm tay ở Đà Lạt thì khó thực hiện cuộc phỏng vấn lắm.

Nghe anh nói, quả thực tôi thiếu tế nhị. Tôi thấy hơi ngượng, lật đật đi pha cà phê. Lúc tôi mang tách cà phê bốc khói đặt lên bàn, anh đang đứng nhìn trăng ở ngoài cửa kính. Tôi nhắc lại cảm giác khó quên khi đọc bài thơ " Nhật ký chết trận" của anh đăng trên "Đất Nước" số 7, cùng một vài kỷ niệm hồi còn viết chung ở tạp chí "Đất Nước". Tôi cũng rào trước rằng:"...Viết về Thế Phong cũng có một vài tác giả viết rồi, chẳng hạn như Cao Thế Dung trong "Thi nhân hậu chiến", Du Tử Lê trong "Năm vóc dáng năm định mệnh", Nguyễn Đình Tuyển với "Nhà thơ hôm nay", hoặc trong "Introduction à la littérature vietnamienne" của Maurice M. Durand và Nguyen-Tran Huan.... Tôi không viết về anh trong chiều hướng đó, tôi chỉ xin hỏi anh vài điều liên quan đến hoàn cảnh cùng vai trò của người cầm bút. Đồng ý? Và đây là một số câu hỏi tiêu biểu:

HỎI: Anh cho biết khởi sự viết văn từ năm nào?

ĐÁP: Khởi sự viết từ tháng 11 năm 1952 ở Hà Nội, lúc còn đi học và cũng là tháng CS chiếm Nghĩa Lộ (Huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái), quê hương của tôi, từ đó mất theo cả bà mẹ già yêu quý. Tôi viết bài đầu tiên ký tên TƯƠNG HUYỀN, nhan đề "Đời học sinh", đăng trên báo "Tia sáng" ở Hà Nội vào 1952.

H: Cho biết chiều hướng sáng tác của anh?

Đ: Văn chương, thi ca của tôi là lịch sử sự sống một thời của tôi, cộng thêm hoàn cảnh xã hội mà tôi sống trong đó. Bao giờ tôi cũng đứng về phía bị áp bức, bị bóc lột, bị tra đập; để từ đó nói lên điều không mấy may mắn trong "cái đời gọi là làm người của nhợc tiểu dân tộc".

H: Anh thường gặp những khó khăn nào trong lúc cầm bút?

Đ: Có hai con đường để đi, bất cứ với ai vào nghề cầm bút. Thứ nhất, nếu cá nhân không đủ "cran" để đi vào con đường gồ ghề chưa một ai khai phá; thì nên đi vào con đường đã vạch sẵn để đi hơn. Thứ hai, còn đường chính mình là kẻ dẫn đạo phá đường để đi, thì tất nhiên gai góc, mệt nhọc, vất vả. Tôi đồng ý với Thomas Mann về điều này được viết trong "Ngọn núi bí

ân".(La Montagne Magique) Và bạn cũng đã thấy quá nhiều minh chứng trong lịch sử cuộc đời và sự nghiệp của người cầm bút trong nước cũng như ngoại quốc.

H: Hoàn cảnh của người cầm bút hôm nay có khó khăn hơn những người cầm bút sau năm 1945?

Đ: Người cầm bút ở Nam Việt Nam, nói riêng sau trận chiến 1954, nếu là người cầm bút ở con đường thứ hai tôi nói đến trên kia thì mới vất vả. Những ai đã chống độc tài Ngô Đình Diệm, với tất cả ý hướng bất vụ lợi. Hẳn đã hơn một lần đồng ý với trăm ngàn cay đắng của những người cầm bút hiện đang nằm trong lao tù. Ở Liên Xô, tác giả nào nói lên tiếng nói trung thực thì sớm muộn gì cũng bị tù đầy. Tôi cũng cần phải nói thêm đến Nhóm "Nhân văn", "Dạ Đài" ở Hà Nội vào 1956, đó cũng là một minh chứng rất cụ thể. Ai từng đọc thơ Trần Dần, Phùng Quán chẳng hạn, sẽ thương cảm cho tác giả chịu nhiều bất hạnh, là đã viết ra bài thơ, bài văn mà chúng ta được đọc trong "Trăm hoa đua nở"...

H: Anh cho biết ý kiến về những người cầm bút trong hoàn cảnh cực đoan này?

Đ: Tôi rất thích thơ của Luân Hoán, những bài nói về hoàn cảnh xót xa của đất nước. Trong đó đề cập đến chiến tranh, hoà bình và đời sống của dân nghèo khổ. Về văn, tôi rất thích những bút ký chiến tranh của Phan Nhật Nam như trong "Dấu binh lửa", "Độc đường số một" .. nói về đời sống chiến sĩ, dân chúng trong những ngày khói lửa; đọc lên thấy xót xa và chua chát tận cùng! Những bài thơ của Luân Hoán, văn Phan Nhật Nam nên được chuyển dịch sang anh ngữ cho thế giới đọc, để họ hiểu chiều hướng và cuộc sống người dân miền Nam trong hoàn cảnh sống, tranh đấu trung thực như thế nào? Và ít ra thì người ngoại quốc hiểu rõ được hơn!

H: Anh cho biết qua tình trạng xuất bản cùng những khó khăn mà anh gặp phải?

Đ: Từ 1959 đến 1964 xuất bản bằng ronéo những tác phẩm của tôi hay anh em từng quây quần trong NXB Đại Nam văn hiến. Vì giai đoạn ấy, chúng tôi không chấp nhận với loại tác phẩm được gọi là chống cộng, tố cộng theo kiểu đặt hàng. Như Mai Thảo với 'tác phẩm "Ánh sáng miền Nam", báo "Sáng tạo" v.v... Nhưng không phải vậy mà chúng ta không cần đến "loại tác phẩm" được gọi là tác phẩm ấy (về phương diện "văn dĩ tải đạo" phục vụ cho một giai đoạn) Có điều tôi muốn nói là, đừng bắt tất cả ai cũng phải viết theo lối đặt hàng trên, và những ai đã ở trong công tác làm nhà -văn-văn -công kiểu Mai Thảo, thì hãy nên gục đầu xuống khi gặp bạn bè đã không đi theo con đường của anh ta. Chứ đừng "bán chôn nuôi miệng", lại "mồm loa mép giải" rằng mình đích thật là" con nhà lành". Anh Lục và bạn đọc có đồng ý như thế không? Càng hơn nữa là đừng có ý hướng hãm hại những ai chưa bị đồng tiền lung lạc.

Từ năm 1956 đến nay, tôi cho in lại những tác phẩm mà trước kia bị cấm, như " Nửa đường đi xuống", " Việt Nam bi thảm Đông Dương"(dịch)," Nhận diện vóc dáng nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh", ' Nietzsche & Chủ nghĩa đi lên con người", " Thủy và T6", " Truyện người của tình phụ", " Chiếc roi ngược" (dịch)," Maiakovski, thi sĩ Nga" (dịch) v.v... Và tôi còn cho in một loại sách chuyển ngữ sang anh văn .Cho tới nay 8 cuốn dịch sang anh văn đã được xuất bản:" Thế Phong, nhà văn, tác phẩm& cuộc đời" (tự sự kể), " Việt Nam vùng trời lửa đạn" (thơ), " Nam Việt Nam, đũa trẻ thơ của vú em Huê Kỳ"(thơ),"Tôi đi dân vệ Mỹ (bút ký)," Tổng luận sáu mươi năm văn nghệ Việt Nam : 1900-1956", (phê bình văn học)," Khu rác ngoại thành (tập truyện ngắn). Các bản dịch do Đàm Xuân Cận chuyển dịch anh ngữ.

Riêng truyện ngắn" Khu rác ngoại thành" còn được chuyển dịch sang pháp văn in trong tuyển tập" Le Crépuscule de la Violence" - TS Lê văn Hảo dịch. do NXB Trinh bày in . Cũng truyện ngắn này còn được Huỳnh Văn Phẩm (Cao Giao) chuyển dịch pháp văn đăng trước đó , là do phóng viên Jean Claude Pomonti đưa về đăng trên " Le Monde Diplomatique" vào năm 1970. Lại đến tạp chí TENGGARA (Khoa Anh ngữ Đại học Malaya) đã xin phép cho đăng tải lại một số tác phẩm thơ văn của tôi được đã dịch sang anh văn từ năm 1968 đến 1972). Còn bộ sách

phê bình văn học" Lược sử văn nghệ Việt nam" gồm 4 tập: -Nhà văn tiền chiến 1930-1945, Nhà văn kháng chiến chủ lực 1945-1950& Nhà văn miền Nam 1945-1950, Nhà văn hậu chiến 1950-1954, Tổng luận sáu mươi năm văn nghệ Việt Nam : 1900-1960 - đến nay vẫn chưa được phép xuất bản toàn bộ.(trừ hai tập: Nhà văn tiền chiến và Tổng luận). Năm 1969, tôi được mời vào dinh Độc Lập, nhân dịp tổng thống mời văn nghệ sĩ tham dự; tôi đưa ý kiến này ra nói với tổng thống, thì ông cho biết:" anh cứ đưa cho tôi đọc". Tưởng thật, tôi đưa bộ sách bản thảo đính kèm lá thư gửi tổng thống, chuyển qua trung tá Trần Văn Lâm (hồi đó là giám đốc Nha Báo chí Phủ Tổng thống), thì ông bạn này cho biết không nên làm phiên tổng thống và trả bản thảo lại . Thế là tôi thôi luôn.

H: Để vượt khỏi tình trạng khó khăn trên, anh có dự định gì không?

Đ: Tình cảnh của nhà văn thơ Việt nam bị đất lắm! Đừng nhìn vào những giải thưởng chói loà đồng tiền vào dịp cuối năm mà cho rằng tất cả là ánh sáng chan hoà. Tôi nghĩ đến, có một ngày nào đó, nước ta sẽ có Hội Bảo trợ nhà văn, thơ- như bên Anh quốc, Hoa Kỳ có Hội bảo trợ súc vật vậy. Con chó một khi bị đánh, bị giết, có người tố cáo, là bạn phải ra tòa, phải phạt vạ, có khi phải đi tù là đằng khác.

Nhưng anh cứ yên tâm đi, một mai nước ta có hoà bình thật sự; tôi chắc đời sống của dân Việt miền Nam sẽ được cải tiến rất nhiều. Và khi ấy, đời sống của dân cao hơn, có tiền dư dả; từ đó văn nghệ mới có đà tiến theo. Anh có nhớ xưa kia, có người treo giải bộ xương ngựa quý đáng giá hàng ngàn đồng tiền vàng, là để khích lệ người mạo hiểm đi tìm giống ngựa quý. Nhưng ban tuyển chọn ngựa quý kia cũng phải là người có lương tâm, có khả năng,; chứ mà một bọn bè phái, tài năng ít hơn kẻ dưng giải thì làm sao mà hy vọng chúng ta có tác phẩm hay thật sự, cũng như có giống ngựa quý thật sự!

H.: Nghe anh sắp xuất ngoại, anh có thể cho biết rõ về trường hợp này?

Đ: Chuyển xuất ngoại của tôi dự trù vào tháng 9 năm 71 đến tháng năm 1972. Giáo sư Paul Engle đề nghị Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (qua Toà đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn- Trung tâm văn hoá Mỹ) cấp học bổng cho tôi sang hội thảo bên ấy, và Dr. Paul Engle (còn là thi sĩ), giám đốc chương trình " International Writing Program.

Đến đây, anh nói làm chi cũng phải đi uống rượu. Anh đứng lên có ý chờ.

Tôi khoác chiếc áo ấm rồi cùng Thế Phong ra khỏi nhà. Đạp như một cánh cửa lớn mở vào những con đường dốc thênh thang vắng lặng. Tôi nghĩ đến một thứ chất ngất làm nồng ấm tình bằng hữu ở một quán rượu nào đó.

Phụ đính:

Hào hoa là lính không quân...

Chúng tôi đã thêm được một cháu gái nữa: Đỗ Thực Tường Khê- gia đình lúc này đã có 4 con-hai trai, hai gái, như vậy là quá lý tưởng! Tiền lương trung sĩ 1 dưới 30 ngàn thật chật vật, tác phẩm không bán được, viết báo thì không; vợ tôi ở nhà chăm sóc con cái. Có một buổi ,nhận lệnh đi công tác đột ngột ở một sư đoàn KQ -nhà sạch không còn một đồng bạc, tôi lại đơn đao đi chạy tiền. Có tôi phải đạp xe đạp lên tận ngã tư Lê Quang Định -Gò Vấp, canh làm sao cho chủ nhà xuất bản Kiều Công Nhị có ở nhà để vay tiền ứng trước- vì họ đã nhận xuất bản "*Maiakovski, thi sĩ Nga*" tôi dịch tự-sự-kể Elsa Triolet. (*Maiakovski, Thi sĩ Nga- Nxb Kiều Công Nhị, Saigon 1971*). Cũng may, lần này gặp, anh Nhị đưa cho tôi 5000 đồng; vậy là thoát được phương án hai- dự tính sẽ xuống nhà ông Trần Tuấn Kiệt. Chẳng thể quên, đã có lần túng quẫn quá, xuống nhà Kiệt- lúc này thuê ở 516/ 2 Phan Đình Phùng, quận 3-nhà thơ trẻ

đã cho tôi 500 đồng, vậy là có tiền mua sữa đặc cho con. Lúc này, Trần Tuấn Kiệt có đồng ra, đồng vào, vì anh vừa viết báo thường xuyên, vừa làm nhà xuất bản. Nhớ đến vợ chồng Kiệt, khi còn thuê nhà ở Trần Kế Xương bên Gia Định- mỗi lần tôi ở Vũng Tàu về, đều ghé qua xem vợ chồng Kiệt sống ra sao? Thì lần đó, gặp thiếu úy Địa phương quân, theo Kiệt giới thiệu, làm thơ ký bút danh Du Tử Lê. Kiệt phụ chú, nhà thơ trẻ này, không chỉ làm thơ, còn có số đào hoa, nên cô kia (*chỉ vào một cô gái đang ở trong nhà Kiệt*) được gửi tạm. ở đây cho khuất mắt" cô cả". Vợ Trần Tuấn Kiệt rất tốt với bạn bè văn chương của chồng, nên dễ chấp nhận; mặc dầu biết cô cả của Du Tử Lê sống ở khu nhà trong ngõ hẻm Xóm Chuồng Bò ở Ngã 7.

Bây giờ là năm 1967, tôi đã đồng hóa lính Không quân, viết báo *Lý tưởng* và *Chính huấn*. Ngày ngày, thời khóa biểu vẫn giống như mọi ngày, sáng tạt qua sở, chiều 1 giờ đi học anh văn ở Staff Development Center, 41 Sương nguyệt Anh. Ngày nào cấm trại 100% thì phải ngủ trại, ba lần điểm danh, ngày đi công tác thì thoát được thông lệ này. Cúng có tối điểm danh xong, tôi thoát trại bằng Sự vụ lệnh do Tư lệnh Không quân ký cho xuất trại (kể cả cấm trại, cấm quân), ra nhà Phát, để xe Honda lại; Phát chở tôi đến rú Đàm Xuân Cận- ba chúng tôi đến quán, một cô chủ quán rất dễ thương nhâm nhi cà phê. quán nằm ở khu chung cư Nguyễn Thiện Thuật. Và đại úy KQ Phát thường cho tôi xăng, và anh biết rõ, có lần hết xăng đổ vào xe gắn máy- vợ tôi phải qua nhà hàng xóm giật tạm chị Năm giúp việc 500 đồng, đủ mua 2 lít xăng. Chị Năm làm công cho nhà chuẩn úy Tiên rất tốt với chúng tôi (*sau 1975, nghe tin chị là Quân ủy một vùng ven* - hèn nào, mỗi khi Quân cảnh bố ráp nhà, chị chạy sang nhà tôi núp, vậy ra, chị ở trong Cư xá Phi Long, không phải chỉ là giúp việc đâu?).

Lúc này, anh Đàm Xuân Cận cũng từ Úc đã trở về - anh sang bên ấy dạy Anh văn cho RAAF School (trường Không quân Hoàng gia Úc) -và anh cho biết, có ghé qua Singapore nhận tiền thưởng ba ngàn đô Mỹ. (*tu chính English for today*) . Và anh mua tặng tôi một chiếc máy chữ Olympia do Đông Đức chế tạo, tuy không bền bằng máy cùng loại Tây Đức; nhưng đánh bản thảo, và *stencil* khá tốt. Anh tiếp tục dịch sách tôi ra anh văn, đôi khi tù túng không khí ở thành phố, rú Phát lái xe hơi Wolswagen mà anh đem từ Úc về, chở vợ chồng tôi xuống Mỹ Tho chơi. Anh Đàm Xuân Cận không chỉ dịch sách mà thôi, đóng góp khá nhiều tiền cho việc ấn loát sách dịch *Dai Nam Van Hien Publishing House..vv...*

Có một lần, họa sĩ Thái Tuấn (1918-2007) gặp, thông báo tin ông Leonard Overton, người Mỹ, tr phụ trách *Asia Foundation* (cơ quan viện trợ tiền cho Việt nam làm báo chí, phổ biến tư tưởng văn hóa Mỹ) muốn gặp tôi ở 46 Đoàn thị Điểm, quận 3, có ý mời tôi tham dự hội thảo văn chương Đại học Iowa, mà Dr Paul Engle làm *chairman*. (chủ tịch) . Khi đến, tôi rủ anh Đàm Xuân Cận đi cùng, đóng vai thông dịch. Anh Cận thông dịch chậm, và lối nói khác xa với cách dịch thuật. Kể chuyện này ra, nghe thật buồn cười, nhiều người nói không mấy lưu loát; mà dịch thuật rất tài tình- và anh Cận thuộc loại thứ hai. Và trong cùng bài ấy, ở đoạn cuối bàn về tài năng thi ca một nhà thơ khác của Indonesia, Taufiq Ismail, và nhắc tới Việt nam, có tôi trong đó. (3) Sau khi đọc, từ đây, tôi rút thêm được một kinh nghiệm tâm lý chung, chẳng phải đối với nhà thơ nước tôi đâu; mà cũng có nhà thơ ở nước khác nữa - khả năng thơ thì kém cỏi, lại thêm danh vọng cách mù quáng, còn mong được đề cao- nên " thầy giáo tác giả nước Ceylon", dụ dỗ chủ bút TENGARRA như thế này. Ông chủ bút ơi, đăng thơ đi, ông ta sẽ làm lợi bằng cách đặt mua báo, chưa hết,.., còn khuyến khích 25 tên học trò cùng mua báo nữa. Vậy thì, nhà thơ vẫn cần phải có khả năng thơ ca trước đã; để tạo cho mình một bản sắc nào đó; chứ không phải dễ dàng mua chuộc bằng mỗi nhử lợi lộc được ?!

Những tác phẩm của tôi được nước ngoài biết tới- công lao lớn nhất thuộc về anh Đàm Xuân Cận (1939-). Nếu không có anh, thì tác phẩm của tôi có " *hay cách máy*," (4) cũng chỉ được biết đến quanh trong số bếp một nhược tiểu quốc, chẳng ai biết tới, mời đi dự hội thảo

văn chương này nọ ở Đại học Iowa, (Dr. Paul Engle mời , nhấn nhọc chờ đợi 4, 5 năm liền, cuối cùng Tòa Đại sứ Mỹ tại Việt nam không cấp visa. (thời Đại sứ E. Bunker) - hoặc truyện ngắn *Immondices dans la banlieue* được đặc phái viên Jean-Claude Pomonti đưa về đăng trên *Le Monde Diplomatique* ở Paris . (12-1970) .

Tạ Thành Kính và nàng T.T.Kh

Chúng tôi đến bệnh viện Đa khoa Saigon thăm Tạ Thành Kính. Bạn đọc nào mà chẳng ngỡ ngàng, khi nghe tên cúng cơm Thẩm Thệ Hà là Tạ Thành Kính? Và đã một lần trên báo chương Nam Bộ gán ghép cho Thẩm Thệ Hà làm thơ ký T.T.K; thì chính là nàng T.T.Kh , tác giả *Nếu biết rằng tôi đã có chồng ... !*

Đó là câu trao đổi đầu tiên của tôi với phu nhân Tạ Thành Kính đang săn sóc bệnh nhân Thẩm Thệ Hà ở Khoa Tim mạch. Miệng bệnh nhân móm sều (*không đeo hàm răng giả*) , cặp kính râm mát to đùng ôm khuôn mặt choắt cheo, trên to, dưới bé- so sánh như chữ V ngược thì hơi tàn nhẫn, nhưng đúng là vậy ! (*chữ V ngược* , tựa một truyện ngắn hay của *Đặng Đình Túy* đăng trên website *newvietart.com*)

Tạ Thành Kính sinh năm 1923 ở Trảng Bàng , bạn thân Vũ Anh Khanh, tác giả bài thơ *Tha La Xóm Đạo* hay tuyệt - anh nói với tôi tên thật Vũ Anh Khanh là Nguyễn Năm, quê Phan Thiết , còn dị bản khác chép Võ Văn Khánh là sai..Cũng như tôi thấy nhà văn Phạm Thái tên thật khai sinh Nguyễn Ngọc Tân (em vợ cựu Phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ - VNCH), lại có dị bản khác chép tên thật Lê Phùng Thời .(bài viết Nguyễn Vy Khanh ở Mỹ)

Nhớ lần Tạ Thành Kính viết một bài báo đăng trên báo *Văn nghệ* (tp HCM) tưởng niệm bạn thân Vũ Anh Khanh- kể chuyện Nguyễn Năm tập kết ra bắc, giấy phép cấp nghỉ tại Vĩnh Phú đem sửa thành Vĩnh Linh, rồi Nguyễn Năm vào Quảng Trị, bơi qua sông Bến Hải vượt tuyến bị bắn chết, đạn súng từ hướng phía bắc bắn qua - sau Thẩm Thệ Hà và tổng biên tập Chim Trắng bị cấp trên *khiến* là mất quan điểm văn học, lập trường chao đảo . Sở dĩ cấp trên nhắc nhở, cảnh cáo , vì Tạ Thành Kính thuộc dạng văn nghệ sĩ hoạt động trong lòng địch được lãnh trợ cấp hàng tháng của Thành ủy tp HCM.

Nhớ lại khoảng năm 1999, tôi chở Lý Văn Sâm trên xe gắn máy Honda cà tàng (xe mua từ nhuận bút T.T.Kh do Trần Nhật Thu trả , anh em gọi đùa *xe nàng T.T.Kh*) sang quận 4 mời Thẩm Thệ Hà tham dự buổi *sinh nhật Lý Văn Sâm vào tuổi 80* .- do Ủy ban nhân dân Biên Hòa tổ chức, thì TTH cáo từ bệnh hoạn. Lần ấy chỉ có Lý Lan, Hoàng Tấn, và tôi từ Saigon lên dự. Chủ tịch Ủy ban Lê Hoàng Quân tóc bạc phơ niềm nở đón khách ở tp. HCM (Viễn Phương, Lý Lan , T.P) cũng như một khách văn chương duy nhất từ Hà Nội vào -tiến sĩ văn học Văn Giá.

Hai đài truyền hình tp. HCM, Đồng Nai chữa máy quay phim, phỏng vấn văn nghệ sĩ. Phóng viên Việt Bình (HTV7) quay sang tôi phỏng vấn – lắc đầu, lấy tay chỉ qua hướng Viễn Phương, Lý Lan. Xin giới thiệu sơ sơ, Viễn Phương tác giả bài thơ có câu: *Con ở miền Nam ra thăm Bác* rất nổi tiếng, lại được nhạc sĩ Hoàng Hiệp phổ - ca khúc càng thăng hoa cung bậc – thì phóng viên HTV Việt Bình phỏng vấn ngược - *con ở đây hiểu theo ý khác phải không?* Bởi chàng thi sĩ Nam bộ gốc An Giang chân chất không ngờ được có tình huống này, giá đảo ngược vị trí *Ở viết hoa lên đầu câu thơ , đó đũa nào dám xuyên tạc nói vào, nói ra!*

Lý Văn Sâm ngồi xe lăn nghe được, nói đùa;...” Nó (chẳng biết ám chỉ ai) *thù dai lắm đấy , thôi thì đứng vào đây chụp chung một tấm ảnh xí bùm bùm là huê vui vẻ cả làng ! “*

Thế rồi có một tấm ảnh chụp chung : Viễn Phương, Văn Giá, Hoàng Tấn, Thế Phong và nhà văn Khôi Vũ của Biên Hòa.

Tôi bỗng nhớ lại câu chuyện T.T.Hà kể với Hai Lý (Lý Văn Sâm - Mai Văn Bộ lại thăm, đưa bản thảo hồi ký cho đọc chờ góp ý - và nhà giáo viết báo Trần Phò đến phỏng vấn viết bài , và cậu con trai duy nhất ở Úc sắp tốt nghiệp về lại Saigon, đã sẵn có chỗ làm tại một công ty Úc tại thành phố Bắc

So với 10 năm trước Thăm Thệ Hà không còn phong độ như xưa , nay ốm o, gầy guộc, xương bọc da, áo rộng thùng thình , nằm thì chân co chân ruỗi, khuỷu tay thâm quầng vì chích nhiều, máu tụ , nói năng bình thường, trí óc rất minh mẫn- , hỏi tôi làm gì, sinh hoạt văn chương ra sao?

Đáp, đầu năm 2009, một website ở California rao bán trên mạng *Lược Sử Văn Nghệ Việt Nam / nhà văn tiền chiến \$17,99 /cuốn không xin phép* , tôi viết thư ngỏ đăng trên newvietart.com phản đối, kết quả hòa cả làng, sách vẫn được rao trên web: *Goviet2.com*, chỉ bóc đi bìa sách mà thôi – và *Amazon.com* (một trong bốn năm mạng bán sách nổi tiếng toàn cầu, trụ sở ở Mỹ) tung lên mạng 5 cuốn sách tiếng Anh: nào *Thephong by Thephong, the writer, the work & the life* (www.Amazon.com/Thephong/writer-work-life-autobiography/dp/BO07JUSLA - 150k) - *Uplifting Poems*, tiếp *I was an American militiaman*, rồi *The Summing up of Ten years of writing* , và *A brief glimpse at the Vietnamese literary scene, 1900-1956* - muốn đọc ebooks tác giả phải có máy *Kindle PX*. Vui nhất là năm 1995- 96 gì đấy , giáo sư Nguyễn Đình Hòa cấp sách *Tổng luận 60 năm văn nghệ Việt Nam 1900-1956* (bản dịch anh ngữ Đàm Xuân Cận) đi thuyết giảng khắp đại học Mỹ , rồi lại tự ý (in ra một số bản – và *National Library of Australia* mua được một bản đưa vào thư viện (nla.gov.au/nla.cat-vn3697986-0-24 – *Cached – Similar pages*). Phu nhân nhà văn Thăm Thệ Hà đùa: *vậy là giàu to !* Đáp: *Không đâu, lắm mới (sách phổ biến nhiều) tới năm không (không xu keng nào dưới gối)*. và đúng lúc này Thăm Thệ Hà chia tay ra bắt, hẹn khỏi bệnh sẽ gặp tại nhà anh..

Và Lữ Quốc Văn tiến tới bên giường bệnh, sắp xếp để phu nhân ngồi bó gối cạnh ông, tôi ngồi kể bả, cả hai cứ nói chuyện bình thường, một hai, ba bữa máy - mặc bệnh nhân Tạ Thành Kinh xua tay phản đối . Phu nhân ông tiếp: *N.V. Sâm ở Mỹ lại thăm ,chụp ảnh post lên mạng namkyluctinh – kể cả đưa máy tác phẩm của anh lên mạng hà rằm, nào Người yêu nước, Hoa Trinh nữ vv... Ảnh không cho chụp hình thì có sao đâu , anh Văn tìm ở Google / Search/ Thăm Thệ Hà có chân dung ảnh ngay thôi*

Chúng tôi rời bệnh viện gần giờ Ngọ, về đến đường Bùi Hữu Nghĩa (quận Bình Thạnh) bị mưa - *mưa không quá Ngộ* tiền nhân dạy lại không đúng với buổi đi thăm bệnh nhân Thăm Thệ Hà này rồi .

Chúc nhà văn Thăm Thệ Hà chóng bình phục, và đây bài báo nhỏ viết về phu quân như lời phu nhân nhà văn yêu cầu *làm ảnh vui !*

Bữa ăn cuối cùng với con gái Phán Quan

1) “ Hình như sước danh Thăng Phải Gió chỉ có sau 1975 mà anh em đặt cho, ý kiến đầu tiên là CHÚ TƯ GÀ (Thanh Thương Hoàng) thì phải?! Chú Tư Gà ức vì bị đặt sước danh Chú Tư Gà (nuôi toàn gà mái, đẻ trứng không cần ấp lại có gà con ngay, Lê Thị Kim nghe tới đây tưởng thật- hóa ra bịa, vậy thì Chú Tư Gà toàn nuôi ‘Gà móng đở’ mà thôi !

2) Chép lại ‘ bữa ăn cuối cùng ở quán chả cá Thăng Long với người tình , con gái Phán quan (Quán chả cá Thăng Long ở Dakao do vợ Hoàng Đạo làm chủ), có Lý Thắng đàn em Hoàng Đạo “mê” bà chị, gác cửa, chẳng biết có nên cơm cháo gì không” (trích trong “ Hời linh hồn tôi..” (bản thảo sẽ xuất bản], viết sau 1975) .

..... Quán này ở Đakao, chủ là vợ nhà văn Hoàng Đạo. Đỡ thường đến đây một mình, hoặc đi với ai đó, thì chỉ có Mai A thôi. Và anh luôn gặp Lý Thắng, nhà báo có viết truyện dài đăng báo, quán quit bên người tình bậc chị, như là săn sóc thay người anh nghĩa tử qua đời đã lâu. Khi anh và Mai A đến quán, ở quầy thu tiền là bà chủ, bên cạnh cô con gái gật đầu chào Mai A (*bạn học cũ trung học Trưng Vương*), và chàng nhà báo nói giỏi hơn viết lằng xằng bên bà chủ quán.

Chọn một bàn có hai chỗ ở cuối phòng, bữa nay anh phải tâm sự hết thảy cho cô hiểu, vì tuần tới cô về thăm bố và dì ghé ở Ban Mê Thuột; rồi sau đó ra trường. đi nhận công tác Đỗ nói chuyện rất cởi mở, lần này không bực bạch hết thì sẽ không bao giờ còn có cơ hội nữa. Từ chuyện anh viết thư cho ba của Mai A :

"... Từ nay tôi sẽ hoàn trả con gái yêu của ông hoàn toàn trinh nguyên, kể cả không một nụ hôn; hẳn là ông hài lòng với điều ước muốn. Tôi chưa là người cha như ông có cô con gái (không thuộc loại đẹp, nhưng với tôi, cô thật duyên dáng với tâm hồn đẹp) lớn đến tuổi gả chồng và ông không muốn gả cho tôi, một nhà văn trẻ không thể nuôi sống bản thân bằng ngòi bút hoặc sống bằng cách viết báo tài tử. Chỉ mới đây thôi, tôi viết cho tạp chí Văn hóa Á châu một bài được trả hai trăm đồng. Tôi phụ trách vai thầy cô mỗi tháng được trả thêm một nghìn năm trăm nữa; một tháng tôi viết hai bài trên dưới ba chục trang- như vậy hàng tháng kiếm được gần mười ngàn đồng. Tôi ăn cơm quán ăn xã hội mỗi bữa ba trăm đồng, tiền thuê nhà ba trăm đồng. Nhưng đó là của ngày này tháng trước chưa bị thôi việc, bởi tạp chí này được Asia Foundation của Mỹ tài trợ cho nhóm giáo sư đại học, trí thức miền Nam làm văn hóa chịu sự điều động của văn hóa Mỹ. Như nhà thơ W. Whitman, tác giả tập thơ Lá cỏ có vài câu như thế này: "...Anh cầm dương vật của anh / cứng như chiếc đinh sắt / rót vào em / ngàn năm tương lai.." thì chủ nhiệm tạp chí, giáo sư Nguyễn Đăng Thục cho rằng đây là văn thơ tuyệt tác của nhà thơ Huế Kỳ. Còn thi ca của chúng ta, theo ông ấy, chưa có tầm vóc cao và lớn, hay và đậm đà; vậy thì từ giờ này (giáo sư chủ nhiệm quay sang Lê Xuân Khoa, thư ký tòa soạn) " tạp chí chỉ nên dịch thơ, chưa vội vàng đăng thơ của nhà thơ trong nước làm gì cho tốn giấy mực. Mà phải dịch thơ Mỹ, có tầm cỡ như W. Whitman ấy nhé! "

Đỗ nghe đến đây nóng mặt , trả lời ngay rằng; dịch thơ porno kiểu Mỹ đăng trên tạp chí Vietnam phải trả tiền cũng như đăng quảng cáo vậy. Giáo sư chủ nhiệm héch mũi lên trả lời đốt chat, như cơ quan thánh giác người thấy mùi đồng đô la- cứ một đô la của Mỹ bây giờ đổi được ba nghìn năm trăm tiền Vietnam đấy.

Và thứ ông Cao Văn P..., thân sinh bạn gái mà tôi hết lòng yêu dấu, nếu tôi là ông thì cũng chẳng đại gì gả con gái cho nghệ sĩ chẳng nghề ngỗng gì ra hồn là phải đạo! Và tôi đã được cho nghĩ việc, còn thư ký tòa soạn, giáo sư Lê Xuân Khoa đã bị thay thế (vì tôi viết bài điểm sách Việt Nam Văn học toàn thư của Hoàng Trọng Miên đạo trăm phần trăm Lược khảo về thần thoại Việt Nam của Nguyễn Đồng Chi ở Hà Nội trước đó ba năm sách này được nhất biên khảo giải văn chương tổng thống Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm) Và bây giờ, giáo sư Lê Thành Trị mới tốt nghiệp xã hội học ở Bỉ về, có chân trong đảng Cần Lao sẽ làm chủ bút, cùng với giáo sư Thục vẫn là chủ nhiệm. Tờ tạp chí này phải thay đổi từ hình thức đến nội dung, hướng về chính trị để giải quyết thân phận con người Việt Nam hướng tới hòa đồng với thế giới tự do văn minh, chứ không nặng về văn nghệ văn gừng nữa. Và tôi được cho nghĩ việc là hợp lẽ thôi . Tôi có thể nhịn đói đôi ba ngày, nhưng con tôi (là cháu gọi ông bằng ngoại) không thể nhịn sữa vài tiếng đồng hồ. Vì thế tôi phải giải giới vật cứng như đinh sắt (nói theo đại thi hào Mỹ) trước khi hẹn hò với con gái ông, để dầu tôi muốn làm liều trước sự đã rồi thì còn có thắng (phanh,) hãm lại .Tôi không dám chủ động hôn cô, dầu cho cô có tự nguyện đi chẳng nữa! Có một điều tôi phải cảm ơn ông (một cách lặng lẽ chân tình nhất) là ông đã có cô gái mà cô ta cho tôi mượn tâm hồn ngây thơ trong trắng rất cao thượng để tôi có nguồn rung cảm sáng tác. Chủ nhật này, con gái ông dành cho tôi một ngày chủ nhật cuối cùng trọn vẹn. Cô ấy nấu cơm trưa tại nhà tôi trọ xong, chúng tôi cùng ăn rồi cô nằm nghỉ trưa trên giường tôi thường nằm; cô vít

cổ tôi xuống (điều này lâu quá có thể chỉ là tưởng tượng mà thôi) mà sao tôi lại quay mặt đi? Có thể người con gái này cũng không thể làm khác hơn bất cứ đôi tình nhân nào yêu nhau- như mỗi tình chúng tôi đã năm sáu năm, tại sao không thể đòi ôm người yêu vào lòng, hoặc trao nụ hôn dù nhiều lần có cơ hội. Trong bong tối gần kề của rất nhiều lần ở rạp chiếu bóng, cảnh gọi cảm nhất khi ngược nhìn người tình nam để có đôi môi ngậm như cảnh âu yếm đôi tình nhân trong phim Orfeu Negro? Hay anh chàng người tình cô con gái ông tuy đàn ông thật lại chỉ có cái mã ngoài giống kẻ đồng tính hay lạnh cảm? hay cái đĩnh cứng của Whitman mà anh ta có để phân biệt được là nó khác với nữ thì lại không còn công năng sử dụng? Và người được gọi tình nam con gái ông khi còn ở miền Tây bắc (Nghĩa Lộ) khi đó chừng mười tuổi thường nghịch ngợm xuống suối nước trong vắt tắm chung với các cô gái Thái tắm trường, váy áo để trên đầu. Khi thấy bạn trai con gái ông đòi tắm chung, một cô lên tiếng:

- ... ai cho mày tắm chung với tụi tao?

- - Sao lại không cho tắm chung?

- -Bởi mày là con trai.

-

- Bạn trai của con gái ông cũng không vừa gì, cầm vật chưa cứng như cái đĩnh, thơ Whitman nước Mỹ, kéo ra phía sau, trông giống hết như cái của cô gái Thái – thì tiếng cười nhất loạt các cô Thái tắm suối cười vang rồi im lặng đồng tình cho bạn trai con gái ông tắm chung. Tất nhiên phải nói đó là tiền thời kỳ khi quen con gái ông đã trên mười năm rồi . Có một điều hơi lạ về cách đặt tên cho con con cái trong gia đình gia tộc nhà ông. Các con gọi tên thật như middle name của nước Huê Kỳ ngày nay vậy .Một trong số các con của ông là đứa bé trai có tên Cao Văn Nhân lại không sống được- thì giờ đây con gái ông có bạn trai làm nghề văn nhân thì ông lại ghét cay ghét đắng và nhất định không gả con gái cho, nếu nó xin cưới thật. Và nghề thì không rồi, còn ngỗng cũng rụt cổ, làm sao nó yêu lại dám ôm con gái ông vào lòng – và hôm nay ngày chủ nhật, ngày cuối cùng thời hạn cuối không thể kéo dài hơn nữa, vì nó đã gửi thư bảo đảm cho ông, nội dung thư hoàn trả con gái còn nguyên trăm phần trăm đầy bổ oì!- giống như bọn lính tráng bây giờ mỗi khi nốc rượu thì vừa nâng ly vừa hò hét một trăm phần trăm anh em oí !... Nhưng hai cái này có hơi khác nhau, trả con gái cho ông còn một trăm phần trăm là còn nguyên si; nhưng ly bia uống he61tcu4ng hay là rượu đế thì một trăm phần trăm kia không còn là nguyên ly nữa?

-

- Trước khi đi gửi thư bảo đảm cho ông chỉ cách đây vài ngày, tôi đã vào sân bay Tân sơn nhất, đến cả Khu nhà Cư xá Hàng không dân sự, nơi ông và gia đình ở khi xưa, để nhớ lại có một đêm vào năm 1956, trung úy Hoàng Liên đưa tôi đến thăm con gái ông lần đầu. Nó chờ tôi trên chiếc xe gắn máy Suzuki vào sân bay, đến cổng Nhà Kiếng bị ách lại, bởi ngày hôm sau Tổng thống Diệm sang New Dehli thăm nước bạn, nên an ninh được đặt lên hàng đầu kiểm soát ai vào ra nghiêm ngặt. Nó phải đưa thẻ nhà báo quân đội mới đủ bảo đảm an ninh ,lọt vào khu, sân bay và phía sau là cổng tôi theo. Khi lá thư này đến tay với địa chỉ là Nha Hàng không dân sự Ban mê Thuật, xin ông tha thứ khi đọc đến dòng nào, câu nào, hoặc ý nào bất kính thì tha thứ cho, vì kẻ viết này chỉ nói thực ý nghĩ bản thân và không cố ý xúc phạm người khác. Và trong đời tôi đến ngày này, tôi không bao giờ quên được, có một lần vào dịp tết âm lịch, tôi tiễn con gái ông về Ban Mê Thuật ở bến xe Ngã Bảy Saigon. Cô ấy đưa cho tôi một phong bì chúc tết, mà tôi biết chắc chắn trong đó có tiền lì xì. Một người nam không muốn bạn gái coi nhẹ, thì nhất nhất không được cầm ngân ảnh (chữ con gái ông dùng thay triền) người nữ. Vậy tôi biết trong thư có tiền, sao vẫn cứ cầm đầu nhận? Bởi năm ấy, tôi khốn khổ cùng, đường, ngày cận tết, nợ đòi tám hướng, từ tiền nhà trọ, tiền mua chiu gạo, nước mắm, củi ...và trước đó tôi đã chót phịa chuyện nay mai đi du học, vài năm sau về khá giả mới nói đến chuyện vợ con vv.. và vv.. Nhưng thực là nói xạo, cái thân phận tứ cố vô thân, chẳng còn ai gửi hình, lưu ảnh nên đem mấy tập ấy gửi con gái ông giữ hộ. Chẳng biết khi đi lấy chồng thì mấy tập ảnh kia ném vào số nào? Đã hủy bỏ chứ còn giữ làm gì cho thêm chuyện rắc rối!

-

- Thư quá dài xin ngưng , kính chào ông bố vợ hờ!...

-

- Ngày.. tháng . năm.....

Đường Bá Bôn

Hình như mỗi cuốn sách đều có một số phận, cả đến bút danh tác giả cũng không khác hơn. Với tôi, bút danh *Đường Bá Bôn* xuất hiện lần đầu ở Saigon từ 1957, ký dưới bài viết lên án Hoàng Trọng Miên, (Saigon) soạn giả *Việt nam văn học toàn thư* (tập I), sao chép, đạo văn Nguyễn Đồng Chi (Hà Nội, qua *Lược khảo về thần thoại Việt Nam* (Hà Nội 1956).

Bài báo ra mắt độc giả, người viết điểm sách bị mất việc, thư ký tòa soạn, tạp chí *Văn hóa Á châu* giáo sư Lê Xuân Khoa bị thay thế, còn Nguyễn Mạnh Côn mất chức chủ bút tạp chí *Văn hữu*, vì bệnh vực Hoàng Trọng Miên. Sau Nguyễn Mạnh Côn phải nhờ văn Đỗ Tôn (trong *Tự lực văn đoàn*, tác giả *Hoa vông vang* đến gặp Đường Bá Bôn ở *Nhà hàng Thiên Thai* xin lỗi bằng lời trước ; tiếp bằng chữ viết trong một bài phỏng vấn tạp chí Bách Khoa (*Cuộc trả lời phỏng vấn- Nguyễn Ngu Í số 122, ngày 1/2/1962, Saigon*). (..*Tôi , Nguyễn Mạnh Côn) nghĩ mình đã có lỗi, mình xin lỗi xong thì nhẹ hẳn tâm hồn đi, chứ sao lại hờ thẹn? Tôi cho rằng chỉ đáng hờ thẹn nếu mình có lỗi cứ cãi bừa đi, nhưng rút cuộc vẫn bị người đời biết rằng lỗi ở mình...*" Ông Côn tự khoe giỏi tiếng tây và từng chỉ trích bài viết của tôi có nhiều cây sai văn phạm , đưa ra thí dụ : một thái độ không thể tha thứ! Đáp lễ , tôi trả lời *Cette attitude est impardonnable!*, còn chưa thêm : *Nguyễn Mạnh Côn hết tên lính lệ thích khoe giỏi tiếng tây hơn quan huyện*," bài đăng trên tạp chí *Sinh Lực* (Võ Văn Trưng *chủ nhiệm*) , Uyên Thao, tổng thư ký tòa soạn) , báo phát hành được ít ngày, Bộ Thông tin (Việt Nam Cộng Hòa) yêu cầu chủ nhiệm sa thải thư ký tòa soạn.

Bút danh này còn ký trong sách dịch *Việt Nam bị thảm Đông dương* (Saigon, 1963, in rô nê ô) từng gây cuộc tranh luận sôi nổi, ồn ào. Võ Phiến kiểm duyệt viên cấm xuất bản 1963, đến 1964, sách được phép in ra - Võ Phiến (*giấu mặt*) , Trần Phong Giao , thư ký tòa soạn tạp chí *Văn* (*Nguyễn Đình Vương, chủ nhiệm*) viết bài đả kích thậm tệ (*thù oán riêng, hạ địch thủ với câu cú viết đầy sự hậm hực, trút thù hận với giọng văn ba que, sỗ lá, rất đều cáng*) - thí dụ; trích *một câu dịch giả dịch sai, rồi bù lu bù loa kết thúc : ..dịch giả từng làm thông ngôn lính Viễn chinh Pháp dốt tiếng Phú lãng sa là đúng rồi !*

Bốn mươi năm sau , Nxb *Công an nhân dân* tái bản (2004) , không xin phép, có bài giới thiệu của hai ông Chương Thâu và Phan Trọng Báu hiệu đính và giới thiệu, cuối bài nhập nhằng ký NGƯỜI DỊCH , và *hai ông khẳng định bản dịch Đ.B.B. thiếu trong sáng, nên phải hiệu đính (dịch giả Đ. B. Bôn là tôi có yêu cầu, hoặc là đầu nậu in cuốn này thuê hai ông làm)*, như ngoài việc bị bỏ sót một số đoạn (đã so với bản chính *Vietnam, la tragedie indochinoise của Louis. Roubaud*) .

(*) Trong bài báo chê hai ông này nhập nhằng tự biên tự diễn, hiệu đính, giới thiệu, tự ký tên NGƯỜI DỊCH; điều quan trọng nhất đã so với nguyên bản, vậy mà có một câu sai mà không biết sửa, vẫn giữ nguyên "*Chiếc "Tout Saigon" của Pháp đậu ở bến sông.*" (năm 1965 , trong một bài báo , dịch giả đã nhận có sai- đúng ra câu này có nghĩa "*các khách thượng lưu Saigon đều có mặt*"). Biên tập viên Nxb Công an nhân dân (*thư đề ngày 08/06/04, Hà Nội*) viết cho tôi: "*.. Cháu đã tìm được nguyên bản tiếng Pháp tác phẩm của Louis Roubaud. Vì không biết tiếng Pháp, và cũng vì bản dịch Việt Nam bị thảm Đông dương đã được thực hiện khá lâu rồi 1963*) , nên cháu đã mời học giả Chương Thâu và ông Phan Trọng Báu hiệu đính bản dịch và giới thiệu tác phẩm. Hai ông đã đối chiếu với bản tiếng Pháp của L. R. và thấy bản dịch của dịch giả Đường Bá Bôn bị bỏ sót một số đoạn mà các ông hiểu rằng: do công bố vào một hoàn cảnh lịch sử bất lợi, nên nhưng đoạn nói về hoạt động của những tổ chức có xu hướng cộng sản và đặc biệt là của Nguyễn Ái Quốc, bị bỏ từng đoạn, thậm chí từng trang, mà trên bản in ra , ta chỉ thấy

những dấu chấm lửng (...) Do không có trong tay bản viết ngữ của dịch giả Đường Bá Bồn in năm 1963 (*bác gọi là bản A- bản in lần đầu rõ nề ô năm 1963 không xin kiểm duyệt , in đầy đủ - Đ.B.Bồn chú thích*) nên cháu cũng như những người hiệu đính đã không thể biết rằng những đoạn đó thực sự đã được dịch giả Đường Bá Bồn dịch rồi. Chính vì lẽ đó hai ông Chương Thâu và Phan Trọng Báu đã dịch bổ sung những đoạn còn thiếu và sửa chữa một số câu chữ trong bản in năm 1965 của Đường Bá Bồn. Hai ông cũng đổi tựa đề *Việt Nam bi thảm Đông Dương* thành *Việt Nam thảm kịch Đông Dương* (cháu gửi kèm đây bản sửa chữa có bút tích của hai ông Chương Thâu và Phan Trọng Báu).

Do uy tín của học giả Chương Thâu nên cháu cũng như NXB đã tin tưởng vào chất liệu hiệu đính, vì vậy *không biết bản hiệu đính này có những điểm sai sót quan trọng như dịch giả Đường Bá Bồn đã vạch ra..*(...) Riêng chi tiết cuối *Lời giới thiệu*, hai ông Chương Thâu và Phan Trọng Báu (đã đứng tên hiệu đính, sửa chữa, bổ sung và giới thiệu ở phần đầu sách, lại đề NGƯỜI DỊCH (Hà Nội, ngày đầu xuân Quý Mùi 2003/ Người dịch) , cháu xin *giải thích như sau: Thực tế không phải hai ông Chương Thâu và Phan Trọng Báu có ý nhập nhằng từ vai trò*" hiệu đính, sửa chữa , bổ sung, giới thiệu *sang vai trò "người dịch".*(bài báo viết vậy- Đ. B. Bồn chú thích) Đây là lỗi thuần túy về kỹ thuật mà cháu, bối vai trò một Biên tập viên đã sơ suất không kiểm soát và không sửa chữa trong bản in thử. Cháu xin lỗi dịch giả Đường Bá Bồn! (...) . Vì không có thông tin về dịch giả nên cháu không biết rằng bản viết ngữ *Việt Nam bi thảm Đông dương* cũng như bản sách khác của bác đã được ký hợp đồng xuất bản với một công ty văn hóa .". (Năm sau , *Việt Nam bi thảm Đông dương* , Nxb Thanh Niên, 1965 tái bản & Doanh nghiệp Sách Thành Nghĩa phát hành-- in theo bản đã in của Nxb Đại Nam văn hiến 1965, 1965)- Đ.B.B. chú thích) .

Thế rồi, báo *Pháp luật số ra ngày 11/04/2004* (cơ quan ngôn luận Bộ Tư pháp) in bài viết của nhà báo Hoàng Hoài Sơn , có tựa đề:

" Một nhà văn khiếu nại hai nhà xuất bản: trong tuần tháng 3 vừa qua, nhà văn Đỗ Mạnh Tường , hiện cư ngụ tại đường Trần Khắc Chân, quận 1, TP. Hồ Chí Minh đã cùng khiếu nại NXB Văn hóa Thông Tin và NXB Giáo dục. "(có in kèm bìa sách hai cuốn: *Hàn Mặc Tử, nhà thơ siêu thoát (NXB Đồng Nai)* và *Hàn mặc tử về tác gia và tác phẩm*"(Nxb Giáo dục) ...

"Ông Mạnh Tường cho rằng cả 2 NXB này đã vi phạm Luật xuất bản. Vậy thực hư câu chuyện ra sao?..

Trong đơn khiếu nại gửi ông Cục trưởng Cục Bản quyền tác giả, ông Ngô Trần Ái -Giám đốc NXB Giáo dục, ông Mạnh Tường nêu rõ:" *Trong tác phẩm Hàn Mặc Tử về tác gia và tác phẩm do Phan Cự Đệ- Nguyễn Toàn Thắng tuyển chọn và giới thiệu (NXb Giáo dục in xong và nộp lưu chiểu tháng 7/2002. Số XB: 1749/123/01, số in: 4197). có trích nguyên chương 4 Nữ sĩ Mai Đình (từ trang 19- trong tác phẩm Hàn mặc Tử, nhà thơ siêu thoát của Thế Phong (NXB Đồng Nai- 2002) Tuy vẫn để tên Thế Phong trong tuyển chọn, nhưng ông Đệ và ông Thắng cũng như NXB Giáo dục không xin phép trước khi in trọn chương 4 nêu trên. Ông Mạnh Tường nói:*

" *Hành vi này vi phạm Luật Xuất bản, tiếm đoạt trắng trợn tác phẩm người bị hại.*"

Đáng chú ý là ngay sau khi biết được chuyện này, lúc ấy ông Mạnh Tường đã làm đơn khiếu nại yêu cầu NXB Giáo dục thanh toán nhuận bút và sách tặng. Sau một thời gian chờ đợi, ông Tường không nhận được hồi âm của NXB Giáo dục mà chỉ nhận được một cuốn *Hàn Mặc Tử về tác gia và tác phẩm* do ông Toàn Thắng gửi qua đường bưu điện (*Không một lời phúc đáp và không trả nhuận bút bản quyền*) , ông Tường cũng tặc lưỡi cho qua luôn. Thế nhưng mới đây ông Mạnh Tường lại phát hiện cuốn *Hàn Mặc Tử về tác gia và tác phẩm* lại được NXB Giáo dục tái bản lần thứ nhất (QĐXB 949/QLXB. Số XB 189/240-03, in xong và nộp lưu chiểu quý III/2003.)

Trong lần in này, NXB Giáo dục tái phạm lỗi sơ đẳng nhất không xin phép tác giả Mạnh Tường. Và đây là" giọt nước tràn ly" khiến ông Tường lại làm đơn khiếu nại lần 2 như trên. Như vậy NXB Giáo dục đã hai lần vi phạm LXB đối với một tác phẩm. Được biết sau khi nhận đơn khiếu nại lần 2, NXB Giáo dục đề nghị trả 167.000 đồng tiền nhuận bút cho ông Tường, nhưng ông đã không chấp nhận giải pháp này. Luật sư của ông Tường là ông Nguyễn Đình Phùng cho

biết:

" Sở dĩ có tình trạng như vậy, là do ông Tường đã chuẩn bị cho tái bản cuốn *Hàn Mặc Tử*, nhà thơ siêu thoát, thế nhưng NXB Giáo dục cho tái bản cuốn sách trên đã trực tiếp gây phương hại đến công tác in, ấn và phát hành của ông Tường. Nghĩa là nếu ông Tường in sách ra, thì sẽ rất khó bán. Điều này sẽ dẫn đến những thiệt hại lớn thời kinh tế. Đây chưa kể đến tổn hại về mặt tinh thần".

Không loại trừ khả năng ông Tường sẽ khởi kiện vụ việc này. Ông Mạnh Tường có lẽ là cá nhân duy nhất khiếu nại NXB Giáo dục còn trường hợp như ông là khá nhiều....(..)

Mới đây một hai năm, cuốn sách kia lại tái bản lần thứ ba, in tại một nhà in ở Đà Nẵng. Có gọi điện thoại cho NXB Giáo dục ở Hà Nội, cô trưởng phòng trả lời :1) một trong hai soạn giả, thì giáo sư Phan Cự Đệ đã qua đời 2) ông Nguyễn Toàn Thắng hiện làm việc tại Học viện Nguyễn Ái Quốc. Tiến bản quyền và sách thì ông Thắng đã nhận đủ, yêu cầu liên hệ thẳng với ông Thắng.

Vậy là áp dụng kiểu *đánh bùn sang ao*, bây giờ nhiều nhà xuất bản được coi như cái ao lớn, có rất nhiều bùn, Nxb Giáo dục tha hồ đánh bùn sang ao chẳng bao giờ cạn.!

Tôi bèn đọc lại *Điều 17, Luật Xuất bản- 7/7/1993*: " *Việc xuất bản, tái bản nhân bản những văn kiện, tài liệu, sách giáo khoa, giáo trình, đĩa âm thanh, băng hình của tác giả, tổ chức nào phải được tác giả, tổ chức đó đồng ý*".

Thật tình tôi không biết LXB này còn hiệu lực, hoặc được Quốc Hội thay thế bằng luật XB mới? Thôi thì "xí bùm bùm" - từ Lý Văn Sâm dùng, ám chỉ bỏ đi), cứ coi như không hay, không biết, không thấy, không nói chuyện với ông Toàn Thắng (như đại diện Nxb Giáo dục đề nghị) về cuốn này đã tái bản lần 3 của NXB Giáo dục (in ở Đà Nẵng), có phạm điều 17/ LXB hay không? Tuần trước tôi còn nhìn thấy cuốn *Hàn Mặc Tử về tác gia và tác phẩm* của Phan Cự Đệ và Nguyễn Toàn Thắng sưu soạn, tái bản lần thứ 3, giá bìa 150.000 VNĐ /cuốn ở Nhà sách Thăng Long. (tp. Hồ Chí Minh.)

Ngẫm lại bút danh Đường Bá Bồn của hai cuốn sách có số phận thật- nói lái theo miền Nam thì Đường bốn bả (theo số tử vi, tôi phải lấy vợ sau 30 tuổi trở lên mới chắc cứu là có một bả (- tôi rất ghét bói toán, và không tin). Có một lần, nói chuyện văn chương với nhà văn học Nguyễn Hiến Lê, lúc này ông ở 12/3C Kỳ Đồng, Saigon 3, ông hỏi tôi: " ... tại sao anh lấy bút hiệu Đường Bá Bồn? (ây là thời kỳ báo chí ồn ào chuyện Đường Bá Bồn viết điếm sách lên án Hoàng Trọng Miên đạo văn, Nguyễn Mạnh Côn lúc đầu bênh vực, sau mất chức chủ bút, rồi xin lỗi. vv..). Đáp, anh cùng ông Nguyễn Hữu Văn (Giản Chi) là đồng tác giả một cuốn sách khảo luận, triết, văn Trung hoa được giải Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa - vậy anh không nhớ Đường Bá Hồ tự Dẫn (một bàn tay 6 ngón) hết Đường Bá Bồn tự Bốn Bả, có bàn tay phải 6 ngón như Tạ Tỵ viết trong sách anh ấy sao? (*Mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay*, Lá Bối, Saigon 1972) Ông Lê gật đầu, cười cười; tiếp theo hỏi về Nguyễn Đức Quỳnh, ý anh muốn tôi đưa lại thăm lãnh tụ nhóm *Hàn Thuyên* thời tiền chiến. Ông Lê hỏi tiếp, đại để tôi viết *Nhận diện vóc dáng Nguyễn Đức Quỳnh* cũng tạo một dư luận ồn ào- vậy đã có bao giờ tôi được nghe ông Quỳnh kể chuyện gặp gỡ chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa chưa? Đáp, chưa. Vậy là ông Lê đã đọc trên tạp chí Tri Tân (số 205/tháng 9/1945). Theo ý tôi, không nên gặp, bởi lẽ ông Lê là nhà văn học (đúng nghĩa), thì không nên gặp một nhà văn hóa nhiều chính trị tính như ông Quỳnh; nếu ông vẫn muốn gặp, thì tôi sẽ hen, giờ, ngày sau.

Cách đây hơn một tháng, Đài Truyền thanh & Truyền hình Đồng Nai mới giáo sư Trần Hữu Tá lên Biên Hòa (có cả Bùi Quang Huy, Giám đốc Nxb Đồng Nai tham dự) trả lời *phát sóng trực tiếp* về nhà văn Bình Nguyên Lộc. Lúc ở dọc đường, giáo sư Tá hỏi tôi, *tại sao lấy bút danh Thế Phong?* Bèn trả lời thêm, Đường Bá Bồn nói lái là Đường Bốn Bả; nhưng Thế Phong hay Đường Bá Bồn chỉ một bả mà thôi. (.. *thưa giáo sư Trần Hữu Tá, đó là ý Chúa được nên, bởi tôi là tín hữu Tin lành* ".

(*) *Trước khi in thành sách, những bài viết về Hàn Mặc Tử đăng trên tạp chí Văn hóa Á châu (1957) ký ĐƯỜNG BÁ BỒN.*

ĐƯỜNG BÁ BỒN.

Thế Phong

Vũ Bội Trâm
Vợ Phùng Quán đã trở về cát bụi...
Đường Bá Bôn

Lời dẫn:

Qua một bài nhỏ của nhà báo Tân Linh đăng trên "Văn hóa & Thể thao", báo tin chị Vũ Bội Trâm đã qua đời vào ngày 15/8/2010. Cái tin này chẳng khiến giới văn chương mấy quan tâm, nếu ai đó không biết chị Vũ Bội Trâm (1932-2010) là vợ nhà thơ Phùng Quán (1932-2004), còn là chị ruột nhạc sĩ Vũ Hường (thân sinh MC âm nhạc Anh Tuấn bây giờ rất nổi đình đám ở Hà Nội). Tôi nhớ lại, lần gặp chị Trâm - nhà báo Kiều Liên Sơn (1936-2006) đưa lại thăm, khi chị còn ở phía sau Trường Chu Văn An, bên cạnh Hồ Tây. Và phu quân chị, nhà thơ Phùng Quán đã ngồi chễm chệ trên bàn thờ, khói nhang nghi ngút - và cô gái phố Hàng Cân Hà Nội, nữ sinh trường Nữ Trung Vương, kể chuyện gặp anh bộ đội về giải phóng Hà Nội, quen biết ra sao, sau làm đám cưới vào năm 1962- cặp vợ chồng này đều cùng tuổi 30. Chị Bội Trâm dạy văn ở Trường Chu Văn An, nên được cấp một căn phòng nằm phía sau trường, từng được bố mẹ ở phố Hàng Cân cho con rể những cột gỗ lim to đùng, để con rể coi nói căn phòng kang trang, rộng rãi hơn. Cô giáo Trâm, người mảnh dẻ, ăn nói lịch thiệp, từng được mệnh danh "con gái Tràng An thanh lịch gạo trắng, nước trong, khác hẳn" con gái thành phố Hoa phượng đỏ, khi ấy được mệnh danh "đồng chua, nước mặn". Chị là một người vợ, mẹ của hai người con: một gái, một trai, chồng là nhà thơ có một thời dính líu "Nhân văn Giai phẩm", bị tước' văn tịch', một thời "bất hạnh" uống rượu lậu, câu cá chui, thơ làm ra không in được, đành rủ vợ ra ven Hồ Dâm Đàm nghe "thơ ngoài luồng". Và khi qua đời, đám tang chưa bao giờ được nhiều bạn bè, văn chương, báo chí, người hâm mộ đi đưa đông cho đến vậy. Cuối cùng tập thơ PHÙNG QUÁN được Hội Nhà văn TW. tài trợ in, khi tác giả không còn, và chị Bội Trâm thay chồng ký tặng bạn bè.

Ngay cả nhà báo-nhà văn Kiều Liên Sơn cũng không còn nữa (1936-2006), nay đến chị Bội Trâm- nên, tôi cho trích đoạn trong tập bút ký "Hà Nội 40 năm xa" (nxb Thanh niên, 1999, 2006) để nhớ lại lần gặp gỡ của 15 năm trước.

"... Kiều (Kiều Liên Sơn) giắt tôi lại thăm khu Trường Bưởi (nay Chu Văn An) đến thăm chị Bội Trâm (vợ Phùng Quán) nằm ở phía sau trường. Chị niềm nở tiếp đón, hỏi thăm vợ, con Kiều, rồi hỏi "con mèo đem về còn không?"

Hiểu ngay, gia đình Kiều và gia đình Phùng Quán có sự thân tình.

Trên bàn thờ, có chưng khung ảnh Phùng Quán, còn treo lủng lẳng chiếc áo vét-tông, đầy chữ ký bằng hữu thân thuộc, và khói nhang nghi ngút như không bao giờ tắt. Kiều lấy hương đốt vái lạy bạn đã rửa chân lên ngồi trên bàn thờ hơi sớm. Tôi vẫn ngồi, có lời thưa: "... tôi xin lỗi, vì không thể vái lạy bởi người Tin lành phải làm theo lời kinh thánh chỉ dạy".

Nhìn cột gỗ lim nổi vân gỗ, lên nước bóng loáng, chứng tỏ cột gỗ rất lâu năm tồn tại. Thấy ngấm nghĩa mãi mê, chị kể cho nghe, cột nhà này được tháo gỡ từ nhà ông bà ngoại ở Hàng Cân, đưa về đây dựng cho rể. Chị ngỡ ý muốn đưa chúng tôi lên thăm gác xép, buổi sinh thời anh thường làm việc.

Gác xép gọi là chòi, tên chủ nhân đặt, nơi Tào Mạt thường ngắm Hồ Tây, và cùng trò chuyện với Phùng Quán ngày qua ngày, có khi ở lại đêm. Chị đi lại phía sau cửa sổ dài, hẹp, bốn cánh

(persienne) mở toang cả sáu cửa, như chị giới thiệu: ... cho các anh thỏa thích ngắm cảnh sông nước mênh mang hồ Lăng Bạc, như xưa anh Phúng Quán, ngày đêm mở đón gió lùa, vừa uống rượu, vừa vuốt râu, ngâm thơ toáng lên cho vợ nghe". Phía vách trong, treo chân dung Phúng Quán do Bùi Xuân Phái phác họa, cạnh là chân dung Essénine, không nhớ ai vẽ, một tấm liễn "Trường ca Võ Thị Sáu" viết tay, lủng lẳng đong đưa tận cuối vách.

Hiển nhiên, sinh thời Phùng Quán lấy rượu làm bạn, rất có thể uống nhiều, quá độ, lúc qua đời vì hậu họa từ rượu gây ra.

Cô đơn lẻ loi như Phúng Quán, cạnh bên còn Tào Mạt, còn vợ, còn con. Nhưng còn *cái anh cô đơn không còn bạn-người, chỉ còn bạn-vật-người, chính là Essénine đang ngồi trên tấm vách kia, uống rượu chẳng còn ai bên cạnh, đành gọi: "hỡi con chó cái kia, mi hãy đến đây, cùng uống rượu với ta."*

Chị Bội Trâm đưa chúng tôi xuống gác, lấy hai tập thơ vừa xuất bản, bìa màu vàng:

THƠ PHÙNG QUÁN

(nxb Hội nhà văn, Hà Nội 1995)

Chúng tôi vừa uống nước, vừa nghe kể, đám tang chưa bao giờ đông đến vậy, hằng hà anh em, bạn bè, người có quyền, có chức ghi vào *Sổ lưu niệm*. Và người cuối cùng, tính đến giờ phút này, chị ngừng lại, đó là "đương kim Trường ban Văn háo Tư tưởng Trung ương : Hà Đăng."

Tào Mạt thường ghé lại *CHÒI* (viết hoa) cùng anh ngắm sóng hồ Lăng Bạc, gió thổi lẩn tẩn; ngược lại, sóng lòng hai kẻ đang cuộn cuộn nổi, cao hứng coi Trời chỉ là cái vung đầy áp rượu nồng. Quá chén, chẳng cần che chắn nói năng như lúc bình thường, *bây lần uốn lưỡi hãy ra lời*, hoặc tai họa ra từ miệng, tất cả là hư ảo - cứ nói thẳng thừng- có hai điều Tào Mạt ước ao: MỘT là, sẽ giới thiệu Phùng Quán vào Đảng CS VN, HAI là, một bài thơ của Tào Mạt phải được dùng làm LỜI TỰA cho tập thơ PHÙNG QUÁN khi xuất bản.

Nhưng không là ý mình, mà ý Trời, Phùng Quán chết sau Tào Mạt, nên không thể bảo lãnh cho bạn được đeo Thẻ Đỏ. Còn bài thơ làm Tựa của Tào Mạt thì đã được in trong tập thơ này rồi. Có một câu thơ tự bạch của Phùng Quán: "... May thay, bước vào tuổi 64 (tính theo âm lịch) nhờ tình ưu ái của Ban Chấp hành Hội Nhà Văn, tôi đã thực hiện được một trong hai điều ước của Tào Mạt đối với tôi..".

Bài thơ của Tào Mạt viết chữ hán, rồi chính tác giả tự dịch xuôi nghĩa:

TẶNG PHÙNG QUÁN

Tuổi trẻ đã có nhiều công tích vẻ vang
Như chim nhạn vượt qua mây thành
Ý thành nhưng vì lời chưa chín chắn
Tai họa kết là lính quay giáo
Chất ngọc bị bắn bởi ghét bụi
Lòng trong sạch tự chiết xuất ra văn
Râu bạc trắng thì phúc cũng đến
Cả văn lẫn chất ngày càng dày dặn...
TÀO MẠT

Thơ với Phùng Quán : không chỉ giải thoát tâm linh, còn là động lực tinh thần, để nâng đỡ tâm linh. Bút tích của anh ghi trên đầu tập thơ: *Thơ đề trên thơ / có những phút ngã lòng / Tôi vin thơ mà đứng dậy.*

Chị Bội Trâm mời nước lần hai, bây giờ mới lấy bút ra đề tặng.

Chỉ với tôi thôi, người chưa bao giờ gặp mặt Phùng Quán, và cả với chị, thật cảm động!

Vốn nhà giáo, nét chữ rất chân phương, ngay ngắn, viết theo hàng chỉ kẻ, tiếp đến hàng chữ

ghi tặng:

*Thơ là mạng sống
là lý lịch đời tôi
Một đời lưu lạc
Một đời cay cực
Một đời thơ
PHÙNG QUÁN*

Kính tặng anh THẾ PHƯƠNG
Hà Tây, thu 1995
VŨ BỘI TRÂM
vợ anh Phùng Quán

Kiểu thấy viết sai, đề nghị chỉnh sửa: PHƯƠNG thành PHONG. hai âm U, O được chệch nấn nót tôi lại thành O.(.....)

Phùng Quán là cháu gọi Tố Hữu bằng cậu ruột. nhưng khi cậu đang có quyền cao, chức trọng, nhiều kẻ sẵn đón, thì anh như không biết là có. Cho đến khi, nhìn biệt thự khổng lồ trên đường Phan Đình Phùng (Hà Nội) không còn lính gác bằng súng đi đi, lại lại , mỗi lính canh từ đầu này sang đầu kia, và anh lính khác từ đầu kia đi lại, như chỉ nháy mắt nhìn nhau gặp ở điểm giữa- thì vợ chồng Phùng Quán mới lại thăm cậu vào dịp tết cổ truyền.

Trong bài báo kể lại sau này (*tạp chí "Cửa Việt", xuân, không nhớ năm?*) ngoài vợ chồng anh, chỉ còn gặp một bà khách duy nhất đến thăm cậu vợ anh, và được giới thiệu là *chị Nê*. (*phụ nhân ông Võ Chí Công*) Tuy không nói ra, anh nghĩ, người khách này thật có tình, có nghĩa, rất đáng khâm phục, nể trọng. sau khi trò chuyện, lúc ra về, người cậu giang hai tay ôm vợ chồng cháu, thủ thỉ tâm tình, đại để sao cháu không đến gặp cậu trong lúc cháu khó khăn, cháu bị quan điểm chính trị quy chụp, mà bỏ hết những thứ kia đi; thì vẫn còn tình máu mủ, ruột thịt kia mà ! Người cậu còn phê đũa cháu đại dốt, không biết cách ứng xử, lại vụng về khi cần phải lên tiếng cứu mạng. Khi ra đến cổng, người cháu rưng rưng giọt lệ, đọc khế câu thơ mà cậu là tác giả, từ vài chục năm trước: "*Ai nên khôn chẳng dại đời lần*" (Tố Hữu) .

(trích "Hà Nội 40 năm xa" của THẾ PHONG -
nxb Thanh niên tái bản, Hà Nội 2006) .

